

HACKERS

Listening

Bô sách luyện thi IELTS đầu tiên có kèm giải thích đáp án chi tiết và hướng dẫn cách tự nâng band điểm













Copyright © 2017 Hackers Language Research Institute Co., Ltd. published in Vietnam, 2019

This edition is published in Vietnam under a license agreement between

Hackers Language Research Institute Co., Ltd. and Alpha Books through Eric Yang Agency.

All rights reserved. NO part of this Publication or related audio files may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the copyright owner, Hackers Language Research Institute Co., Ltd.

HACKERS IELTS LISTENING

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019
Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành duới bất kỳ hình
thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiên hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn
Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn
Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn
Liên hệ dịch vụ tự vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

Cập nhập xu hướng ra đề IELTS mới nhất

IELTS là cánh cửa giúp các bạn thí sinh hiện thực hóa ước mơ vươn ra thế giới. Chính vì vậy, ngay từ bây giờ, hãy nỗ lực luyện tập và chuẩn bị cho bài thi quan trọng này. Viện Ngôn ngữ Hackers đã biên soạn bộ sách HACKERS IELTS gồm 4 cuốn tương đương với 4 kỹ năng nhằm giới thiệu tới các bạn phương pháp luyện thi phù hợp nhất để có thể đạt điểm cao trong bài thi này. Cuốn Hackers IELTS Listening mà ban đang cầm trong tay sẽ giúp ban:

Đạt điểm cao thông qua việc luyện tập nhiều dạng câu hỏi!

Sách được thiết kế giúp người học nâng cao kỹ năng đọc hiểu qua quá trình luyện từng dạng câu hỏi một cách có hệ thống. Ngoài ra, sách còn gợi ý các chiến lược làm bài cho từng dạng câu hỏi.

Luyện tập theo xu hướng ra đề mới nhất!

Các bài nghe trong Hackers IELTS Listening được biên soạn dựa trên xu hướng ra để mới nhất, các bài Actual Test cũng được biên soạn chính xác theo hình thức giống hệt để thi thật. Vì vậy, bạn đã có trong tay đẩy đủ tài liệu để có thể chuẩn bị kỹ lưỡng cho phần thi của mình.

Tài liệu học tập phong phú giúp đạt được mục tiêu!

Sách cung cấp các tài liệu như: Hỏi-đáp về phương pháp ghi chú, khác biệt giữa tiếng Anh-Anh và Anh-Mỹ, từ vựng theo từng chủ đề và bài tập luyện chép chính tả nhằm giúp người học ôn luyên hiệu quả và đạt được mục tiêu của mình.

Hi vọng rằng Hackers IELTS Listening sẽ trở thành cuốn cẩm nang hữu ích giúp bạn đạt được điểm số mong muốn trong bài thi IELTS và là người bạn đồng hành đáng tin cậy của bạn trên con đường chinh phục ước mơ.

CONTENTS

TOPIC LIST		6			
Lý do HACKI	ERS IELTS Listening giúp bạn đạt điểm cao	8			
Giới thiệu kỳ thi IELTS					
Giới thiệu IEI	_TS Listening và các chiến lược luyện thi	16			
Kế hoạch học tập					
Diagnostic 1	Test	21			
Chapter 01	Multiple Choice	28			
Chapter 02	Note/Form Completion	44			
Chapter 03	Table Completion	60			
Chapter 04	Sentence/Summary/Flow-chart/Diagram Completion	72			
Chapter 05	Matching	88			
Chapter 06	Map/Plan/Diagram Labelling	100			
Chapter 07	Short Answer	112			
Actual Test		126			
Phụ lục 1. H	ỏi đáp về đáp án IELTS Listening	136			
2. Đ	2. Điểm khác biệt giữa tiếng Anh – Mỹ và Anh – Anh				
3. Từ vựng Listening theo chủ đề 1					
Đáp án • Sci	ript ∙ Phân tích ∙ Giải đề	158			

≣ TOPIC LIST

Dưới đây là danh sách chủ đề xuất hiện trong sách. Các bài nghe trong sách đều được phân loại theo từng chủ đề.

Các nội dung được biên soạn trong sách thể hiện xu hướng ra đề mới nhất trong kỳ thi thực. Nếu bám sát theo lộ trình và các nội dung này, người học có thể nắm rõ những chủ đề thường xuyên xuất hiện trong bài thi và biết được những điểm yếu cần khắc phục của bản thân. Từ đó, người học sẽ có chiến lược học tập phù hợp như: chọn ra những chủ đề mà bản thân còn yếu, giải lại đề và ghi nhớ từ vựng thuộc chủ đề đó.

	Tourism · Entertainment	Ch 1 HP 1-4 Ch 3 HP 5-8	Ch 2 HT 1-10 Ch 7 HP 1-3
SECTION 1	Facility	DT 1-10 Ch 2 HP 5-9	Ch 2 HP 1-4 AT 1-10
	School life	Ch 3 HP 1-4	
	Destination	DT 11-20 Ch 6 HP 1-4 Ch 6 HT 1-10	Ch 1 HP 8-11 Ch 6 HP 5-7 AT 11-20
SECTION 2	Infrastructure	Ch 1 HT 1-10 Ch 5 HP 4-7	Ch 2 HP 10-13 Ch 6 HP 8-11
	Event	Ch 4 HP 1-4	Ch 7 HP 4-7
	Instruction	Ch 1 HP 5-7	
	Other topics	Ch 5 HP 1-3	Ch 6 HP 12-14

	Anthropology · Archaed	ology Ch 7 HP 12-15	Ch 7 HT 1-10
	Biology	Ch 4 HP 9-13	Ch 5 HT 1-10
	Business	Ch 1 HT 11-20 Ch 3 HP 9-13	Ch 2 HP 14-18
	Education	Ch 4 HP 5-8	
SECTION 3	Engineering	Ch 1 HP 17-20	
	Theatre	Ch 7 HP 8-11	
	Geology	AT 21-30	
	Linguistics	Ch 4 HP 14-17	Ch 5 HP 8-12
	Psychology	DT 21-30	Ch 1 HP 12-16
	Biology	Ch 5 HP 13-17	AT 31-40
	Business	Ch 4 HT 1-10	
	Chemistry	Ch 2 HT 11-20	
	Food · Nutrition	Ch 1 HP 21-25	Ch 3 HT 1-10
SECTION 4	History	DT 31-40	Ch 3 HP 14-19
	Geology	Ch 4 HP 18-21	
	Medical science	Ch 2 HP 19-22	
	Psychology	Ch 2 HP 23-28	
	Technology	Ch 4 HP 22-25	
* DT: Diagnostic Test	HP: Hackers Practice H	T: Hackers Test AT: Actual T	est

LÝ DO **HACKERS IELTS LISTENING**GIÚP BẠN ĐẠT ĐIỂM CAO

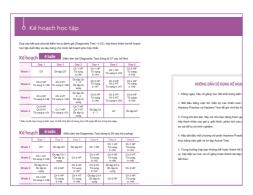
01

Chinh phục IELTS Listening bằng chiến lược học tập hợp lý!



Xu hướng ra đề mới nhất và TOPIC LIST

Cuốn sách bao gồm những chủ đề bám sát xu hướng ra đề mới nhất trong bài IELTS Listening. Ngoài ra, các chủ đề này được sắp xếp trong mục lục một cách logic giúp người học dễ theo dõi và có thể lựa chọn tập trung ôn luyện những chủ đề mà bản thân còn yếu.



Bài kiểm tra tự đánh giá và kế hoạch học tập 4 tuần/6 tuần

Người học có thể tự đánh giá năng lực bản thân qua bài Diagnostic Test có hình thức và độ khó tương đương với đề thi thật. Sách cũng gợi ý kế hoạch 4 tuần/6 tuần giúp người học có thể lựa chọn một kế hoạch luyện thi hiệu quả và phù hợp với trình đô của mình.

Q Luyện tập từng bước để nâng cao trình độ!

Sách được thiết kế giúp người học dễ dàng luyên tập các dạng bài theo từng bước làm để có thể nắm chắc các dạng câu hỏi và có chiến lược làm bài hợp lý.



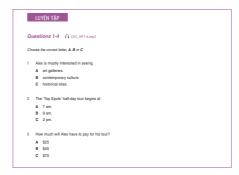
Dạng bài & chiến thuật làm bài

Giới thiệu các dạng câu hỏi và hình thức xuất hiện của từng dạng trong bài thi thật. Đối với mỗi dạng, sách giới thiệu chiến thuật làm bài hiệu quả nhất và ví dụ thực tế để người học dễ áp dụng trong bài thi thật.



Actual Test

Các bài thi được biên soạn theo hình thức và độ khó của bài thi thật giúp người học tự đánh giá năng lực bản thân trước khi thi và qua đó luyện IELTS Listening hiệu quả nhất.



Hackers Practice & Hackers Test

Bằng cách áp dụng kiến thức về các dạng câu hỏi và chiến thuật làm bài vào các bài luyện tập có hình thức giống bài thi thật nhưng độ dài khác nhau, người học có thể vừa tập trung luyện tập vừa nâng cao khả năng thích ứng với đề thi thật.



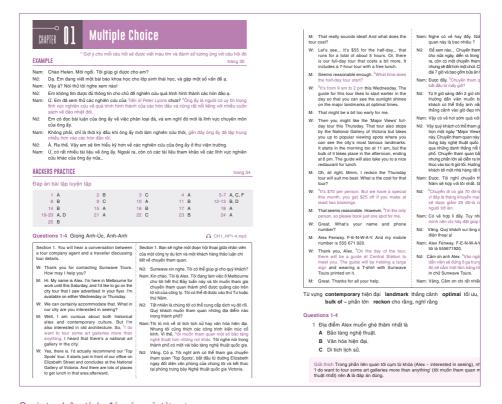
Phu luc

Phần hỏi đáp về các thắc mắc thường gặp giúp người học có thể tránh mắc lỗi khi trả lời các câu hỏi của phần thi Nghe. Ngoài ra, bạn sẽ ôn luyện hiệu quả hơn với danh sách các từ vựng cần thiết cho mỗi chủ đề được liệt kê chi tiết và hệ thống.

LÝ DO **HACKERS IELTS LISTENING** GIÚP BẠN ĐẠT ĐIỂM CAO

03

Đáp án, script, phân tích và giải đề giúp nâng cao năng lực!



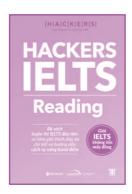
Script, phân tích đáp án và từ vựng

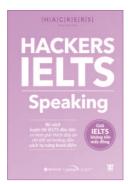
Sách đưa ra những phân tích chính xác về các dạng bài và cung cấp những từ vựng quan trọng để người học không chỉ hiểu mà còn tăng cường vốn từ vựng một cách có trọng tâm.

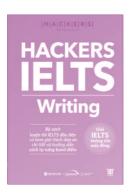
Gợi ý và giải thích đáp án

Sách đưa ra những giải thích chi tiết cho các đáp án giúp người đọc vừa hiểu rõ câu trả lời, vừa làm quen với các phương pháp và chiến lược trả lời.

Q4 Các cuốn sách còn lại trong bộ HACKERS IELTS







IELTS READING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Đọc. Các bài đọc luyện tập có độ dài và độ khó tăng dần, bao quát tất cả các chủ đề hay gặp trong bài thi Reading của IELTS. Nội dung bài đọc được dịch ra tiếng Việt và giải thích đáp án kỹ lưỡng.

IELTS SPEAKING

Cuốn sách cập nhật 20 chủ đề hay được hỏi nhất trong bài thi Nói với dàn bài chi tiết và câu trả lời mẫu để giúp bạn thật tự tin khi bước vào phòng thi Nói.

IELTS WRITING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng đề và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Viết. Các mẫu câu và cách dùng từ "đắt" được liệt kê theo chủ đề. Sách còn hướng dẫn bạn cách lập dàn ý và triển khai thành bài viết đầy đủ.

Giới thiệu kỳ thi IELTS

■ IELTS là gì?

Hệ thống kiểm tra Anh ngữ quốc tế (IELTS) là bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ của những người muốn làm việc hoặc học tập bằng tiếng Anh. Các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và Nói sẽ diễn ra trong tổng cộng 2 giờ 55 phút. Điểm IELTS được đánh giá theo thang điểm từ 1.0 đến 9.0. Điểm tổng là điểm trung bình của bốn phần thi.

Có hai loại bài thi: Academic Module (IELTS Học thuật) là bài thi dành cho học sinh chuẩn bị du học ở các trường đại học hoặc các cơ sở giáo dục cao hơn. General Training Module (IELTS Tổng quát) dành cho người muốn di cư, tìm việc, hoặc làm việc tại các nước Anh, Canada, Úc, Mỹ. Trong hai loại bài IELTS này, phần Nghe và Nói là giống nhau nhưng Đọc và Viết khác nhau.

Cấu trúc bài thi IELTS Học thuật

Phần thi	Số lượng bài và câu hỏi	Thời gian kiểm tra	Đặc điểm
Listening	Bốn bài nghe Tổng cộng có 40 câu hỏi (Mỗi bài nghe 10 câu hỏi)	30 phút (Thời gian trả lời là 10 phút riêng biệt)	 Bài nghe bao gồm cả giọng Anh, Úc, Mỹ Thí sinh có thêm 10 phút riêng để điền đáp án vào phiếu trả lời Bài nghe gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào ô trống, hoàn thành biểu bảng
Reading	3 bài đọc Tổng 40 câu hỏi (Mỗi bài đọc 13-14 câu hỏi)	60 phút	 Bài đọc dài và nội dung về nhiều chủ đề khác nhau Bài đọc gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điển vào chỗ trống, hoàn thành biểu bảng
Writing	Task 1: 1 câu hỏi Task 2: 1 câu hỏi	60 phút	- Không có sự phân chia thời gian rõ ràng giữa 2 câu hỏi - Điểm Task 2 nhiều hơn Task 1
	Т	hời gian chờ đợ	i
Speaking	Bao gồm 3 phần Phần 1: 10-15 câu hỏi Phần 2: 1 câu hỏi Phần 3: 4-6 câu hỏi	11-14 phút	- Phỏng vấn trực tiếp 1:1 với giám khảo - Tất cả nội dung bài thi Nói được ghi âm lại
Khoảng 2 giờ 55 phút			

Các nội dung liên quan đến kỳ thi IELTS

Thời gian	Được tiến hành khoảng 48 lần một năm, 2 ~ 4 lần một tháng
Địa điểm	Kỳ thi sẽ được tổ chức tại địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP.
Cách đăng ký	 Thí sinh có thể đăng ký trước tối thiểu 5 đến 7 ngày (lịch đăng ký có thể kết thúc sớm hơn dự kiến) Đăng ký qua Internet: Hội đồng Anh hoặc IDP Đăng ký trực tiếp: Tại địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP
Lệ phí	 Lệ phí thi: ~ 5.000.000 vnd Phí cấp bảng điểm Gửi miễn phí 5 bảng điểm đến các trường mà thí sinh yêu cầu trong vòng 4 tuần kể từ ngày thi Nếu muốn gửi nhiều hơn 5 bảng điểm hoặc sau 4 tuần kể từ ngày thi, thí sinh phải trả lệ phí
Hình thức thanh toán	Thể tín dụng, tiền mặt
Hủy đăng ký thi	Bạn có thể được hoàn lại 75% lệ phí 15 ngày trước ngày thi
Những chú ý khi đi thi	Chỉ CMT, CCCD và hộ chiếu được chấp nhận trong ngày thi
Điểm thi và phúc tra	 Bạn có thể kiểm tra điểm số trực tuyến sau 13 ngày kể từ ngày thi Có thể lựa chọn nhận giấy chứng nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện Phúc tra: Thí sinh nộp bản gốc kết quả thi và đơn đăng ký theo đường bưu điện hoặc trực tuyến Thí sinh có thể đăng ký phúc tra phần thi mình muốn trong 4 phần kỹ năng

Tips

- Thí sinh phải mang theo hộ chiếu/CMT/CCCD đã dùng đăng ký thi để giám thị kiểm tra trước khi vào thi.
- · Tất cả vật dụng cá nhân đều phải gửi ở nơi giữ đồ trước khi vào phòng thi.
- · Thí sinh được chụp ảnh và kiểm tra dấu vân tay trước khi vào thi.
- · Giữa 3 phần thi Nghe, Đọc, Viết không có thời gian nghỉ riêng. Trong trường hợp cần đi vệ sinh khi đang làm bài, thí sinh ra khỏi phòng thi phải được sự giám sát của giám thị.
- · Lịch thi nói sẽ được thông báo riêng tới từng thí sinh.

Giới thiệu về kỳ thi IELTS

■ Thang điểm IELTS Band Score

Bài thi IELTS đánh giá năng lực Anh ngữ của thí sinh qua các band điểm. Dưới đây là miêu tả từng band điểm.

Band	Mức độ thuần thục	Miêu tả
9	Expert user	Có năng lực tiếng toàn diện và thể hiện được khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chính xác, thành thạo, nắm bắt được mọi khía cạnh của ngôn ngữ.
8	Very good user	Có năng lực tiếng toàn diện dù còn mắc một số ít lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác và chưa phù hợp. Có thể hiểu nhằm trong một vài tình huống không quen thuộc. Có khả năng xử lý tốt các tranh luận phức tạp, chi tiết.
7	Good user	Có năng lực tiếng tốt dù còn một số lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác, chưa phù hợp, và hiểu nhầm trong một số tình huống. Nhìn chung có khả năng xử lý tốt ngôn ngữ phức tạp và hiểu được các lập luận chi tiết.
6	Competent user	Nhìn chung có khả năng sử dụng ngôn ngữ hiệu quả dù còn một số lỗi thiếu chính xác, không phù hợp, hoặc hiểu nhầm ý. Có thể sử dụng và hiểu các cấu trúc tương đối phức tạp, đặc biệt là trong những tình huống quen thuộc.
5	Modest user	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tương đối và nắm được ý nghĩa cơ bản của ngôn ngữ trong hầu hết các tình huống dù còn mắc nhiều lỗi. Có khả năng giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực quen thuộc.
4	Limited user	Khả năng giao tiếp giới hạn trong các hình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp vấn đề trong việc hiểu và diễn đạt. Không có khả năng sử dụng các cấu trúc phức tạp.
3	Extremely limited user	Chỉ truyền tải và hiểu được nội dung cơ bản nhất trong các tình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp khó khăn trong giao tiếp.
2	Intermittent user	Gặp rất nhiều khó khăn trong việc nói và viết tiếng Anh
1	Non-user	Không có khả năng sử dụng tiếng Anh, ngoại trừ một vài từ vựng riêng lẻ.
0	Did not attempt the test	Thí sinh không dự thi

Cách tính điểm thi IELTS

Mỗi kỹ năng đều được tính điểm riêng và điểm tổng, IELTS Overall, là điểm trung bình công của bốn điểm thành phần. Các cơ quan, tổ chức sử dụng điểm IELTS để đánh giá năng lực tiếng Anh của ứng viên đều có những yêu cầu khác nhau về số điểm thành phần và điểm Overall cần đạt. Thí sinh cần dựa vào những quy định riêng này để lên kế hoạch chuẩn bị thật phù hợp cho kỳ thi. Đạt điểm cao trong một phần thi thế mạnh có thể hỗ trợ cho phần yếu thế hơn, nhưng nếu sự khác biệt giữa các điểm thành phần quá lớn sẽ ảnh hưởng đến điểm Overall. Vì vây, rất khó để đạt điểm cao nếu thí sinh chỉ tập trung vào một kỹ nặng nhất định nào đó.

Dưới đây là ví dụ tính band điểm. Band điểm Overall là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần và sẽ được làm tròn theo quy tắc làm tròn số thập phân.

	Listening	Reading	Writing	Speaking	Điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần	Overall Band Score
Thí sinh A	5.5	5.5	4.0	6.0	5.25	5.5
Thí sinh B	5.0	4.5	5.0	5.0	4.875	5.0
Thí sinh C	7.5	7.5	6.5	7.0	7.125	7.0

Giới thiệu IELTS Listening và chiến lược luyện thi

Bài thi IELTS Listening gồm 4 Section với 40 câu hỏi, mỗi phần có 10 câu. Các bài nghe được phát âm bằng giọng Anh, Úc và Mỹ. Thời gian làm bài là 30 phút, trong đó có 10 phút dành cho việc ghi đáp án vào phiếu trả lời.

Cấu trúc bài thi IELTS Listening

Cấu trúc	Giới thiệu	Nội dung	Số câu hỏi
SECTION 1	Hội thoại giữa hai người về các chủ đề thường ngày		M
SECTION 2	Độc thoại về các chủ đề thường ngày	nhau	
SECTION 3	Hội thoại giữa 2-4 người về một chủ đề mang tính chuyên môn/ học thuật		Mỗi phần 10 câu hỏi
SECTION 4	Độc thoại về một chủ đề mang tính chuyên môn/học thuật		

10 phút ghi đáp án

■ Điểm đặc biệt của bài thi IELTS Listening

 Đối với Section 1-2-3, bài nghe cho từng Section được tách làm hai đoạn. Trước mỗi đoạn, thí sinh sẽ có thời gian để phân tích để bài.

Đối với Section 4, bài nghe được phát liền, không ngắt quãng. Trước khi bài nghe bắt đầu, thí sinh sẽ có thời gian để phân tích đề bài.

- Sau khi kết thúc mỗi phần thi, thí sinh có 30 giây để kiểm tra lại đáp án.
- Sau khi kết thúc tất cả các phần thi, thí sinh có 10 phút để chuyển các đáp án từ đề bài vào phiếu trả lời.

■ CÁC DANG ĐỀ IELTS Listening

Dạng đề	Giới thiệu dạng đề
Multiple Choice	Lựa chọn đáp án trong nhiều phương án cho trước
Note/Form Completion	Điền đáp án vào chỗ trống trong câu hay đoạn cho trước
Table Completion	Điền đáp án vào chỗ trống trong bảng biểu cho trước
Sentence/Summary/ Flow-chart/Diagram Completion	Chọn đáp án để điền vào chỗ trống trong câu/đoạn tóm tắt/lưu đồ/sơ đồ cho trước
Matching	Lựa chọn đáp án trong danh sách sao cho phù hợp với các thông tin cho trước
Map/Plan/Diagram Labelling	Điền hoặc chọn đáp án để điền vào chỗ trống trong bản đồ/bản vẽ/sơ đồ cho trước
Short Answer	Điền đáp án vào các câu hỏi cho trước

Chiến lược luyện tập IELTS Listening

1. Làm quen với phát âm và ngữ điệu chính xác.

Để có thể nghe tốt, bạn phải nghe và làm quen với ngữ âm, ngữ điệu đa dạng của người bản ngữ. Đặc biệt, hơn một nửa nội dung bài thi IELTS Listening được nói với giọng Anh-Anh, vì vậy bạn cần phải làm quen với ngữ âm và ngữ điệu của giọng này.

2. Tăng cường vốn từ vựng.

Bạn sẽ không thể nghe được những từ vựng mà mình chưa biết, vì vậy hãy cố gắng ghi nhớ những từ vưng xuất hiện nhiều lần trong sách. Hơn nữa, chỉ học thuộc nghĩa của từ là chưa đủ mà còn phải ghi nhớ cách phát âm chính xác.

3. Luyện tập diễn giải ý theo nhiều cách khác nhau.

Sẽ có nhiều trường hợp ban cần phải diễn đạt nội dung trong đề bài theo cách khác mà không bị sai nghĩa, vì vậy hãy ôn luyện phần bài tập trong sách hằng ngày. Đừng chỉ giới hạn trong việc thay đổi từ vựng, mà hãy thử thay đổi cả cấu trúc ngữ pháp của câu.

4. Luyện tập nghe-chép chính tả.

IELTS Listening bao gồm các dạng bài yêu cầu bạn nghe và điền đáp án đúng, vì vậy bạn cần luyện tập nghe và chép lại các nội dung nghe được một cách chính xác. Việc này sẽ giúp bạn dễ dàng phát hiện những phần bản thân cần cải thiện.

Kế hoạch học tập

Dựa vào kết quả của bài kiểm tra tự đánh giá (Diagnostic Test - tr.21), hãy tham khảo hai kế hoạch học tập dưới đây và xây dựng cho mình kế hoạch phù hợp nhất.

Kế hoạch 4 tuần (Nếu làm bài Diagnostic Test đúng từ 27 câu trở lên)

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	DT	Ôn tập DT	Ch 1 HP Từ vựng tr.144	Ch 1 HP Từ vựng tr.144	Ch 1 HT Từ vựng tr.145	Ch 2 HP Từ vựng tr.145
Week 2	Ch 2 HP Từ vựng tr.146	Ch 2 HT Từ vựng tr.146	Ôn tập Ch 1 - 2 Ôn tập từ vựng	Ch 3 HP Từ vựng tr.147	Ch 3 HP Ch 3 HT Từ vựng tr.147	Ch 4 HP Từ vựng tr.148
Week 3	Ch 4 HP Từ vựng tr.148	Ch 4 HT Từ vựng tr.149	Ôn tập Ch 3 - 4 Ôn tập từ vựng	Ch 5 HP Từ vựng tr.149	Ch 5 HP Ch 5 HT Từ vựng tr.150	Ch 6 HP Từ vựng tr.150
Week 4	Ch 6 HP Ch 6 HT Từ vựng tr.151	Ch 7 HP Từ vựng tr.151	Ch 7 HP Ch 7 HT Ôn tập từ vựng	Ôn tập Ch 5 - 7	АТ	Ôn tập AT

^{*} Nếu muốn học trong 8 tuần, bạn có thể chia đôi nội dung học mỗi ngày để học trong hai ngày.

Kế hoạch 6 tuần (Nếu làm bài Diagnostic Test đúng từ 26 câu trở xuống)

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	DT	Ôn tập DT	Ôn tập DT	Ch 1 HP	Ch 1 HP Từ vựng tr.144	Ch 1 HP Từ vựng tr.144
Week 2	Ch 1 HT Từ vựng tr.145	Ôn tập Ch 1 Ôn tập từ vựng	Ch 2 HP	Ch 2 HP Từ vựng tr.145	Ch 2 HP Từ vựng tr.146	Ch 2 HT Từ vựng tr.146
Week 3	Ôn tập Ch 2 Ôn tập từ vựng	Ch 3 HP	Ch 3 HP Từ vựng tr.147	Ch 3 HT Từ vựng tr.147	Ôn tập Ch 3 Ôn tập từ vựng	Ch 4 HP
Week 4	Ch 4 HP Từ vựng tr.148	Ch 4 HP Từ vựng tr.148	Ch 4 HT Từ vựng tr.149	Ôn tập Ch 4 Ôn tập từ vựng	Ch 5 HP	Ch 5 HP Từ vựng tr.149
Week 5	Ch 5 HT Từ vựng tr.150	Ôn tập Ch 5 Ôn tập từ vựng	Ch 6 HP	Ch 6 HP Từ vựng tr.150	Ch 6 HT Từ vựng tr.151	Ôn tập Ch 6 Ôn tập từ vựng
Week 6	Ch 7 HP Từ vựng tr.151	Ôn tập Ch 7 Ôn tập từ vựng	Ch 7 HT	АТ	Ôn tập AT	Ôn tập AT

^{*} DT: Diagnostic Test HP: Hackers Practice HT: Hackers Test AT: Actual Test

HƯỚNG DẪN SỬ DUNG KẾ HOACH ÔN LUYÊN

- 1. Hằng ngày, hãy cố gắng học hết khối lượng kiến thức theo kế hoạch.
- 2. Bắt đầu bằng việc tìm hiểu kỹ các chiến lược làm bài, sau đó áp dụng vào Hackers Practice và Hackers Test để ghi nhớ lâu hơn.
- 3. Trong khi làm bài, hãy coi như bạn đang tham gia kỳ thi thật. Sau khi làm xong, hãy tham khảo các gợi ý, giải thích, phân tích của sách về các đáp án đúng, đáp án sai để tự rút kinh nghiệm.
- 4. Hãy bắt đầu mỗi chương với phần Hackers Practice và Hackers Test, sau đó kết thúc bằng việc giải và ôn tập Actual Test.
- 5. Trong trường hợp bạn không thể hoàn thành kế hoạch của một ngày như đã đề ra, hãy tiếp tục học và cố gắng hoàn thành bài tập của một tuần trước khi tuần đó kết thúc.



DIAGNOSTIC TEST

* Answer sheet có tại trang 152

SECTION 1 Questions 1-10 ODT1-10.mp3

Complete the notes below.

Write ONE WORD AND/OR A NUMBER for each answer.

KINGS PLACE TENNIS COURTS
Example
tennis andbadmintoncourts
Facilities
Has 1indoor courts for tennis
Pro shop sells rackets and 2
Class Details
Complete beginner lessons are 3 a week
Beginner Class 2 is once weekly
Intermediate learners participate in a competition for 4
Can play a game with the instructor to check their 5
Comprehensive Package
Includes 6 booking of courts
Member discounts at pro-shop and on lessons offered
• Cost – 7 £ per month for first-time members
Learner Package
Includes access to all tennis courts
Members can use the 8 for an additional fee
Get 9 off of classes
Signing up
Must 10 Daniel back to confirm the trial

SECTION 2 Questions 11-20 ODT11-20.mp3

Questions 11 and 12

Choose TWO letters, A-E.

- 11-12 Which TWO characteristics of the dinosaur exhibits does the speaker highlight?
 - A bone displays
 - **B** posted drawings
 - C interactive activities
 - D re-creations of creatures
 - E explanatory timelines

Questions 13-16

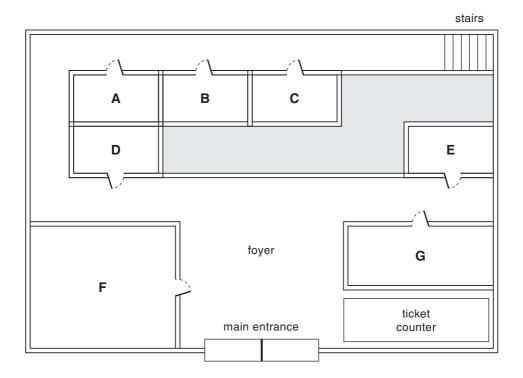
Choose the correct letter, A, B or C.

- 13 What is special about the Under the Sea exhibit?
 - A It shows how dolphins swim by using models.
 - B It contains a life-size display of a blue whale.
 - C It compares the evolution of fish and other species.
- 14 What aspect of sharks does the model display in the shark area focus on?
 - A their nature as hunters
 - B how they raise infants
 - C their cycle of life
- 15 The plant life exhibits allow visitors to view displays of
 - A gardening mechanisms.
 - B flora from diverse environments.
 - C rare wildflower seeds.
- 16 At the Activity zone, human development is depicted through
 - A movie screenings.
 - **B** three-dimensional presentations.
 - C staged demonstrations.

Questions 17-20

Label the plan below.

Write the correct letter, **A-G**, next to Questions 17-20.



- 17 Information centre
- 18 Cloakroom
- 19 Children's activity area
- 20 Gift shop

Questions 21-24

What effect does art therapy have on the following age groups?

Choose FOUR answers from the box and write the correct letter, A-E, next to Questions 21-24.

Effects of Art Therapy

- A assists in motor skill development
- B enhances recall ability
- C enables better expression of feelings
- helps people recover from traumatic events
- Е slows the mental effects of aging

Age Groups

21	Preschool children	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •
22	Adolescents	
23	Adults	
24	Senior citizens	

Questions 25-30

Choose the correct letter, A, B, or C.

- 25 Who will the students conduct interviews with as part of their research?
 - A patients of art therapists
 - B psychology experts
 - C website journalists
- 26 What is Raymond worried about?
 - A There are not many studies that focus on multiple age ranges.
 - **B** There is little material written on the selected topic.
 - **C** There may be insufficient time to write about all the collected data.
- 27 According to the professor, the students could study preschool children and senior citizens because
 - A there is not enough material on people of other ages.
 - B similar therapies have been used for both groups.
 - C there is a word limit for the project.
- 28 How do senior citizens tend to react when asked to express themselves through art?
 - A They draw things that they see around them.
 - **B** They are hesitant and don't know what to draw.
 - C They take to it very quickly.
- 29 Group sessions for both seniors and preschoolers resulted in
 - A more physical activity.
 - B less social interaction.
 - C improved mental functions.
- 30 How does art therapy that includes music help patients?
 - A It allows them to express personal feelings.
 - B It allows them to relax.
 - C It provides them with a sense of unity.

SECTION 4 Questions 31-40 ODT31-40.mp3

Questions 31-40

Complete the notes below.

Write ONE WORD ONLY for each answer.

HISTORY AND DEVELOPMENT OF RAILWAYS

Railway development in Great Britain		
The first locomotive invented by Richard Trevithick was not a 31success.		
Large-scale rail construction began in the UK in the 1830s due to industrialisation. Industrial areas needed 32		
Global expansion of railway systems		
Global railway construction allowed 33trade to grow rapidly. Rapid railway development occurred in North America in the 19th century. 34discovered in the West provided further motivation for building railroads across the continent.		
Historic occasions affecting railways		
Introduced in 1912, diesel fuel allowed locomotives to transport larger weights much faster.		
Extremely long journeys could now be made in a few 35		
Railways were military 36 during the two world wars and were rebuilt afterward.		
Reasons for growth in train transport		
needed a more efficient way of moving their goods during periods of industrialisation. Railways also allowed some Europeans to manage their 38		
Current trains and railway systems		
The fuels used for trains are now 39 and better for the environment. The rapid improvement of 40 railway networks in several		
continents made rail highly popular.		
Trains may become more popular because they are fast, efficient, and affordable.		



Multiple Choice

Multiple choice là dạng bài chọn đáp án chính xác trong nhiều đáp án cho sẵn. Đây là một trong những dạng phổ biến nhất trong bài thi IELTS Listening, xuất hiện trong hầu hết các kỳ thi và có thể gặp trong tất cả các phần.

DANG BÀI

Dạng bài Multiple choice yêu cầu chọn đáp án chính xác để hoàn thành câu hoặc trả lời câu hỏi. Với dạng thứ hai, đề bài có thể yêu cầu chọn nhiều hơn một đáp án, vì vậy trước khi nghe, bạn cần chú ý đọc và kiểm tra kỹ yêu cầu của đề bài. Đôi khi, đề bài có thể yêu cầu chọn đáp án đúng để điền vào bảng hay biểu đồ.

Dạng chọn đáp án để hoàn thành câu

Đây là dạng lựa chọn một đáp án chính xác trong các đáp án cho trước để hoàn thành câu.

Choose the correct letter, A, B or C.

- 1 Dr Peter Lyons has recently been best known for his
 - A publications about islands.
 - **B** dissertation on tropical plants.
 - C extensive studies of rock categorisations.

Dạng chọn đáp án trả lời câu hỏi

Đây là dạng lựa chọn đáp án phù hợp với câu hỏi. Trong trường hợp có nhiều đáp án chính xác, bạn có thể sẽ phải chọn 2-3 đáp án trong số 5-7 đáp án cho trước.

Choose the correct letter, A, B or C.

- 1 What is included in the scuba diving trip?
 - A equipment
 - **B** training
 - C an offshore dive

Choose TWO letters, A-E.

- 2-3 Which **TWO** topics does Michael want to include in his presentation?
 - A geographical features
 - **B** historical context
 - E political significance

CHIẾN LƯỢC LÀM BÀI

STEP 1 [Thời gian phân tích đề] Đọc kỹ yêu cầu và tìm từ/cụm từ khóa của đề bài.

- (1) Dạng bài Multiple choice có thể yêu cầu chọn nhiều hơn một đáp án, vì vậy bạn cần kiểm tra kỹ số lượng đáp án mà đề yêu cầu.
- (2) Bạn cần đọc và tìm ra từ/cụm từ khóa của đề. Ngoài ra, bạn cũng nên đọc hiểu các đáp án trước khi nghe.

EXAMPLE

Choose the correct letter, A, B or C.

- 1 Dr Peter Lyons has recently been best known for his
 - A publications about islands.
 - **B** dissertation on tropical plants.
 - **C** extensive studies of rock categorisations.
- Đề bài yêu cầu lựa chọn một đáp án trong A, B và C.
- 2) Sau khi đọc đề ta thấy rằng từ khóa của bài là Dr Peter Lyons. Sau đó tiếp tục đọc để hiểu nội dung chính của từng đáp án như: ấn phẩm (publications), luận văn (dissertation), nghiên cứu (studies).

STEP 2 [Thời gian nghe] Lắng nghe các thông tin liên quan tới từ/cụm từ khóa.

Nghe kỹ các thông tin liên quan tới từ/cụm từ khóa và tìm các gợi ý trả lời.

EXAMPLE CH1_EX.mp3

- M: Hello, Helen. Please have a seat. Can I help you with something?
- **W**: Yes, well, I'm working on my research paper for my ecology class. But I've run into a bit of trouble.
- M: I see. What seems to be the problem, exactly?
- W: I can't find sufficient research about my topic island formation.
- M: Well, have you looked up any research from Dr Peter Lyons? ¹He's an authority on island formations and is well-known for his books on tropical islands too.
- **W:** I've read his dissertation on rock categorisations, and I thought that was the field where he had the most expertise.
- **M**: No, that was in his early years as a researcher, recently he's focused far more on islands.
- W: I see, I'll definitely look him up in the university library then.
- **M:** Yes, he's a great source. And he also provides references for other studies on...

Choose the correct letter, A, B or C.

- 1 Dr Peter Lyons has recently been best known for his
 - A publications about islands.
 - B dissertation on tropical plants.
 - C extensive studies of rock categorisations.

Xem bản dịch ở tr. 174

Lắng nghe những thông tin liên quan tới từ khóa Dr Peter Lyons như: 'He's well-known for his books on tropical islands too' và 'recently he's focused far more on islands' để lựa chọn đặp án chính xác.

(V) TIPS

- 1. Dạng bài Multiple choice có thể yêu cầu lựa chọn đáp án miêu tả hành động tiếp theo của người nói. Dạng này chủ yếu xuất hiện cuối cùng, vì vậy bạn cần chú ý lắng nghe phần cuối của đoạn hội thoại để tìm các từ khóa thể hiện thì tương lai như: "will" hay "be going to" và các trạng từ chỉ thời gian như: "now", "next", "after", "before".
- 2. Với dạng bài Multiple choice, bạn cũng có thể phải nghe toàn bộ nội dung và lựa chọn nhiều hơn một đáp án. Khi đó, bạn cần nghe kỹ các thông tin liên quan và tìm ra gợi ý trả lời. Lưu ý rằng các thông tin này có thể được nhắc tới theo cách giống hoặc khác với các đáp án trong để (paraphrasing).

STEP 3 [Thời gian nghe] Lựa chọn đáp án đúng.

Lựa chọn đáp án thể hiện đúng nội dung mà bạn nghe được (đáp án có thể được diễn đạt theo cách khác so với nội dung nghe). Sau khi lựa chọn, bạn cần kiểm tra tính chính xác của đáp án.

EXAMPLE

Choose the correct letter, A, B or C.

- Dr Peter Lyons has recently been best known for his
 - A publications about islands. •-
 - **B** dissertation on tropical plants.
 - **C** extensive studies of rock categorisations.

Đoạn hội thoại đưa ra các gợi ý như 'He's well-known for his books on tropical islands too.' (Ông ấy còn được biết đến bởi các cuốn sách về những hòn đảo nhiệt đới) và 'Recently, he's focused far more on islands' (Gần đây, ông ấy quan tâm nhiều hơn đến các hòn đảo). Vì thực chất 'his books on tropical islands' có cùng ý nghĩa với 'publications about islands' (các ấn phẩm về những hòn đảo), nên A là đáp án chính xác.

C Kiểm tra đáp án

Đáp án B có tới hai từ liên quan là 'dissertation' và 'tropical', tuy nhiên đáp án này thực chất là về thực vật nhiệt đới. Vì thế, B là đáp án sai.

Đoạn hội thoại tuy có để cập tới: 'l've read his dissertation on rock categorisations ~ I thought that was the field where he had the most expertise' (Tôi đã đọc bài luận của ông ấy về phân loại đá, nên tôi nghĩ rằng đó là chuyên ngành của ông ấy), nhưng câu tiếp theo 'No, that was in his early years as a researcher' (Không phải, đó là bài viết trong những năm đầu sự nghiệp nghiên cứu của ông ấy) đã phủ định nội dung trên. Vì thế, C là đáp án sai.

(V) TIPS

Trong trường hợp phải chọn nhiều hơn một đáp án, bạn cần lưu ý mỗi đáp án chỉ được sử dụng để trả lời cho một câu hỏi và khi điền vào phiếu trả lời, chỉ tô duy nhất một đáp án cho mỗi câu. Nếu tô nhiều hơn một, những câu đó sẽ bị coi là không chính xác.

HACKERS PRACTICE

LUYỆN DIỄN ĐẠT Ý THEO CÁC CÁCH KHÁC NHAU (PARAPHRASING)

CH1_HP_Paraphrasing.mp3

Nghe và lựa chọn đáp án thể hiện nội dung bạn nghe được.

- **01 A** They will stop by an attraction.
 - **B** They will read a historical text.
- 02 A A painting will be put on display.
 - **B** A space is under construction.
- 03 A Entries must be submitted by a certain date.
 - B They will give you a hand on a weekday.
- 04 A They gather at the base of a mountain.
 - B They go on a seasonal outing.
- 05 A He is unfamiliar with a university department.
 - B He is unsure about registration fee payments.
- 06 A It splits a body of water.
 - B It is at the centre of a river.

Đáp án

- 101 **A** They will stop by an attraction. $\leftarrow \bigcirc$ All of us will go and look around the very old opera venue.
- 02 **B** A space is under construction. $\leftarrow \bigcirc$ The central art gallery is currently being renovated.
- 03 **A** Entries must be submitted by a certain date. \leftarrow \bigcirc The deadline for handing in the entrance form is the first Monday of next month.
- 04 **B** They go on a seasonal outing. $\leftarrow \bigcirc$ Everyone from our club goes on a hike together in the mountains each autumn.
- 05 **A** He is unfamiliar with a university department. $\leftarrow \bigcirc$ I'm afraid I'm not entirely sure what the office of the registrar is.
- 06 **A** It splits a body of water. $\leftarrow \bigcap$ The island breaks the bay up into two main sections.

- **07** A There are tips for proper exercise training.
 - **B** There are restrictions on certain foods.
- **08** A It is a practice that is performed in hospitals worldwide.
 - **B** It is a method that produces positive results.
- 09 A The device produces little trash.
 - B The machine makes miniature models.
- 10 A It is vital that humpbacks communicate periodically.
 - **B** It is through singing that humpbacks interact.
- 11 A The firms have come up with additional tactics which could increase revenues.
 - B A new approach to marketing will lead to widespread changes within the company.
- 12 A Airplane engineering was not a significant career in the 1900s.
 - **B** Aircrafts were improved thanks to her work in the 1900s.

Đáp án

- There are restrictions on certain foods. $\leftarrow \bigcirc$ Nutritionists create menu plans with limits on daily fat and calorie levels.
- It is a method that produces positive results. ← ♠ Art therapy is proven effective among mental patients.
- The device produces little trash. $\leftarrow \bigcap$ We are making a machine that generates a very small amount of rubbish material.
- It is through singing that humpbacks interact.
 - ← ♠ Humpback whales can communicate by singing, sometimes for periods of up to 24 hours.
- The firms have come up with additional tactics which could increase revenues.
- ← ∩ The companies have created a series of new business strategies which involve using innovative marketing plans to increase sales.
- 12 **B** Aircrafts were improved thanks to her work in the 1900s.
 - ← ♠ E. Lilian Todd was an aviation pioneer who was responsible for important progress in aircraft design in the early years of the 20th century.

LUYỆN TẬP

Choose the correct letter, A, B or C.

- 1 Alex is mostly interested in seeing
 - A art galleries.
 - B contemporary culture.
 - C historical sites.
- 2 The 'Top Spots' half-day tour begins at
 - **A** 7 am.
 - **B** 9 am.
 - C 2 pm.
- 3 How much will Alex have to pay for his tour?
 - A \$25
 - **B** \$45
 - **C** \$70
- 4 What will the guide for the Thursday tour be doing at Central Station?
 - A displaying a company sign
 - B distributing apparel to participants
 - C collecting payments from participants

Choose THREE letters, A-G.

- 5-7 Which **THREE** things does the speaker say travellers should make sure to do when making payments overseas?
 - A take advantage of tax refunds
 - B get the correct change
 - **C** pay with money rather than cards
 - D avoid counterfeit cash
 - E pay credit card fees
 - **F** get a good exchange rate
 - G pay traveller taxes

Choose the correct letter, A, B or C.

Devils Tower National Monument

- 8 Guests can inquire about routes at the
 - A visitor centre.
 - B climbing office.
 - C gift shop.
- 9 Devils Tower was made a national monument because of its importance to
 - A previous explorers.
 - B rock climbers.
 - C native people.
- 10 According to the speaker, why was the formation called Devils Tower?
 - A Its name was misinterpreted.
 - B Its summit is difficult to reach.
 - C Its trails can be dangerous.
- 11 Visitors are not allowed to
 - A bring food into the park.
 - B give food to wildlife.
 - C leave the marked trails.

Choose TWO letters, A-E.

Psychology Study Abroad Programme

- 12-13 Which **TWO** aspects of the programme was Laura particularly positive about?
 - A the application process
 - **B** the quality of the lectures
 - C the advice on her thesis
 - D the expertise of the professors
 - E the field trips

Choose the correct letter, A, B or C.

- 14 Laura says that the psychometrics course
 - A involved difficult topics.
 - B was not too complex.
 - C was for advanced students.
- 15 Why does Laura recommend the adult counselling course to John?
 - A It is the focus of John's study.
 - **B** It is highly praised by the school.
 - C It involves fewer assignments.
- 16 How does the psychology course differ in Singapore compared to the UK?
 - A There is less data to learn.
 - **B** The course is less theoretical.
 - C They have to learn statistics.

Choose the correct letter, A, B, or C.

- 17 Alice's biometric access system will
 - A use drivers' thumbprints to open car locks.
 - **B** scan the driver's eyes to unlock the car.
 - C turn on the ignition when someone sits in the car.
- 18 The sponsorship from the university includes
 - A financial support.
 - B personal advising.
 - C laboratory training.

Choose TWO letters, A-E.

- 19-20 Which **TWO** characteristics of the proposal have specific requirements?
 - A length
 - **B** punctuation
 - **C** file format
 - **D** graphics
 - E references

Choose the correct letter, A, B, or C.

- 21 One result of high sugar consumption is that
 - A it can cause diabetes.
 - **B** it can lead to other more serious addictions.
 - **C** it is a direct cause for increases in heart rates.
- 22 Why is honey a good alternative to refined sugar?
 - A It tastes the same in drinks.
 - B It has fewer calories than sugar.
 - C It is more easily processed by the body.
- 23 The speaker says people don't realise
 - A how much water should be consumed in a day.
 - **B** how much sugar a soft drink contains.
 - C how many vitamins are in herbal tea.
- 24 Products which are said to be fat-free should be avoided because
 - A they often contain extra sugar.
 - B they do not list every ingredient.
 - C they are made with sugar substitutes.
- 25 According to the speaker, people should eat fruits and vegetables because
 - A they are a sugarless alternative.
 - **B** they can satisfy the desire for sweetness.
 - C they are a natural way to diet.

| H | A | C | K | E | R | S |

Nhóm dịch HDL, Trần Hồng Lê hiệu đính

HACKERS IELTS

Speaking

Bộ sách luyện thi IELTS đầu tiên có kèm giải thích đáp án chi tiết và hướng dẫn cách tự nâng band điểm













Copyright © 2017 Hackers Language Research Institute Co., Ltd. published in Vietnam, 2019

This edition is published in Vietnam under a license agreement between Hackers Language Research Institute Co., Ltd. and Alpha Books through Eric Yang Agency.

All rights reserved. NO part of this Publication or related audio files may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the copyright owner, Hackers Language Research Institute Co., Ltd.

HACKERS IELTS SPEAKING

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của

Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

Hướng dẫn tự luyện thi IELTS theo

xu hướng ra đề mới nhất

Bài thi IELTS là ngưỡng cửa các bạn thí sinh phải vượt qua để thực hiện ước mơ vươn ra thế giới rộng lớn. Hiện nay, các thí sinh đang phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức để chuẩn bị cho kỳ thi IELTS. Nhằm mục đích cung cấp cho các bạn phương pháp học đúng đắn nhất, Viện nghiên cứu ngôn ngữ HACKERS đã biên soạn bộ sách HACKERS IELTS gồm 4 cuốn tương đương với 4 kỹ năng. Cuốn sách HACKERS IELTS SPEAKING mà các ban đang cầm trong tay sẽ giúp ban:

Đạt điểm cao thông qua phương pháp tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ để! Sách được thiết kế theo phương pháp tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ đề, không chỉ giúp thí sinh nắm bắt đầy đủ cách thức tiến hành phần thi Nói mà còn giúp trang bị kiến thức

Cập nhật xu hướng ra đề mới nhất - Trang bị toàn diện cho bài thi thật!

Nội dung được biên tập theo xu hướng ra đề phần thi Nói mới nhất giúp các bạn trang bị toàn diện cho kỳ thi thật. Hãy lưu ý những câu hỏi được dán tem bá bá bán nhé!

Đạt điểm số như mong muốn nhờ tài liệu bổ trợ đặc biệt!

cho các chủ đề thi đa dang, phong phú.

Cung cấp phụ lục đầy đủ, đa dạng với các bí kíp dành cho việc học IELTS giúp người học ứng phó với các tình huống phát sinh tại phòng thi, sửa các lỗi thường gặp khi nói, biết cách tự kiểm tra đáp án của mình, cách đưa ra ý tưởng, đối đáp theo từng chủ đề.

Hi vọng rằng HACKERS IELTS SPEAKING sẽ trở thành cuốn cẩm nang hữu ích giúp bạn đạt được điểm số mong muốn trong bài thi IELTS và là người bạn đồng hành đáng tin cậy của bạn trên con đường chinh phục ước mơ.

CONTENTS

Lý do HACKERS IELTS Speaking có thể giúp người học đạt điểm cao

6

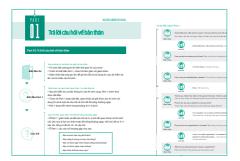
44

Hướng dẫn cách tận dụng tối đa 200% tài liệu bổ sung						
Giới thiệu về kỳ thi IELTS	12					
Giới thiệu IELTS Speaking và kế hoạch ôn luyện 1						
Kế hoạch ôn luyện 2:						
Tiếp cận theo từng phần thi						
Part 1 Trả lời câu hỏi về bản thân						
Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 1 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 1	28					
EXPRESSION - Các cấu trúc có thể sử dụng khi giải thích chi tiết	31					
Part 2 Nói về chủ đề trong Phiếu đề (Task Card)						
Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 2 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 2	34					
EXPRESSION - Cấu trúc có thể dùng khi triển khai bài nói	38					
Part 3 Trả lời câu hỏi mở rộng						
Tìm hiểu phương thức tiến hành Part 3 Nắm chắc chiến lược trả lời Part 3	40					

EXPRESSION - Cấu trúc có thể dùng khi nói mở đầu và kết luận

LÝ DO **HACKERS IELTS SPEAKING** CÓ THỂ GIÚP THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM CAO!

Olimbre chi thi Nói IELTS bằng cách tiếp cận theo từng phần thi và từng chủ đề!



Tiếp cận theo từng phần

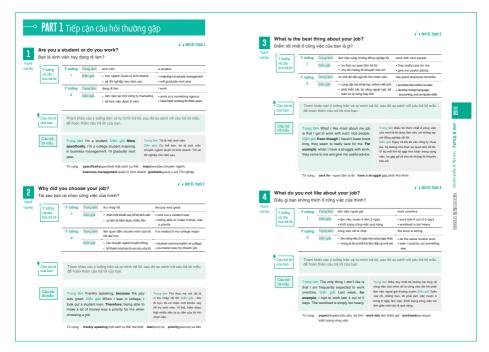
Người học có thể tìm hiểu kỹ lưỡng phương thức tiến hành bài thi Nói theo từng phần (Part 1, 2 và 3), học cách xây dựng chiến lược trả lời và các cấu trúc cần thiết, từ đó ứng dụng vào việc trả lời các câu hỏi theo từng phần và xây dựng nền tảng cho bài thi Nói.



Tiếp cận theo từng chủ đề

Cuốn sách tóm lược 20 chủ để tổng quát dựa trên số lượng chủ để đa dạng xuất hiện trong kỳ thi và trang bị đẩy đủ cho người học cách ứng phó với các câu hỏi liên quan. Các câu hỏi có tần suất xuất hiện cao theo từng chủ đề cũng được lựa chọn và biên tập kỹ lưỡng giúp thí sinh nắm bắt được xu hướng ra đề mới nhất. Người học có thể chuẩn bị cho bài thi thật thông qua các câu trả lời mẫu, ý tưởng và các cách trả lời.

Nâng cao khả năng lên ý tưởng và diễn đạt thông qua các câu trả lời mẫu



Ý tưởng và cách diễn đạt

Cuốn sách cung cấp ý tưởng và các cách diễn đạt đa dạng, giúp bạn có thể vận dụng khi trả lời tại phòng thi Nói.

Câu trả lời mẫu

Với câu trả lời mẫu cho tất cả các chủ đề được biên soạn trong sách, người học có thể bổ sung, hoàn thiện thêm các câu trả lời của mình.

LÝ DO **HACKERS IELTS SPEAKING** CÓ THỂ GIÚP NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐIỂM CAO!

13 Khắc phục nhược điểm và tạo cảm giác như thi thật bằng phần phụ lục bổ sung!



Ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi

Tổng hợp những cách ứng phó với các tình huống phát sinh ở phòng thi như không nghe hiểu câu hỏi của giám khảo, không nghĩ ra nhanh nội dung sẽ trả lời, từ đó giúp người học quen với các tình huống bất ngờ và có thể bình tĩnh ứng phó.



Các tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào phần Tiêu chí đánh giá câu trả lời của bài thi Nói, thí sinh có thể tự kiểm tra xem câu lời của mình còn chưa đạt tiêu chuẩn ở đâu để bổ sung, hoàn thiện.



24 lỗi hay mắc phải khi nói

Lựa chọn kỹ càng và phân tích những lỗi quen thuộc, thường mắc phải khi nói tiếng Anh. Qua đó, thí sinh sẽ biết được những lỗi mình thường mắc và điều chỉnh cho chính xác hơn.



Ý tưởng và cấu trúc câu trả lời theo từng chủ đề

Các ý tưởng và cấu trúc của câu trả lời được biên soạn theo trọng tâm từng chủ đề, qua đó giúp các thí sinh ứng phó tốt hơn trong bài thi phần thi IELTS Speaking với vô số chủ đề đa dạng.

14 Các cuốn sách còn lại trong bộ HACKERS IELTS



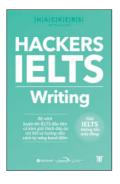
HACKERS IELTS LISTENING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Nghe. Các bài nghe sát với đề thi thật và có lộ trình học phù hợp với nhiều trình độ. Nội dung bài nghe được dịch ra tiếng Việt và giải thích đáp án kỹ lưỡng.



HACKERS IELTS READING

Cuốn sách phân tích đẩy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Đọc. Các bài đọc luyện tập có độ dài và độ khó tăng dần, bao quát tất cả các chủ đề hay gặp trong bài thi Đọc của IELTS. Nội dung bài đọc được dịch ra tiếng Việt và giải thích đáp án kỹ lưỡng.



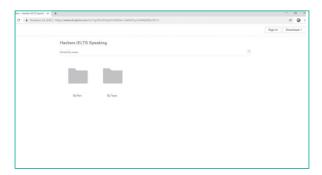
HACKERS IELTS WRITING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng đề và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Viết. Các mẫu câu và cách dùng từ "đắt" được liệt kê theo chủ đề. Sách còn hướng dẫn bạn cách lập dàn ý và triển khai thành bài viết đầy đủ.

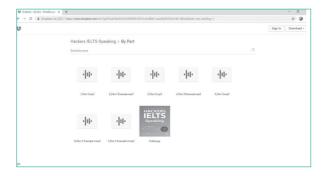
HƯỚNG DẪN CÁCH TẬN DỤNG TỐI ĐA 200% TÀI LIỆU BỔ SUNG

Hackers IELTS Speaking cung cấp cho người học các file nghe chất lượng và được chia cụ thể theo từng bài. Để tải về và sử dụng hiệu quả nhất những tài liệu hữu ích này, bạn hãy làm theo hướng dẫn sau:

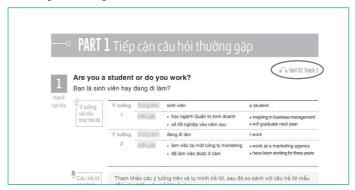
1. Truy cập vào địa chỉ: https://bitly.vn/336w.



- 2. Lựa chọn đúng file cần nghe:
- Các file được chia thành hai phần: By Part và By Topic, trong đó:
 - By Part bao gồm file nghe của Ví dụ và Ví dụ áp dụng trong chiến lược trả lời của từng Part.



• By Topic bao gồm bài nghe của các Unit. Ở những nội dung có file nghe, bạn sẽ nhìn thấy biểu tượng như trong hình tròn sau:



Lúc này, bạn chỉ cần tìm tên file tương ứng với bài đang học.



3. Click vào từng file để nghe trực tiếp hoặc tải về.



Để nội dung các câu trả lời thân thiện hơn với độc giả Việt Nam, ban biên tập Dòng sách Ngoại ngữ Alpha Books đã Việt hóa một số câu trả lời (tên riêng, địa danh và các chi tiết văn hóa đặc trưng). Hi vọng những thay đổi này sẽ cung cấp những thông tin hữu ích nhằm giúp người đọc chuẩn bị tốt cho bài thi IELTS Speaking.

Giới thiệu về kỳ thi IELTS

■ IELTS là gì?

Hệ thống kiểm tra Anh ngữ quốc tế (IELTS) là bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ đối với những người muốn làm việc hoặc học tập bằng tiếng Anh. Các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và Nói sẽ diễn ra trong tổng cộng 2 giờ 55 phút. Điểm IELTS được đánh giá theo thang điểm từ 1.0 đến 9.0. Điểm tổng là điểm trung bình của bốn phần thi.

Có hai loại bài thi: Academic Module (IELTS Học thuật) là bài thi dành cho học sinh chuẩn bị du học ở các trường đại học hoặc các cơ sở đào tạo bậc cao. General Training Module (IELTS Tổng quát) dành cho người muốn di cư, tìm việc, hoặc làm việc tại các nước Anh, Canada, Úc, Mỹ. Trong hai loại bài IELTS này, phần Nghe và Nói là giống nhau nhưng Đọc và Viết có sự khác nhau.

Cấu trúc bài thi IELTS Học thuật

Phần thi	Số lượng bài và câu hỏi	Thời gian kiểm tra	Đặc điểm
Listening	Bốn bài nghe Tổng cộng có 40 câu hỏi (Mỗi bài nghe 10 câu hỏi)	30 phút (Thời gian trả lời là 10 phút)	 Bài nghe bao gồm cả giọng Anh, Úc, Mỹ Thí sinh có thêm 10 phút riêng để điền đáp án vào phiếu trả lời Bài nghe gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào ô trống, hoàn thành biểu bảng
Reading	Ba bài đọc Tổng cộng 40 câu hỏi (Mỗi bài đọc 13- 14 câu hỏi)	60 phút	 - Bài đọc dài và nội dung về nhiều chủ đề khác nhau - Bài đọc gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào chỗ trống, hoàn thành biểu bảng
Writing	Task 1: 1 câu hỏi Task 2: 1 câu hỏi	60 phút	- Không có sự phân chia thời gian rõ ràng giữa 2 câu hỏi - Điểm task 2 nhiều hơn task 1
		Thời gian chờ	đợi
Speaking	Bao gồm ba phần Phần 1: 10-15 câu hỏi Phần 2: 1 câu hỏi Phần 3: 4-6 câu hỏi	11-14 phút	- Phỏng vấn trực tiếp 1:1 với giám khảo - Tất cả nội dung bài thi nói được ghi âm lại

Tổng cộng: 2 giờ 55 phút

Các nội dung liên quan đến kỳ thi IELTS

Thời gian	■ Được tiến hành khoảng 48 lần một năm, 2 ~ 4 lần một tháng
Địa điểm	 Kỳ thi sẽ được tổ chức tại địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP
Cách đăng ký	 Thí sinh có thể đăng ký thi trước tối thiểu 5-7 ngày (lịch tiếp nhận đăng ký có thể kết thúc sớm hơn dự kiến) Đăng ký qua Internet: Hội đồng Anh hoặc IDP Tiếp nhận trực tiếp: Địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP
Lệ phí	 Lệ phí thi: ~ 5.000.000 VND Phí cấp bảng điểm: 5 bảng điểm được gửi miễn phí đến các trường thí sinh yêu cầu trong 4 tuần kể từ ngày thi Nếu muốn gửi nhiều hơn 5 bảng điểm hoặc sau 4 tuần kể từ ngày thi, thí sinh phải trả lệ phí
Hình thức thanh toán	Thẻ tín dụng, tiền mặt
Hủy đăng ký thi	Bạn có thể được hoàn lại 75% lệ phí 15 ngày trước ngày thi
Những chú ý khi đi thi	Chỉ CMT, CCCD và hộ chiếu được chấp nhận trong ngày thi
Điểm thi và phúc tra	 Bạn có thể kiểm tra điểm số trực tuyến sau 13 ngày kể từ ngày thi Bạn có thể lựa chọn nhận giấy chứng nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bửu điện Phúc tra: Thí sinh có thể yêu cầu phúc tra trong vòng 6 tuần kể từ ngày thi Thí sinh nộp bản gốc kết quả thi và đơn đăng ký theo đường bửu điện hoặc nộp trực tuyến Thí sinh có thể đăng ký phúc tra phần thi mình muốn trong bốn phần thi kỹ năng

TIPS

- Thí sinh phải mang theo hộ chiếu/CMT/CCCD đã dùng đăng ký thi để giám thị kiểm tra trước khi vào thi.
- · Tất cả vật dụng cá nhân đều phải gửi ở nơi giữ đồ trước khi vào phòng thi.
- · Thí sinh được chụp ảnh và kiểm tra dấu vân tay trước khi vào thi.
- · Giữa ba phần thi Nghe, Đọc, Viết không có thời gian nghỉ riêng. Trong trường hợp cần đi vệ sinh khi đang làm bài, thí sinh ra khỏi phòng thi phải được sự giám sát của giám thị.
- · Lịch thi nói sẽ được thông báo riêng tới từng thí sinh.

Giới thiệu về kỳ thi IELTS

■ Thang điểm IELTS "Band Score"

Bài thi IELTS đánh giá năng lực Anh ngữ của thí sinh qua các band điểm. Dưới đây là miêu tả từng band điểm.

Band score	Mức độ thuần thục	Miêu tả
9	Expert user	Có năng lực tiếng toàn diện và thể hiện được khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chính xác, thành thạo, nắm bắt được mọi khía cạnh của ngôn ngữ.
8	Very good user	Có năng lực tiếng toàn diện dù còn mắc một số ít lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác và chưa phù hợp. Có thể hiểu nhầm trong một vài tình huống không quen thuộc. Có khả năng xử lý tốt các tranh luận phức tạp, chi tiết.
7	Good user	Có năng lực tiếng tốt dù còn một số lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác, chưa phù hợp và hiểu nhằm trong một số tình huống. Nhìn chung có khả năng xử lý tốt ngôn ngữ phức tạp và hiểu được các lập luận chi tiết.
6	Competent user	Nhìn chung có khả năng sử dụng ngôn ngữ hiệu quả dù còn một số lỗi thiếu chính xác, không phù hợp, hoặc hiểu nhầm ý. Có thể sử dụng và hiểu các cấu trúc tương đối phức tạp, đặc biệt là trong những tình huống quen thuộc.
5	Modest user	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tương đối và nắm được ý nghĩa cơ bản của ngôn ngữ trong hầu hết các tình huống dù còn mắc nhiều lỗi. Có khả năng giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực quen thuộc.
4	Limited user	Khả năng giao tiếp giới hạn trong các hình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp vấn để trong việc hiểu và diễn đạt. Không có khả năng sử dụng các cấu trúc phức tạp.
3	Extremely limited user	Chỉ truyền tải và hiểu được nội dung cơ bản nhất trong các tình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp khó khăn trong giao tiếp.
2	Intermittent user	Gặp rất nhiều khó khăn trong việc nói và viết tiếng Anh
1	Non-user	Không có khả năng sử dụng tiếng Anh, ngoại trừ một vài từ vựng riêng lẻ.
0	Did not attempt the test	Thí sinh không dự thi

Cách tính điểm IELTS

Mỗi kỹ năng đều được tính điểm riêng và điểm tổng. IELTS Overall là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần. Các cơ quan, tổ chức sử dụng điểm IELTS để đánh giá năng lực tiếng Anh của ứng viên đều có những yêu cầu khác nhau về số điểm thành phần và điểm Overall cần đạt. Thí sinh cần dựa vào những quy định riêng này để lên kế hoạch chuẩn bị thật phù hợp cho kỳ thi. Đạt điểm cao trong một phần thi thế mạnh có thể hỗ trợ cho phần yếu hơn, nhưng nếu sự khác biệt giữa các điểm thành phần quá lớn sẽ ảnh hưởng đến điểm Overall. Vì vậy, rất khó để đạt điểm cao nếu thí sinh chỉ tập trung vào một kỹ năng nhất định nào đó.

Dưới đây là ví dụ tính band điểm. Band điểm Overall là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần và sẽ được làm tròn theo quy tắc làm tròn số thập phân.

	Listening	Reading	Writing	Speaking	Điểm trung bình cộng của 4 điểm thành phần	Overall Band Score
Thí sinh A	5.5	5.5	4.0	6.0	5.25	5.5
Thí sinh B	5.0	4.5	5.0	5.0	4.875	5.0
Thí sinh C	7.5	7.5	6.5	7.0	7.125	7.0

Giới thiệu IELTS Speaking và kế hoạch ôn luyện

Phần thi Nói sẽ đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh khi giao tiếp của những thí sinh dự thi nhằm mục đích di cư sang các quốc gia như Anh, Canada, Úc, Mỹ, New Zealand hoặc nhập học tại các trường ở các quốc gia đó. Phần thi sẽ được tiến hành dưới hình thức phỏng vấn 1:1. Toàn bộ quá trình phỏng vấn được ghi âm lại.

Trình tự tiến hành phần thi Nói IELTS



Thông báo và chờ đơi

- · Thời gian thi nói sẽ được thông báo riêng cho từng cá nhân
- · Trong thời gian chờ, thí sinh có thể xem qua những từ mới đã học, cấu trúc, đáp án mẫu.





Vào phòng thi và bắt đầu thi



■ Bắt đầu thi

- Thí sinh có mặt ở phòng thi đã được chỉ định và vào phòng thi sau khi có hiệu lệnh từ giám khảo.
- · Khi giám khảo chào thí sinh, thí sinh nên chào lại giám khảo sao cho thật tự nhiên.
- · Khi thí sinh vào phòng thi và giám khảo giới thiệu, bài thi bắt đầu được ghi âm.
- · Sau khi giám khảo kiểm tra xong hộ chiếu của thí sinh, phần thi chính thức được bắt đầu.



Kết thúc bài thi

Kết thúc bài thi và ra khỏi phòng thi

- · Sau khi kết thúc bài thi Nói, giám khảo sẽ thông báo kết thúc phần thi.
- Thí sinh chào giám khảo một cách đơn giản rồi ra khỏi phòng thi.

Cấu trúc phần thi IELTS Speaking

Bài thi Nói được tiến hành trong khoảng từ 11 đến 14 phút và có tổng cộng 3 phần.

Cấu trúc	Chi tiết	Số câu hỏi	Khung thời gian	Thời gian tiến hành
Part 1 Trả lời các câu hỏi về bản thân	Sau khi kiểm tra giấy tờ tùy thân của thí sinh, giám khảo sẽ đặt câu hỏi về các chủ đề quen thuộc liên quan đến đời sống thường ngày.	10∼15 câu hỏi	Thời gian chuẩn bị: không có Thời lượng trả	4~5 phút
	Ví dụ • What do you do on weekends? • What do you do on weekdays?	odd Hol	lời: không giới hạn	priut
Part 2 Phát biểu về chủ để trong Phiếu đề (Task Card)	Sau 1 phút chuẩn bị câu trả lời cho chủ để trong Phiếu để (Task Card) do giám khảo đưa ra, thí sinh phải trình bày trong vòng 2 phút. Ví dụ Describe a person you admire. You should say: who he/she is what he/she did and explain why you admire him/her	1 câu	Thời gian chuẩn bị: 1 phút Thời lượng trả lời: 1~2 phút	3~4 phút
Part 3 Trả lời câu hỏi mở rộng liên quan đến Part 2	Đây là phần nối tiếp Part 2, thí sinh phải trả lời câu hỏi mở rộng hơn liên quan đến chủ đề đã nói ở Part 2. Ví dụ • What do you think is important to be admired by others? • Is academic achievement important to become an admirable person?	4~6 câu	Thời gian chuẩn bị: không có Thời lượng trả lời: không giới hạn	4~5 phút

Giới thiệu IELTS Speaking và kế hoạch ôn luyện

Yếu tố đánh giá bài thi IELTS Speaking

Điểm thi IELTS Speaking được đánh giá dựa trên bốn yếu tố chính: lưu loát và mạch lạc, vốn từ vựng, ngữ pháp phong phú và chính xác, ngữ âm.

- Yếu tố lưu loát đánh giá về khả năng nói trôi chảy, không bị ngắt quãng; yếu tố mạch lạc đánh giá khả năng sắp xếp câu logic, sử dụng phương tiện liên kết phù hợp.
- Yếu tố vốn từ vựng đánh giá năng lực "paraphrasing" (kỹ năng diễn đạt lại các cụm từ hoặc các câu bằng cách dùng các từ ngữ khác có ý nghĩa tương đương), sử dụng từ vựng phong phú, phù hợp và đẩy đủ.
- Yếu tố ngữ pháp phong phú và chính xác đánh giá năng lực sử dụng các cấu trúc ngữ pháp phức tạp và các lỗi ngữ pháp mắc phải trong nội dung nói.
- · Yếu tố ngữ âm đánh giá khả năng phát âm không gây khó khăn cho việc nghe hiểu.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá bài thi Nói

Ðiểm số		Nội dung đánh giá cho điểm theo các yếu tố						
	Lưu loát và nhất quán	 Nói lưu loát, rất hiếm khi lặp từ hoặc tự sửa lỗi Có sự do dự trong khi nói nhưng là do liên quan đến nội dung chứ không phải để tìm từ hay chỉnh ngữ pháp Nói mạch lạc bằng cách sử dụng các phương tiện liên kết phù hợp Triển khai chủ đề trọn vẹn và hợp lý 						
9 điểm	Vốn từ vựng	 Sử dụng từ vựng linh hoạt, chính xác, đầy đủ ở tất cả các chủ đề Sử dụng chính xác, tự nhiên các thành ngữ, tục ngữ, các cách diễn đạt 						
	Ngữ pháp phong phú và chính xác	 Sử dụng đa dạng các cấu trúc ngữ pháp tự nhiên và thích hợp Sử dụng các cấu trúc câu chính xác liên tục, hệ thống, trừ những lỗi rất nhỏ mà người bản ngữ cũng có thể mắc phải 						
	Ngữ âm	 Sử dụng các yếu tố ngữ âm đa dạng với độ chính xác và tinh tế Sử dụng được các yếu tố ngữ âm linh hoạt một cách xuyên suốt Dễ nghe, nghe dễ hiểu 						
	Lưu loát và nhất quán	 Nói lưu loát, chỉ thi thoảng có lỗi lặp từ hoặc tự sửa; có sự do dự nhưng chủ yếu liên quan đến nội dung hơn là tìm kiếm ngôn ngữ Triển khai chủ đề trọn vẹn và đẩy đủ 						
8 điểm	Vốn từ vựng	 Sử dụng từ vựng linh hoạt, dễ dàng và phong phú để truyền đạt ý một cách chính xác Sử dụng thuần thục từ vựng hiếm gặp và thành ngữ ở mức độ khó, chỉ thi thoảng mắc lỗi Sử dụng kỹ năng "paraphrasing" một cách có hiệu quả theo yêu cầu 						
	Ngữ pháp phong phú và chính xác	 Sử dụng linh hoạt các cấu trúc câu phong phú Đa số các câu không có lỗi, tuy nhiên vẫn mắc một số lỗi ngữ pháp 						
	Ngữ âm	 Sử dụng các yếu tố ngữ âm đa dạng với độ chính xác và tinh tế Duy trì được việc sử dụng các yếu tố ngữ âm linh hoạt, chỉ thi thoảng mắc lỗi Nhìn chung phát âm dễ hiểu; bị ảnh hưởng rất nhỏ bởi âm điệu của tiếng mẹ để 						

7 điểm	Lưu loát và nhất quán	 Triển khai được bài nói dài mà không phải quá nỗ lực và không mất đi tính mạch lạc Đôi khi có ngập ngừng để tìm từ thích hợp, hoặc có lỗi lặp từ hoặc tự sửa lỗi Sử dụng đa dạng, linh hoạt từ/ngữ liên kết và điểm đánh dấu diễn ngôn ('discourse markers' - từ và nhóm từ giúp triển kha những ý tưởng và kết nối chúng vào nhau)
	Vốn từ vựng	 Sử dụng từ vựng linh hoạt để thảo luận về nhiều chủ đề đa dạng Có sử dụng từ vựng hiếm gặp và mang tính thành ngũ, thể hiện y thức về văn phong và cách diễn đạt thường đi với nhau trong văr nói, thi thoảng vẫn có cách sử dụng chưa thích hợp Sử dụng hiệu quả kỹ năng "paraphrasing"
	Ngữ pháp phong phú và chính xác	 Sử dụng cấu trúc ngữ pháp đa dạng và có độ linh hoạt nhất định Thường xuyên nói những câu không có lỗi nhưng vẫn có mộ chút sai sót về ngữ pháp
	Ngữ âm	 Có tất cả các điểm tích cực ở mức 6 điểm nhưng không phải tấ cả các điểm tích cực ở mức 8 điểm
	Lưu loát và nhất quán	 Cố gắng nói dài nhưng thường nói lặp hoặc tự sửa lỗi hay còi ngập ngừng nên thi thoảng không mạch lạc Sử dụng đa dạng từ ngữ liên kết và điểm đánh dấu diễn ngôi nhưng không phải lúc nào cũng phù hợp
	Vốn từ vựng	 Có đủ vốn từ vựng để thảo luận chi tiết về các chủ để, diễn đạ rõ ý nhưng đôi khi vẫn không phù hợp "Paraphrasing" thành công về tổng thể
6 điểm	Ngữ pháp phong phú và chính xác	 Sử dụng kết hợp các cấu trúc đơn giản và phức tạp nhưng chư thuần thục lắm Có thể thường xuyên mắc lỗi với các cấu trúc phức tạp nhưng khi dẫn đến hiểu nhằm
	Ngữ âm	 Kỹ năng phát âm đa dạng nhưng chưa kiểm soát được hoàn toài Sử dụng hiệu quả các yếu tố ngữ âm nhưng không xuyên suốt Thi thoảng có một vài từ và âm bị phát âm sai, làm giảm độ chíni xác nhưng nhìn chung vẫn có thể hiểu được
	Lưu loát và mạch lạc	 Về cơ bản, duy trì được mạch nói nhưng thường mắc lỗi lặp to hoặc tự sửa lỗi và/ hoặc ngập ngừng trong thời gian dài Sử dụng quá đà một vài từ/ ngữ liên kết cụ thể và điểm đáni dấu diễn ngôn Nói thành thục các câu đơn giản nhưng gặp vấn đề để giữ đượ mức độ lưu loát khi nói các hội thoại phức tạp hơn
5 điểm	Vốn từ vựng	 Có thể nói được các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc nhưng mức độ linh hoạt còn hạn chế Có nỗ lực "paraphrasing" nhưng lúc hiệu quả lúc không
	Ngữ pháp và văn phong chính xác	 Nói được câu cơ bản khá chính xác Có thể thường xuyên mắc lỗi với các cấu trúc phức tạp nhưng khi dẫn đến hiểu nhằm
	Ngữ âm	Có tất cả các điểm tích cực ở mức điểm 4 và một phần các điển tích cực ở mức điểm 6

[•] Từ liên kết giữa các câu với "right, okay, anyway"

Giới thiệu IELTS Speaking và kế hoạch ôn luyện

	Lưu loát và mạch lạc	 Khi trả lời có ngắc ngứ nhiều và nói chậm, thường xuyên mắc lỗi Kết nối câu cơ bản nhưng chỉ sử dụng lặp đi lặp lại các từ/ngữ liên kết đơn giản và có những đoạn mất tính mạch lạc 				
4 điểm	Vốn từ vựng	 Có thể nói về các chủ để quen thuộc nhưng không truyền đạt được ý cơ bản đối với các chủ để không quen thuộc và thường mắc lỗi về từ loại Hầu như không có kỹ năng "paraphrasing" 				
	Ngữ pháp phong phú và chính xác	 Nói được các cấu trúc đơn giản, một số câu đơn chính xác nhưng rất ít khi dùng các cấu trúc phức Mắc nhiều lỗi và có thể gây hiểu lầm 				
	Ngữ âm	 Có kỹ năng phát âm trong phạm vi giới hạn Có nỗ lực kiểm soát các yếu tố ngữ âm nhưng thường mắc lỗi Mắc lỗi phát âm gây khó hiểu cho người nghe 				
	Lưu loát và mạch lạc	 Có những khoảng im lặng dài trong khi nói Năng lực liên kết câu đơn giản hạn chế Chỉ trả lời đơn giản và thường không truyền đạt được thông cơ bản 				
3 điểm	Vốn từ vựng	 Sử dụng từ vựng ở mức cơ bản và truyền đạt thông tin mang tính cá nhân Thiếu vốn từ vựng đối với các chủ đề không quen thuộc 				
	Ngữ pháp phong phcus và chính xác	 Có nỗ lực nói câu cơ bản nhưng chỉ thành công ở mức độ giới hạn hoặc rõ ràng phụ thuộc vào việc học thuộc lòng các câu trả lời Ngoại trừ các câu học thuộc lòng, các câu nói ra rất nhiều lỗi 				
	Phát âm	 Có tất cả các điểm tích cực của mức điểm 2 và một phần điểm tích cực của mức điểm 4 				
	Lưu loát và mạch lạc	Dừng nghỉ lâu trước khi nói phần lớn các từ Hầu như không có khả năng giao tiếp				
: ²	Vốn từ vựng	· Chỉ nói được các câu đã học thuộc lòng và các từ rời rạc				
2 điểm	Ngữ pháp phong phcus và chính xác	· Không nói được cấu trúc câu cơ bản				
	Phát âm	· Thường xuyên nói khó hiểu				
1 điểm	Không có khả năng giao tiếp Khả năng ngôn ngữ không thể cho điểm					
0 điểm	Không tham gia thi					

■ Kế hoạch ôn luyện cho IELTS Speaking

1. Làm quen với các cấu trúc và các cách diễn đạt đa dạng!

Để đạt điểm IELTS Speaking cao, không nên chỉ sử dụng những cấu trúc ngữ pháp cơ bản mà còn phải biết sử dụng từ vựng, thành ngữ, các cách diễn đạt thích hợp trong tiếng Anh để có thể truyền đạt suy nghĩ của bản thân một cách hiệu quả và mạch lạc. Các bạn hãy ôn luyện nhuẩn nhuyễn cuốn sách này với các phần đã được biên tập gồm các các cấu trúc được tiếp cận theo từng phần thi (trang 31, 38, 44) và phụ lục Ý tưởng và cấu trúc theo từng chủ để.

2. Đưa ra ý kiến và suy nghĩ của bản thân về các chủ đề đa dạng!

Đề thi IELTS Speaking được ra theo các mức độ từ dễ đến khó. Vì vậy, các bạn hãy ôn luyện với giáo trình được biên soạn theo các chủ đề đa dạng thường gặp trong kỳ thi và tập đưa ra ý kiến, suy nghĩ của bản thân để có câu trả lời thích hợp.

3. Hãy chăm chỉ tập nói hàng ngày!

Bạn cần quen với việc nói tiếng Anh, vì vậy hãy tạo thói quen không ngừng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ của mình ra thành lời, bắt đầu từ những chủ đề quen thuộc và gần gũi. Dù bận đến mấy, một ngày tối thiểu bạn nên luyện tập tự trả lời một câu hỏi, sau đó so sánh với câu trả lời mẫu trong sách và sửa những điểm chưa hoàn chỉnh.

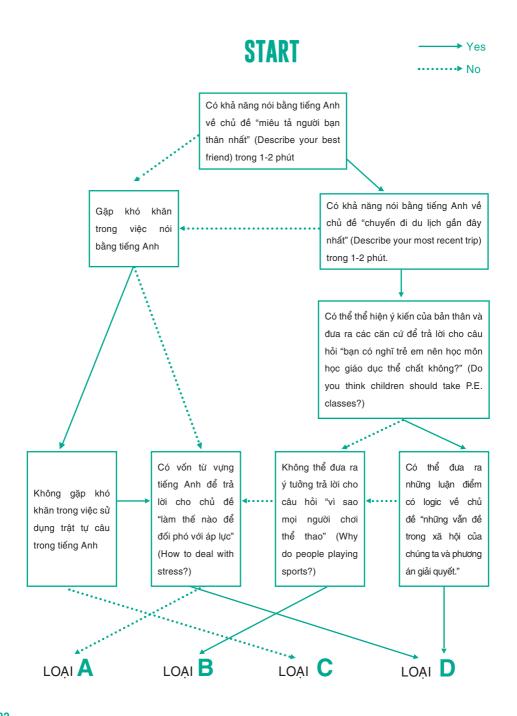
4. Nói có ngữ điệu!

Nếu bạn nói bằng một giọng đơn điệu với ngữ điệu không thay đổi, người nghe dễ có cảm giác bạn chỉ đang nói những nội dung đã học thuộc lòng. Hãy tập nói có ngữ điệu theo cách thật tự nhiên, điều này sẽ đem lại cảm giác bạn đang tự tin khi nói.

5. Thích ứng với không gian và hình thức thi

Thực tế, việc thi theo hình thức 1:1 (một thí sinh và một giám khảo) khiến ai cũng cảm thấy nặng nề và xa lạ. Vì vậy, hàng ngày bạn hãy tập nói trong một không gian giống với không gian trong phòng thi, từ đó có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân khi thi thật.

Kế hoạch ôn luyện



Loại A: Bạn phải trau đổi năng lực diễn đạt!

Bạn không gặp vấn đề quá lớn trong giao tiếp cơ bản nhưng thiếu năng lực diễn đạt. Bạn cần luyện tập để vận dụng cấu trúc đa dạng và nói ra ý kiến của mình một cách tự nhiên. Bạn cần tập trung trong vòng 3 tuần để ưu tiên học cách đưa ra ý tưởng và diễn đạt, rồi từ đó luyện tập sao cho cách diễn đạt của mình thật phong phú.

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Tuần 1	Tiếp cận từng phần	Luyện tập tổng hợp các phần	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 01~02	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 03~04	Luyện tập tổng hợp các chủ để từ Unit 01~04	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 05~06
Tuần 2	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 07~08	Luyện tập tổng hợp các chủ để từ Unit 05~08	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 09~10	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 11~12	Luyện tập tổng hợp các chủ để từ Unit 09~12	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 13~14
Tuần 3	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 15~16	Luyện tập tổng hợp các chủ đề từ Unit 13~16	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 17~18	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 19~20	Luyện tập theo từng chủ đề từ Unit 05~08	Thi thử

Loại B: bạn thiếu ý tưởng!

Bạn không gặp trở ngại gì lớn với việc nói tiếng Anh nhưng bạn thiếu ý tưởng cho câu trả lời và có cảm giác khó khăn khi trả lời. Bạn cần tập trung luyện tập cách đưa ra ý tưởng và diễn đạt câu trả lời trong vòng 2 tuần để không bối rối khi nhận được bất kỳ câu hỏi nào và có thể đưa ra các ý tưởng đa dạng

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Tuần 1	Tiếp cận từng phần	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 01~02	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 03~04	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 05~06	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 07~08	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 09~10
Tuần 2	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 11~12	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 13~14	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 15~16	Tiếp cận từng chủ đề từ Unit 17~18	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 19~20	Thi thử

Kế hoạch ôn luyện

Loại C: Bạn phải nắm chắc những điều cơ bản của phần thi Nói!

Bạn không quen với việc nói tiếng Anh cũng như tham gia các kỳ thi nói tiếng Anh. Bạn nên học theo kế hoạch học tập dưới đây để nắm vững những điểm trọng yếu của phần thi Nói.

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Tuần 1	Tiếp cận từng phần	Tiếp cận từng chủ để Unit 01	Tiếp cận từng chủ để Unit 02	Tiếp cận từng chủ đề Unit 03	Tiếp cận từng chủ đề Unit 04	Tiếp cận từng chủ để Unit 05
Tuần 2	Tiếp cận từng chủ để Unit 06	Tiếp cận từng chủ để Unit 07	Tiếp cận từng chủ để Unit 08	Tiếp cận từng chủ đề Unit 09	Tiếp cận từng chủ đề Unit 10	Luyện tập tổng hợp các chủ để từ Unit 01~10
Tuần 3	Tiếp cận từng chủ để Unit 11	Tiếp cận từng chủ để Unit 12	Tiếp cận từng chủ để Unit 13	Tiếp cận từng chủ đề Unit 14	Tiếp cận từng chủ đề Unit 15	Tiếp cận từng chủ để Unit 16
Tuần 4	Tiếp cận từng chủ đề Unit 17	Tiếp cận từng chủ đề Unit 18	Tiếp cận từng chủ đề Unit 19	Tiếp cận từng chủ đề Unit 20	Luyện tập tổng hợp các chủ để từ Unit 11~20	Thi thử

Loại : Bạn phải quen với cảm giác thi nói IELTS thật!

Bạn nắm vững từ vựng và logic. Chỉ cần luyện tập để quen hơn với các chủ đề đa dạng và hình thức tiến hành từng phần thi là bạn đã có thể đương đầu với phần thi Nói. Trong vòng một tuần, bạn hãy kiểm tra xem trong đề thi có những chủ đề gì được đưa ra và câu trả lời mẫu như thế nào rồi tập nói giống như đang đi thi thật.

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Tuần 1	Tiếp cận từng phần	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 01~05	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 06~10	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 11~15	Tiếp cận từng chủ để từ Unit 16~20	Thi thử

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KẾ HOẠCH ÔN LUYỆN

- Tìm hiểu phương thức tiến hành từng phần thi, nắm chắc chiến thuật trả lời, hiểu rõ các cách diễn đạt.
- Đọc câu trả lời mẫu và ghi âm lại để miệng quen với các cấu trúc và các liên từ được sử dụng trong câu trả lời mẫu đó.
- 3. Nên tham khảo các ý tưởng và cách diễn đạt được giới thiệu, thử đưa ra câu trả lời của mình trước khi xem câu trả lời mẫu. Thông qua việc luyện tập này, bạn có thể rèn luyện năng lực phản xạ và năng lực hình thành câu.
- 4. Trước khi thi thử trên trang web trực tuyến, hãy tổng hợp lại tất cả những nội dung được tiếp cận trước rồi thử trả lời giống như khi thi thật. Đặc biệt đối với phần 2, hãy tập làm quen với việc trả lời trong thời gian cho phép.
- 5. Sử dụng chức năng ghi âm trên điện thoại để ghi âm câu trả lời của mình cho các chủ để được đưa ra trong sách, sau đó so sánh với phát âm của người bản ngữ trong file MP3 ghi câu trả lời mẫu, kiểm tra xem có điểm nào cần cải thiện không.
- 6. Sau khi đã ghi âm câu trả lời, hãy tìm hiểu và xác định điểm yếu của mình bằng cách tự đánh giá theo nội dung trong phụ lục trang 348 (Tiêu chí đánh giá).



TIẾP CẬN THEO TỪNG PHẦN THI

PART 01 TRẢ LỜI CÂU HỎI VỀ BẢN THÂN

PART 02 NÓI VỀ CHỦ ĐỀ TRONG PHIẾU ĐỀ (TASK CARD)

PART 03 TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI LIÊN QUAN ĐẾN PART 2



Trả lời câu hỏi về bản thân

Tìm hiểu phương thức tiến hành



Vào phòng thi và kiểm tra giấy tờ tùy thân

- Thí sinh đến phòng thi khi đến thời gian thi của mình.
- Trước khi bắt đầu Part 1, chào hỏi đơn giản với giám khảo.
- Giám khảo bật máy ghi âm để ghi âm tất cả nội dung thi, sau đó kiểm tra tên và hô chiếu của thí sinh.



Giải thích về cách tiến hành Part 1 và bắt đầu thi

- Sau khi kiểm tra cơ bản thông tin của thí sinh xong, Part 1 chính thức được bắt đầu.
- Trước khi Part 1 được bắt đầu, giám khảo sẽ giải thích cho thí sinh nội dung thi sẽ là một vài câu hỏi về chủ đề đời sống thường ngày.
- Part 1 được tiến hành trong khoảng từ 4~5 phút.



Câu hỏi liên quan đến chủ đề đời sống thường ngày

- Ở Part 1, giám khảo sẽ đặt câu hỏi về 3~4 chủ đề quen thuộc với thí sinh chủ yếu như lý lịch cá nhân hoặc đời sống thường ngày, mỗi chủ đề có 3~4 câu hỏi, tổng có tất cả 10~15 câu hỏi.
- Ở Part 1, các câu hỏi thường gặp như sau
 - Ban là sinh viên hay đã đi làm?
 - Ban sống ở chung cư hay nhà riêng?
 - Bạn có thích ngôi nhà mà bạn đang sống không?
 - Bạn có thích nghe nhạc không?
 - Bạn thích thể loại nhạc nào?



Đưa ra câu trả lời phù hợp với câu hỏi

- Part 1 được tiến hành dưới hình thức một cuộc nói chuyện tự nhiên nên không có thời gian chuẩn bi cho câu trả lời.
- Khi trả lời cho câu hỏi của giám khảo ở Part 1, thí sinh trả lời ngay sau khi nhận được câu hỏi và sau đó phải giải thích thêm cho câu trả lời.

Good afternoon. My name is Jason. Can you tell me your full name, please?

Xin chào, tôi tên là Jason. Bạn có thể nói cho tôi biết tên của bạn được không?



Good afternoon. My name is Linh Chi. Xin chào, tên tôi là Linh Chi.



Can you tell me where you're from? Bạn có thể cho tôi biết bạn đến từ đâu không?



I'm from Hanoi. Tôi đến từ Hà Nôi



Can I see your identification, please? Tôi có thể xem giấy tờ tùy thân của bạn được không?



Sure. Tất nhiên rồi ạ.



Thank you, that's fine. Now in this part of the test, I'd like to ask you some questions about yourself. Cảm ơn bạn. Được rồi. Bây giờ ở phần này tôi sẽ hỏi bạn một vài câu hỏi về bản thân.

First of all, are you a student or do you work?

Trước tiên, cho tôi hỏi bạn là sinh viên hay đang đi làm?



I'm a student. I'm a senior at Hanoi University, and I will graduate soon.



Tôi là sinh viên. Tôi là sinh viên năm 4 Đại học Hà Nôi và tôi sắp tốt nghiệp.



Do you live in an apartment or a house? Ban sống ở chung cư hay nhà riêng?



Linh Chi

I live in a studio apartment. It consists of a single room and has just enough space for a bed and a desk ... Tôi sống trong một căn hộ kiểu studio. Căn hộ chỉ có một phòng đủ cho một chiếc giường và một chiếc bàn...



What do you like about your house or apartment?

Điểm bạn thích ở nhà riêng hay căn hộ của bạn là gì?



First of all, my apartment is conveniently located. It's only about 3 minutes from the nearest bus stop ... Đầu tiên, căn hộ của tôi có vị trí thuận tiện. Chỉ mất khoảng 3 phút để đi đến bến xe buýt gần nhất...



What do you not like about your house or apartment?

Điểm bạn không thích ở nhà riêng hay căn hộ của bạn là gì?



I'm content with nearly everything about my apartment, except for my upstairs neighbor. He is so noisy. For instance, ... Tôi hài lòng với hầu hết tất cả mọi thứ ở căn hộ của tôi, chỉ trừ người hàng xóm ở tầng trên. Anh ta quá ồn ào. Ví dụ như ...



Nắm chắc chiến lược trả lời

- Để trả lời câu hỏi ở Part 1 một cách rõ ràng và logic, nên trả lời trọng tâm và rồi diễn giải về câu trả lời để hoàn thành câu trả lời.
- Khi diễn giải thêm cho câu trả lời, có thể cho thêm 2~3 câu như đưa ra ví dụ, lý do, giải thích.
- Nếu đơn thuần chỉ trả lời câu hỏi mà không có diễn giải thêm, thí sinh có thể nhận thêm câu hỏi lặp đi lặp lại "Why?" từ giám khảo và khó có thể nhận được điểm tốt.

Phương pháp Trả lời trọng tâm (1 câu) + Diễn giải thêm (2~3 câu)

Ví dụ về áp dụng chiến lược trả lời





EXPRESSION - Các cấu trúc dùng khi diễn giải

Nắm chắc các cách diễn đạt đa dạng có thể sử dụng khi diễn giải để tạo nên câu trả lời phong phú.

Cấu trúc có thể dùng khi đưa ra ví dụ

1 Ví dụ

For example/For instance

Tôi thích ăn đồ ngọt. Ví dụ như tôi ăn vặt sô-cô-la và kẹo gôm hàng ngày.

I love to eat sweet snacks. For example, I snack on chocolates and gummies every day.

*gummies keo gôm *snack on ăn vặt

2 Như là ~

Such as ~/Like ~

Chơi các môn hoạt động thể chất như bóng đá hoặc bóng chày tốt cho sức khỏe của trẻ em.

Doing physical activities such as football or baseball is good for children's health.

*physical activities hoạt động thể chất

3 Là một ví dụ (hay) cho điều này là~

One (good) example of this is ~

Sự phát triển của kỹ thuật làm cho cuộc sống của chúng ta tiện lợi hơn. Một ví dụ cho điều này là mua bán trực tuyến.

The development of technology made our life convenient. One example of this is online shopping.

*development phát triển

2. Cấu trúc có thể dùng khi nói lý do

4 Có vài lý do vì sao~

There are several/a couple of reasons why ~

Có vài lý do vì sao tôi thường xuyên đến công viên.

There are several reasons why I visit parks often.

🗹 🔃 Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

1. Ví dụ như, tôi ăn rất nhiều chất đạm. *high-protein nhiều chất đạm *have a diet có chế độ ăn	
2. Có vài lý do vì sao tôi thích đọc sách.	

5 Đó là bởi vì~

That's because ~

Tôi quyết định học chuyên ngành Y khoa. Đó là bởi vì tôi muốn trở thành bác sĩ.

I decided to major in medical science. That's because I wanted to become a doctor.

*medical science Y khoa *major in chuyên ngành

3. Cấu trúc có thể dùng khi nói nội dung bổ sung

6 Cũng

As well/Also

Ở thư viện, tôi có thể nghỉ ngơi hoặc học bài mà không bị làm phiền. Tôi cũng có thể đọc nhiều sách. In the library, I can rest or study without being distracted. I can read many books **as well**.

7 Thêm vào đó/ Thêm nữa

Moreover/Besides/In addition/Plus

Tôi thích đi giày thể thao bởi vì chúng rất thoải mái. Thêm nữa, chúng hợp với mọi loại trang phục.

I love to wear sneakers because they are comfortable. Moreover, they go with everything.

*sneakers giày thể thao *go with hợp với

8 Hơn nữa

Furthermore/What's more

Ăn ở bên ngoài đắt. Hơn nữa, thường thì nó cũng không tốt cho sức khỏe của bạn. Eating out is expensive. **Furthermore**, it is usually bad for your health.

§ Không chỉ có vậy

On top of that/Not only that, but (also) ~/Aside from that

Đạp xe tốt cho môi trường. Không chỉ có vậy, nó còn có thể giúp bạn tiết kiệm thời gian.

Riding bicycles is good for the environment. **On top of that,** it can save your time. *environment môi trường

☑ **QUIZ** Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

	3. Tôi không hay đi đến rạp chiếu phim. Đó là bởi vì vé xem phim rất đắt.
	*theater rap chiếu phim *often thường *movie ticket vé xem phim
	4. Thêm vào đó, tắm táp làm cho tôi cảm thấy sảng khoái.
	*take a bath tắm *feel refreshed sảng khoái
	·
П	

4. Cấu trúc có thể dùng khi nói nội dung đối lập

10 Mặc dù

Although/Even though

Mặc dù gấu Bắc Cực trông rất đáng yêu, nhưng chúng là một trong những động vật săn mỗi mạnh nhất. **Although** polar bears seem cute, they're one of the most powerful predators.

Ngược lai

In contrast/Conversely

Nhiều bé trai có khuynh hướng chơi với robot. Ngược lại, nhiều bé gái lại thích chơi với búp bê công chúa. Many boys tend to play with robots. **In contrast**, girls often play with princess dolls.

12 Măt khác

On the other hand

Đi du học có thể giúp du học sinh tiếp cận với nền văn hóa mới. Mặt khác, họ thường hay nhớ nhà. Studying abroad can expose students to new cultures. **On the other hand**, they often get homesick.

*homesick nhớ nhà

5. Cấu trúc có thể dùng khi thêm nội dung chi tiết

13 Cụ thể (hơn)

(More) Specifically/To be (more) specific

Gần đây tôi mê nhạc dance. Cụ thể hơn, tôi thích nghe các bài hát thịnh hành của các nhóm nhạc nữ. I'm into dance music nowadays. **More specifically**, I love to listen to trendy songs by girl groups.

*be into mê/thích *trendy thịnh hành

14 Sư thật

Actually/In fact

Tôi có thể chơi đàn piano rất khá. Thực ra, mẹ của tôi dạy tôi chơi đàn.

I can play the piano very well. Actually, my mother taught me how to play.

☑ 🚺 Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

5. Nyuyo iai, iiili		tuổi không thính thử những gói mới
*ald naanla n	arıg rigadi idir. ıqırdi lán tuổi	tuổi không thích thử những cái mới.
old people ii	guoi ion tuoi	try out thu
Tôi thích đồ ă	n mặn. Cụ thế	ể hơn, tôi thường ăn bim bim khoai tây.
* salty mặn	*potato chip	s bim bim khoai tây

Đáp án QUIZ trang 46



Nói về chủ đề trong Phiếu đề (TASK CARD)

Tìm hiểu phương thức tiến hành



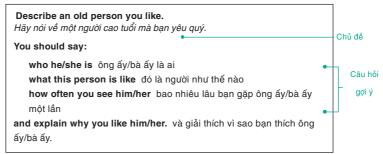
Giải thích phương thức tiến hành Part 2 và bắt đầu

• Sau khi Part 1 kết thúc, Part 2 sẽ được bắt đầu. Giám khảo cho thí sinh thời gian 1 phút chuẩn bị cho 1 chủ đề và sau đó giải thích cho thí sinh một cách đơn giản về những điều thí sinh phải nói trong 1~2 phút.

Kiểm tra Phiếu đề (Task Card)

• Sau khi giải thích phương thức tiến hành một cách ngắn gọn, thí sinh nhận Phiếu đề (Task Card). Trên Phiếu đề (Task Card) có ghi chủ đề thí sinh sẽ phải trả lời và một vài câu hỏi gợi ý.

Task Card



- Trên Phiếu đề (Task Card) có ghi chủ đề bắt đầu bằng "Describe ~" và câu hỏi bắt đầu bằng sáu từ để hỏi (who, when, where, what, why, how) hoặc whether.
- Chủ yếu thường yêu cầu nói về các nhân vật đặc biệt, sự vật, địa điểm, kinh nghiệm, hoạt động.



Phát phiếu đề

(TASK CARD)

Chuẩn bị nội dung phát biểu trong vòng 1 phút

- Thí sinh được cho thời gian chuẩn bị là 1 phút và được cung cấp bút chì và giấy để ghi chú.
- Trong thời gian chuẩn bị, thí sinh có thể tốc ký nội dung sẽ nói vào giấy.



- Thí sinh nói về chủ đề trong Phiếu đề (Task Card) trong vòng từ 1 đến 2 phút. Nếu bài nói vượt quá thời gian 2 phút, giám khảo sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo.
- Part 2 là phần đánh giá tính lưu loát của thí sinh nên thí sinh nên phát biểu trong vòng 2 phút hơn là 1 phút.
- Sau bài nói, giám khảo có thể hỏi thêm 1~2 câu. Thí sinh trả lời ngắn gọn từ 2~3 câu cho câu hỏi thêm của giám khảo.







Now I'm going to give you a topic, and I'd like you to talk about it for one to two minutes. Before you talk, you'll have one minute to think about what you are going to say, and you can make some notes if you want to. Do you understand?

Bây giờ, tôi sẽ đưa cho bạn một chủ đề và vui lòng nói cho tôi nghe về chủ đề đó trong vòng từ 1~2 phút. Trước khi nói, bạn sẽ có một phút để suy nghĩ về nội dung mình sẽ nói và bạn có thể ghi chú nếu muốn. Bạn có hiểu không?



Yes, I do. Vâng, tôi hiểu rồi ạ.

OK, here's some paper and a pencil for making notes, and here's your topic. I'd like you to describe an old person you like.

OK, đây là bút chì và giấy để bạn ghi chú, và đây là chủ đề của bạn. Bạn vui lòng miêu tả về một người lớn tuổi mà bạn quý.



Phiếu đề (Task Card)

Describe an old person you like.

You should say:

who he/she is what this person is like how often you see him/her and explain why you like him/her.



Thời gian chuẩn bị phát biểu: 1 phút



All right. Remember, you can talk for one to two minutes, so don't worry if I stop you. I'll tell you when the time is up. Can you start speaking now, please?

Nào. Hãy nhớ bạn có thể nói trong vòng từ một đến hai phút, vì vậy đừng lo lắng nếu tôi dùng bạn. Tôi sẽ báo cho bạn biết khi hết thời gian. Bây giờ bạn có thể bắt đầu nói rồi chứ, xin mời?



The elderly person I like the most is my grandmother.

Người lớn tuổi mà tôi yêu quý nhất là bà của tôi...





Thank you. When did you last see her? Xin cảm ơn. Lần cuối bạn gặp bà là khi nào?



Giám khảo

A few days ago. I visited her since it was her birthday.



Tôi gặp bà vài ngày trước. Tôi đã đến thăm bà vì hôm đó là sinh nhật của bà.

Thí sinh



Thank you. May I have the task card paper and pencil back?

Xin cảm ơn. Bạn có thể trả lại cho tôi tờ Phiếu đề (Task Card), giấy và bút chì được không?



Sure. Đương nhiên rồi ạ.

Thí sinh

Nắm chắc chiến lược trả lời

STEP 1 Tốc ký nội dung sẽ nói sau khi hiểu rõ Phiếu đề (Task Card)

① Nắm bắt chính xác chủ đề và câu hỏi được ghi trong Phiếu đề (Task Card).

Task Card

Chủ đề	Describe an old person you like.	Nắm bắt nội dung mình sẽ phải nói về một người lớn tuổi mà mình quý.
	You should say:	nguoi ion tuoi ma minin quy.
Câu hỏi 1	who he/she is	Nắm bắt nội dung bốn câu hỏi được cho.
Câu hỏi 2	what this person is like	1. Người đó là ai (who)
Câu hỏi 3	how often you see him/her	2. Đó là người thế nào (what - like)
Câu hỏi 4	and explain why you like him/her.	 Bao lâu bạn gặp người đó một lần (how often)
		4. Tại sao bạn quý người đó (why)

STIPS

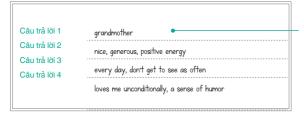
Ban phải chú ý sao cho không được xa rời với chủ đề được hỏi trong Phiếu đề (Task Card). Vì chủ đề yêu cầu là miêu tả 'an old person' nên bạn phải nói về 'một người lớn tuổi'. Theo đó, nếu như nói về một vài người lớn tuổi hoặc một người trẻ tuổi là lạc đề đưa ra nên sẽ bị trừ điểm.

Ghi ngắn gọn câu trả lời cho câu hỏi xuất hiện trong đầu.

Phiếu đề (Task Card)

Chủ đề	Describe an old person you like.
	You should say:
Câu hỏi 1:	who he/she is
Câu hỏi 2:	what this person is like
Câu hỏi 3:	how often you see him/her
Câu hỏi 4:	and explain why you like him/her.

Ghi chú



- 1. Ghi 'grandmother' (bà) để trả lời cho câu hỏi who (là ai).
- 2. Ghi 'nice' (tốt bụng), 'generous' (hào phóng), positive energy (năng lượng tích cực) để trả lời cho câu hỏi 'what ~ like' (là người như thế nào).
- 3. Ghi 'everyday' (hàng ngày), don't get to see as often (không gặp được thường xuyên) để trả lời cho câu hỏi 'how often' (bao lâu gặp một lần).
- 4. Ghi 'loves me unconditionally' (yêu thương tôi vô điều kiện), 'a sense of humor' (vui tính) để trả lời cho câu hỏi 'why' (tại sao quý).

STEP 2 Tham khảo ghi chú và phát biểu.

Tham khảo ghi chú và trả lời đầy đủ câu hỏi trong Phiếu đề (Task Card).

Task Card

Chủ đề: Describe an old person you like.

You should say:

Câu hỏi 1: who he/she is

Câu hỏi 2: what this person is like Câu hỏi 3: how often you see him/her

Câu hỏi 4: and explain why you like him/her

Ghi chú

Câu trả lời 1: grandmother

Câu trả lời 2: nice, generous, positive energy

Câu trả lời 3: everyday don't ge to see as often

Câu trả lời 4: loves me unconditionally, a sense of humor

Part 2 Example

Nói câu trả lời



Câu trả lời 1: There are several old people I like, but my favorite is my grandmother.

Có một vài người lớn tuổi tôi quý, nhưng người tôi quý nhất là bà tôi.

Câu trả lời 2: She is the nicest, most generous person. Also, she has such a great positive energy.

Bà tôi là người tốt bụng, bao dung nhất. Và bà cũng có một nguồn năng lượng tích cực vô cùng lớn.

Câu trả lời 3: We used to see each other every day because she lived next door. However, she moved to a new place recently, so we don't get to see each other as often these days.

Tôi gặp bà hàng ngày vì bà sống ở ngay nhà bên cạnh. Tuy nhiên, gần đây bà tôi đã chuyển đến một chỗ mới, nên dạo này chúng tôi không gặp nhau được thường xuyên như trước.

Câu trả lời 4: I like her for several reasons. First of all, she loves me unconditionally. No matter what I do, she understands me and cares about me. Besides, she has a good sense of humor. She tells me lots of funny stories, which always make me laugh.

Tôi quý bà vì một vài lý do. Trước tiên, bà yêu thương tôi vô điều kiện. Cho dù tôi làm gì, bà cũng hiểu tôi và quan tâm đến tôi. Ngoài ra, bà tôi còn rất vui tính. Bà kể cho tôi rất nhiều câu chuyện hài mà luôn làm tôi cười

Giới thiệu về người lớn

Sử dụng tính từ để miêu tả tính cách người đó như 'nicest', 'generous', 'have a great positive energy'.

tuổi mình quý nhất là

ai: 'Người tôi quý nhất

là bà tôi'.

Sử dụng trạng từ 'every day' và cụm 'don't get to see each other as often' để trả lời cho câu hỏi 'how often'.

Sử dụng những cụm từ như 'love me unconditionally' và 'good sense of humor' để trả lời cho câu hỏi 'why vou like him/her'.



Khi mở đầu câu trả lời

Có thể sử dung chính một phần của chủ đề được viết ở Phiếu đề (Task Card) để dẫn vào trả lời. Ví du, đề bài là Describe an old person you like thì bắt đầu câu trả lời bằng cách nói 'The old person I like is my grandmother'.

Khi trả lời cho câu hỏi Why

Câu hỏi cuối cùng của Phiếu đề (Task Card) thường là câu hỏi Why. Khi trả lời cho câu hỏi Why này, thay vì chỉ trả lời một lý do, bạn nên đề cập đến vài lý do rồi giải thích lần lượt từng để làm cho câu trả lời thêm dài và phong phú.

EXPRESSION - Cấu trúc có thể dùng khi triển khai bài nói

Nắm chắc các cấu trúc đa dạng có thể dùng khi triển khai bài nói để làm phong phú câu trả lời.

Cấu trúc có thể dùng khi bắt đầu phát biểu

Tôi muốn nói về~

I'd like to talk about/tell you about ~

Tôi muốn nói về người bạn tốt nhất của tôi, Minh.

I'd like to talk about my best friend, Minh.

2 Có nhiều/một vài ~, nhưng ~ xuất hiện đầu tiên trong đầu tôi.

There are many/several ~, but ~ comes to mind first

Có nhiều tòa nhà cổ kính ở Việt Nam, nhưng Nhà hát lớn Hà Nội xuất hiện đầu tiên trong đầu tôi. There are many traditional buildings in Vietnam, but Hanoi Opera House comes to mind first.

3 Có nhiều/một vài ~, nhưng thứ đầu tiên xuất hiện trong đầu tôi là ~

There are many/several ~, but the first (thing/one) that comes to mind is ~

Có một vài thứ tôi muốn học, nhưng thứ đầu tiên xuất hiện trong đầu tôi là trượt tuyết.

There are several things I want to learn, but the first thing that comes to mind is snowboarding.

4 Có nhiều/một vài ~, nhưng cái ~ nhất là ~

There are many/several ~, but the most ~ one is ~

Tôi có nhiều thiết bị kỹ thuật số nhưng thứ hữu dụng nhất là chiếc điện thoại thông minh của tôi.

There are many digital gadgets I have, but the most useful one is my smartphone.

QUIZ: Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

7. Tôi n	nuốn nói về giáo viên dạy tiếng Anh ở trường cấp 3 của tôi.
*hig	h school English teacher giáo viên tiếng Anh trường cấp 3
	ı tôi.
*loc	al địa phương, gần nhà
	·

^{*}gadget thiết bị (nhỏ nhẹ, nhiều tiện ích)

2. Cấu trúc có thể dùng khi trả lời câu hỏi Why

5 Có một vài lý do vì sao ~

There are several/a couple of reasons why ~

Có một vài lý do vì sao tôi muốn đến thăm Tây Ban Nha.

There are a couple of reasons why I want to visit Spain.

6 Vì một vài lý do

For several/a couple of reasons

Tôi thích kỳ nghỉ đó vì một vài lý do.

I enjoyed the vacation for several reasons.

7 Trước tiên/đầu tiên

To begin with/First (of all)/Firstly/For one (thing)

Trước tiên, tôi có thể tạm trốn tránh những vấn đề của bản thân khi xem chương trình hài kịch.

To begin with, I can escape from my own problems when watching a comedy show.

* escape trốn tránh, thoát khỏi

8 Thứ hai

Second/Secondly

Thứ hai, thiết bị này có nhiều tính năng.

Second, this device has many functions.

* device thiết bị * function tính năng

9 Cuối cùng

Lastly/Finally

Cuối cùng, cô ấy rất hài hước và tốt bụng.

Lastly, she is very humorous and kind.

V QUIZ: Sử dụng các cấu trúc bên trên và nói các câu sau bằng tiếng Anh.

a variety	or da dạng	*item vật dụng, mặt hàng	* accommodate chứa, có
 O. Cuối cùng	di hô nhai	nh giúp tôi khỏe hơn.	
*healthy kl		in glup tor knoe non.	
ileaitily N	iloe iliailii		

| H | A | C | K | E | R | S |

Tuyết Nguyễn & Thái Ngô dịch

HACKERS IELTS

Reading

Bộ sách luyện thi IELTS đầu tiên có kèm giải thích đáp án chi tiết và hướng dẫn cách tự nâng band điểm













HACKERS IELTS READING

Copyright © 2017 Hackers Language Research Institute Co., Ltd. published in Vietnam, 2019

This edition is published in Vietnam under a license agreement between Hackers Language Research Institute Co., Ltd. and Alpha Books through Eric Yang Agency.

All rights reserved. NO part of this Publication or related audio files may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the copyright owner, Hackers Language Research Institute Co., Ltd.

HACKERS IELTS READING

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của

Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

HACKERS IELTS READING

Hướng dẫn tự luyện thi IELTS theo xu hướng ra đề mới nhất

Bài thi IELTS là ngưỡng cửa các bạn thí sinh phải vượt qua để thực hiện ước mơ vươn ra thế giới rộng lớn. Hiện nay, các thí sinh đang phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức để chuẩn bị cho kỳ thi IELTS. Nhằm mục đích cung cấp cho các bạn phương pháp học đúng đắn nhất, Viện nghiên cứu ngôn ngữ HACKERS đã biên soạn bộ sách HACKERS IELTS gồm 4 cuốn tương đương với 4 kỹ năng. Cuốn sách HACKERS IELTS READING mà các bạn đạng cầm trong tay sẽ giúp bạn:

Luyện từng dạng bài một cách có hệ thống!

Cuốn sách được thiết kế nhằm giúp người học nâng cao kĩ năng đọc hiểu thông qua quá trình luyện tập từng dạng bài một cách có hệ thống. Ngoài ra, đối với từng dạng bài, bạn còn được cung cấp những chiến lược làm bài cụ thể.

Luyện tập theo xu hướng ra đề mới nhất!

Các bài đọc trong Hackers IELTS Reading được biên soạn dựa trên xu hướng ra đề mới nhất, nhờ vậy mà bạn có thể chuẩn bị tốt nhất cho bài thi thật. Các bài Actual Test cũng được biên soạn chính xác theo hình thức đề thi thật mới nhất. Vì vậy, bạn đã có trong tay đẩy đủ tài liêu để có thể chuẩn bi kỹ lưỡng cho bài thi IELTS.

Tài liệu đặc biệt giúp bạn đạt điểm cao!

Đặc biệt, Hackers IELTS Reading còn có phần tổng kết từ vựng "khủng" sau từng chương và thêm phần phụ lục về sự khác biệt giữa tiếng Anh Mỹ và tiếng Anh Anh.

Chúng tôi hi vọng rằng Hackers IELTS Reading sẽ trở thành cuốn cẩm nang hữu ích giúp bạn đạt được điểm số mong muốn trong bài thi IELTS và là người bạn đồng hành đáng tin cậy của bạn trên con đường chinh phục ước mơ.

CONTENTS

TOPIC LIST	6
Hackers IELTS Reading giúp bạn đạt điểm cao!	8
Giới thiệu về bài thi IELTS	12
IELTS Reading và chiến lược luyện thi	16
Skimming & Scanning	18
Kế hoạch học tập	20
Diagnostic Test	24
Chapter 01 Multiple Choice	38
Chapter 02 T/F/NG (True / False / Not Given)	62
Chapter 03 Y/N/NG (Yes/No/Not Given)	86
Chapter 04 Note/Table/Flow-chart/Diagram Completion	110
Chapter 05 Sentence Completion	136
Chapter 06 Summary Completion	160
Chapter 07 Matching Features	184
Chapter 08 Matching Information	208
Chapter 09 Matching Headings	232
Chapter 10 Short Answer	256
Actual Test	282
Phụ lục Sự khác biệt giữa Anh Mỹ và Anh Anh	296
Đáp án - Dịch nghĩa - Chú giải	304

TOPIC LIST

Dưới đây là danh sách những chủ để sẽ xuất hiện trong sách. Các bài đọc đều được phân loại theo từng chủ để.

Tất cả các bài đọc này đều được biên soạn dựa trên quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng xu hướng xuất hiện các chủ đề trong bài thi IELTS Reading thật. Ôn tập tuần tự từ đầu đến cuối sẽ giúp bạn hiểu rõ về các chủ đề thường xuất hiện và bổ sung thêm kiến thức về các chủ đề chưa nắm rõ. Đặc biệt đối với những chủ đề không quen thuộc, bạn nên luyện tập thêm một lượt và học thuộc từ vựng liên quan để củng cố vốn kiến thức của bản thân.

Natural Science	Astronomy	Ch 6 HP 10	Ch 10 HP 3
	Biology	Ch 1 HP 5	Ch 2 HP 6
		Ch 3 HP 5	Ch 4 HP 2, 4, 6
		Ch 5 HP 4	Ch 6 HP 4, 6
		Ch 7 HP 1, 3, 7, HT	Ch 8 HP 1, 7, 10
		Ch 9 HP 2, 6	Ch 10 HP 2, 6, HT
		AT [2]	
	Chemistry	Ch 8 HP 2	
	Earth Science	DT [3]	Ch 1 HP 1
		Ch 4 HP 8	Ch 8 HP 3
		Ch 10 HP 8	
	Environment	Ch 2 HP 2	Ch 3 HP 3
		Ch 4 HP 7	Ch 5 HP 7
		Ch 6 HP 8	Ch 7 HP 10
		Ch 9 HT	
	Health	Ch 5 HP 8	Ch 8 HP 9
	Technology	Ch 1 HP 6	Ch 2 HP 3
		Ch 3 HP 9	Ch 4 HP 3, 10
		Ch 5 HT	Ch 9 HP 1, 10
		Ch 10 HP 4, 7	

Social Science	Business	Ch 4 HT	Ch 5 HP 3
		Ch 7 HP 4	Ch 9 HP 4
	Economics	DT [1]	Ch 2 HP 10
		Ch 6 HP 1	Ch 7 HP 2
		Ch 8 HP 4	
	Transportation	Ch 9 HP 3	
Humanities	Anthropology	Ch 1 HP 2, 8	Ch 2 HP 1, HT
		Ch 3 HP 4, 8	Ch 8 HP 6
		Ch 9 HP 8	Ch 10 HP 5
	Architecture	Ch 4 HP 1	Ch 6 HP 9
	Art	Ch 3 HP 6	
	Biography	Ch 2 HP 7	
	Education	DT [2]	Ch 5 HP 6
		Ch 8 HP 5	Ch 10 HP 10
	History	Ch 1 HP 4, 9	Ch 2 HP 4, 9
		Ch 3 HP 2	Ch 4 HP 5
		Ch 6 HP 2, 5, 7	Ch 7 HP 5
		Ch 8 HT	Ch 9 HP 9
		Ch 10 HP 1	AT [1]
	Language	Ch 3 HT	Ch 8 HP 8
	Linguistics	Ch 3 HP 1	Ch 5 HP 10
		Ch 6 HT	Ch 9 HP 5
	Literature	Ch 5 HP 5	Ch 7 HP 5
	Psychology	Ch 1 HP 3, 7, 10, HT	Ch 2 HP 5, 8
		Ch 3 HP 7, 10	Ch 4 HP 9
		Ch 5 HP 2, 9	Ch 6 HP 3
		Ch 7 HP 6, 8	Ch 9 HP 7
		Ch 10 HP 9	AT [3]
	Theatre	Ch 5 HP 1	
* DT : Diagnostic Test	HP: Hackers Practice	HT: Hackers Test AT:	Actual Test

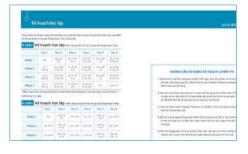
HACKERS IELTS Reading giúp bạn đạt điểm cao!

1 Xử lý bài thi IELTS Reading có chiến thuật!



Xu hướng ra đề mới nhất và TOPIC LIST

Sách được biên soạn dựa trên quá trình phân tích toàn diện xu hướng ra để mới nhất cũng như các bài đọc và câu hỏi đã xuất hiện trong bài IELTS Reading. Ngoài ra, sách còn cung cấp mục lục bài đọc được phân loại theo chủ đề giúp người học có thể chọn riêng các chủ đề chưa nắm rõ để luyện thêm.



Diagnostic Test (Bài Kiểm tra Tự đánh giá) và kế hoạch 4 tuần/6 tuần

Người học có thể tự đánh giá năng lực bản thân qua bài Diagnostic Test có hình thức và độ khó tương đương với đề thi thật. Sách cũng gợi ý kế hoạch 4 tuần/6 tuần giúp người học có thể lựa chọn một kế hoạch luyện thi hiệu quả và phù hợp với trình độ của mình.

Luyện tập từng bước để nâng cao trình độ!

Sách được thiết kế giúp người học dễ dàng luyện tập các dạng bài theo từng bước làm nhằm nắm chắc các dạng câu hỏi và có chiến lược làm bài hợp lý.



Dạng bài & chiến thuật làm bài

Giới thiệu các dạng câu hỏi và hình thức xuất hiện của từng dạng trong bài thi thật. Đối với mỗi dạng, sách giới thiệu chiến thuật làm bài hiệu quả nhất và ví dụ thực tế để người học dễ áp dụng trong bài thi thật.



Vocabulary List

Mở rộng vốn từ vựng hiệu quả với danh sách từ vựng quan trọng có trong tất cả các bài đọc của từng chương và có kèm theo giải thích nghĩa của từ.



Hackers Practice & Hackers Test

Bằng cách áp dụng hiểu biết về các dạng câu hỏi và chiến thuật làm bài vào các bài luyện tập có hình thức giống bài thi thật nhưng độ dài khác nhau, người học có thể vừa tập trung luyện tập vừa nâng cao khả năng thích ứng với đề thi thật.

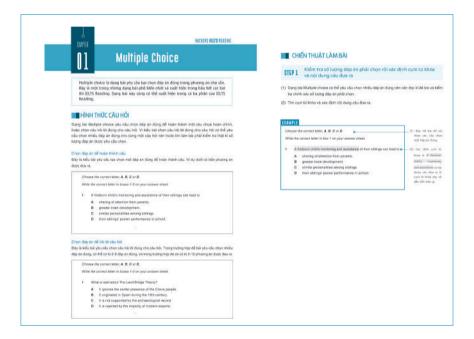


Actual Test

Các bài thi được biên soạn theo hình thức và độ khó của bài thi thật giúp người học tự đánh giá năng lực bản thân trước khi thi và qua đó luyện IELTS Reading hiệu quả nhất.

→ HACKERS IELTS Reading giúp bạn đạt điểm cao!

Các bài dịch chi tiết, chú giải đáp án, và gợi ý chọn đáp án giúp nâng cao năng lực!



Bài dịch và từ vựng

Sách có phần dịch chi tiết từng bài đọc và danh sách từ vựng quan trọng giúp người học nắm được mạch bài đọc và mở rộng vốn từ vựng.

Chú giải đáp án và gợi ý chọn đáp án

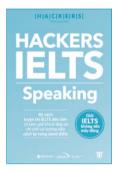
Gợi ý chọn đáp án được giải thích chi tiết trong sách không chỉ giúp người học hiểu rõ câu hỏi mà còn nắm rõ phương pháp và chiến thuật xử lý từng dạng bài.

Các cuốn sách còn lại trong bộ HACKERS IELTS



HACKERS IELTS LISTENING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng câu hỏi và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Nghe. Các bài nghe sát với đề thi thật và có lộ trình học phù hợp với nhiều trình độ. Nội dung bài nghe được dịch ra tiếng Việt giả thích đáp án kỹ lưỡng.



HACKERS IELTS SPEAKING

Cuốn sách cập nhật 20 chủ đề hay được hỏi nhất trong bài thi Nói với dàn bài chi tiết và câu trả lời mẫu để giúp bạn thật tự tin khi bước vào phòng thi Nói.



HACKERS IELTS WRITING

Cuốn sách phân tích đầy đủ từng dạng đề và chiến lược làm bài tương ứng trong bài thi Viết. Các mẫu câu và cách dùng từ "đắt" được liệt kê theo chủ đề. Sách còn hướng dẫn bạn cách lập dàn ý và triển khai thành bài viết đầy đủ.

Giới thiệu IELTS

■ IELTS là gì?

Hệ thống kiểm tra Anh ngữ quốc tế (IELTS) là bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ đối với những người muốn làm việc hoặc học tập bằng tiếng Anh. Các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và Nói sẽ diễn ra trong tổng cộng 2 giờ 55 phút. Điểm IELTS được đánh giá theo thang điểm từ 1.0 đến 9.0. Điểm tổng là điểm trung bình của bốn phần thi.

Có hai loại bài thi: Academic Module (IELTS Học thuật) là bài thi dành cho học sinh chuẩn bị du học ở các trường đại học hoặc các cơ sở giáo dục cao hơn. General Training Module (IELTS Tổng quát) dành cho người muốn di cư, tìm việc, hoặc làm việc tại các nước Anh, Canada, Úc. Trong hai loại bài IELTS này, phần Nghe và Nói là giống nhau nhưng Đọc và Viết có khác nhau.

Cấu trúc bài thi IELTS Học thuật

Phần thi	Số lượng bài và câu hỏi	Thời gian kiểm tra	Đặc điểm	
Listening	Bốn bài nghe Tổng cộng có 40 câu hỏi (Mỗi bài nghe 10 câu hỏi)	30 phút (Thời gian trả lời là 10 phút)	 - Bài nghe bao gồm cả giọng Anh, Úc, Mỹ - Thí sinh có thêm 10 phút riêng để điền đáp án vào phiếu trả lời - Bài nghe gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào ô trống, hoàn thành biểu bảng 	
Reading	3 bài đọc Tổng cộng 40 câu hỏi (Mỗi bài đọc 13- 14 câu hỏi)	60 phút	 - Bài đọc dài và nội dung về nhiều chủ để khác nhau - Bài đọc gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào chỗ trống, hoàn thành biểu bảng 	
Writing	Task 1: 1 câu hỏi Task 2: 1 câu hỏi	60 phút	- Không có sự phân chia thời gian rõ ràng giữa 2 câu hỏi - Điểm task 2 nhiều hơn task 1	
		Thời gian chờ	đợi	
Speaking	Bao gồm 3 phần Phần 1: 10-15 câu hỏi Phần 2: 1 câu hỏi Phần 3: 4-6 âu hỏi	11-14 phút	- Phỏng vấn trực tiếp 1:1 với giám khảo - Tất cả nội dung bài thi nói được ghi âm lại	
Tổng cộng: 2 giờ 55 phút				

Các nội dung liên quan đến kỳ thi IELTS

Thời gian	• Được tiến hành khoảng 48 lần một năm, 2 ~ 4 lần một tháng
Địa điểm	 Kỳ thi sẽ được tổ chức tại địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP.
Cách đăng ký	 Thí sinh có thể đăng ký thi trước tối thiểu 5-7 ngày (lịch tiếp nhận đăng ký có thể kết thúc sớm hơn dự kiến) Đăng ký qua Internet: British Council hoặc IDP Tiếp nhận trực tiếp: Địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP
Lệ phí	 Lệ phí thi: ~ 5.000.000 vnd Phí cấp bảng điểm: 5 bảng điểm được gửi miễn phí đến các trường thí sinh yêu cầu trong 4 tuần kể từ ngày thi Nếu muốn gửi nhiều hơn 5 bảng điểm hoặc sau 4 tuần kể từ ngày thi, thí sinh phải trả lệ phí
Hình thức thanh toán	Thể tín dụng, tiền mặt
Hủy đăng ký thi	Bạn có thể được hoàn lại 75% lệ phí 15 ngày trước ngày thi
Những chú ý khi đi thi	 Chỉ CMT, CCCD và hộ chiếu được chấp nhận trong ngày thi
Điểm thi và phúc tra	 Bạn có thể kiểm tra điểm số trực tuyến sau 13 ngày kể từ ngày thi Bạn có thể lựa chọn nhận giấy chúng nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện Phúc tra: Thí sinh có thể yêu cầu phúc tra trong vòng 6 tuần kể từ ngày thi Thí sinh nộp bản gốc kết quả thi và đơn đăng ký theo đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến Thí sinh có thể đăng ký phúc tra phần thi mình muốn trong 4 phần thi kỹ năng

Tips

- · Thí sinh phải mang theo hộ chiếu/CMT/CCCD đã dùng đăng ký thi để giám thị kiểm tra trước khi vào thi.
- · Tất cả vật dụng cá nhân đều phải gửi ở nơi giữ đồ trước khi vào phòng thi.
- · Thí sinh được chụp ảnh và kiểm tra dấu vân tay trước khi vào thi.
- · Giữa 3 phần thi Nghe, Đọc, Viết không có thời gian nghỉ riêng. Trong trường hợp cần đi vệ sinh khi đang làm bài, thí sinh ra khỏi phòng thi phải được sự giám sát của giám thị.
- · Lịch thi nói sẽ được thông báo riêng tới từng thí sinh.

Giới thiệu IELTS

■ IELTS Band Score

Bài thi IELTS đánh giá năng lực Anh ngữ của thí sinh qua các band điểm. Dưới đây là miêu tả từng band điểm.

Band Score	Trình độ	Miêu tả
9	Expert user	Có năng lực tiếng toàn diện và thể hiện được khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chính xác, thành thạo, nắm bắt được mọi khía cạnh của ngôn ngữ.
8	Very good user	Có năng lực tiếng toàn diện dù còn mắc một số ít lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác và chưa phù hợp. Có thể hiểu nhằm trong một vài tình huống không quen thuộc. Có khả năng xử lý tốt các tranh luận phức tạp, chi tiết.
7	Good user	Có năng lực tiếng tốt dù còn một số lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác, chưa phù hợp, và hiểu nhắm trong một số tình huống. Nhìn chung có khả năng xử lý tốt ngôn ngữ phức tạp và hiểu được các lập luận chi tiết.
6	Competent user	Nhìn chung có khả năng sử dụng ngôn ngữ hiệu quả dù còn một số lỗi thiếu chính xác, không phù hợp, hoặc hiểu nhắm ý. Có thể sử dụng và hiểu các cấu trúc tương đối phức tạp, đặc biệt là trong những tình huống quen thuộc.
5	Modest user	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tương đối và nắm được ý nghĩa cơ bản của ngôn ngữ trong hầu hết các tỉnh huống dù còn mắc nhiều lỗi. Có khả năng giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực quen thuộc.
4	Limited user	Khả năng giao tiếp giới hạn trong các hình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp vấn đề trong việc hiểu và diễn đạt. Không có khả năng sử dụng các cấu trúc phức tạp.
3	Extremely limited user	Chỉ truyền tải và hiểu được nội dung cơ bản nhất trong các tình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp khó khăn trong giao tiếp.
2	Intermittent user	Gặp rất nhiều khó khăn trong việc nói và viết tiếng Anh
1	Non-user	Không có khả năng sử dụng tiếng Anh, ngoại trừ một vài từ vựng riêng lẻ.
0	Did not attempt the test	Thí sinh không dự thi

Cách tính điểm IELTS

Mỗi kĩ năng đều được tính điểm riêng và điểm tổng, IELTS Overall, là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần. Các cơ quan, tổ chức sử dung điểm IELTS để đánh giá năng lực tiếng Anh của ứng viên đều có những yêu cầu khác nhau về số điểm thành phần và điểm Overall cần đạt. Thí sinh cần dựa vào những quy định riêng này để lên kế hoạch chuẩn bị thật phù hợp cho kỳ thi. Đạt điểm cao trong một phần thị thế mạnh có thể hỗ trợ cho phần yếu thế hợn, nhưng nếu sự khác biệt giữa các điểm thành phần quá lớn sẽ ảnh hưởng đến điểm Overall. Vì vậy, rất khó để đạt điểm cao nếu thí sinh chỉ tập trung vào một kỹ năng nhất định nào đó.

Dưới đây là ví dụ tính band điểm. Band điểm Overall là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần và sẽ được làm tròn theo quy tắc làm tròn số thập phân.

	Listening	Reading	Writing	Speaking	Điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần	Overall Band Score
Thí sinh A	5.5	5.5	4.0	6.0	5.25	5.5
Thí sinh B	5.0	4.5	5.0	5.0	4.875	5.0
Thí sinh C	7.5	7.5	6.5	7.0	7.125	7.0

Giới thiệu IELTS Reading và chiến lược luyện thi

Trong bài thi IELTS Reading, kĩ năng đọc được đánh giá qua nhiều dạng câu hỏi đa dạng như tìm chủ để cho một đoạn, tìm các chi tiết trong bài đọc, hoặc đọc hiểu các lập luận logic.

Bài thi IELTS Học Thuật (Academic Module) bao gồm các bài đọc thuộc nhiều thể loại khác nhau được trích từ sách, tạp chí, tập san, và báo. Mặc dù các bài đọc đều mang tính chất khoa học và học thuật nhưng không yêu cầu thí sinh phải có kiến thức chuyên môn để trả lời câu hỏi vì tất cả các câu trả lời và thông tin cần thiết đều có thể tìm thấy trong bài đọc. Tuy nhiên, do bài đọc dài và thí sinh phải trả lời nhiều câu hỏi trong một khoảng thời gian ngắn nên phần thi đọc đòi hỏi kỹ năng vừa đọc nhanh vừa hiểu ý và sắp xếp, xử lý thông tin thật chính xác.

Cấu trúc bài IELTS Reading

	Số lượng câu hỏi	Điểm từng câu	Thời gian làm bài	
Bài đọc 1	Tổng 40 câu hỏi			
Bài đọc 2	(Mỗi bài đọc 13~14 câu hỏi)	1 điểm/1 câu	60 phút	
Bài đọc 3				

Chú ý đặc biệt với bài thi IELTS Reading

- Trong một bài thi Đọc, ít nhất một trong ba bài đọc là bài nghị luận thể hiện quan điểm riêng của tác giả.
- Các bài đọc được trích từ nhiều nguồn khác nhau như sách, tập san, tạp chí, và báo.
- Trong trường hợp bài đọc có các thuật ngữ chuyên môn, sẽ có các chú giải đi kèm.
- Không có thời gian thêm để điền đáp án vào phiếu trả lời.
- Với câu hỏi yêu cầu trả lời bằng một câu ngắn (short-answer question), câu trả lời có lỗi chính tả hoặc ngữ pháp sẽ bị coi là câu trả lời sai.

Giới thiệu các dạng bài trong bài thi IELTS Reading

Loại câu hỏi	Giải thích
Multiple Choice	Dạng bài yêu cầu chọn đáp án đúng từ nhiều phương án cho sẵn
True/False/Not Given	Dạng bài yêu cầu nhận định các câu đưa ra có đồng nhất với thông tin trong bài đọc không
Yes/No/Not Given	Dạng bài yêu cầu nhận định các câu đưa ra có thống nhất với quan điểm của tác giả trong bài đọc không
Note/Table/Flow-chart/ Diagram Completion	Dạng bài yêu cầu điền vào chỗ trống để hoàn thành ghi chú/bảng biểu/sơ đồ/biểu đồ
Sentence Completion	Dạng bài yêu cầu hoàn thành câu bằng cách tìm từ phù hợp trong bài đọc để điền vào chỗ trống, hoặc nối vế trước của câu với vế sau trong một danh sách cho sẵn
Summary Completion	Dạng bài yêu cầu tìm từ phù hợp trong bài đọc hoặc chọn đáp án đúng trong danh sách để điền vào chỗ trống và hoàn thành đoạn tóm tắt bài đọc
Matching Features	Dạng bài yêu cầu tìm thông tin liên quan đến câu cho sẵn trong một danh sách thông tin
Matching Information	Dạng bài yêu cầu xác định thông tin trong câu cho sẵn đã xuất hiện trong đoạn nào của bài đọc
Matching Headings	Dạng bài yêu cầu chọn để mục cho từng đoạn của bài đọc từ danh sách để mục cho sẵn
Short Answer	Dạng bài yêu cầu tìm đáp án trong bài đọc để trả lời câu hỏi

Chiến lược luyện thi IELTS Reading

1. Làm quen với các bài đọc dài thuộc nhiều chủ đề và có văn phong khác nhau

Các bài đọc trong IELTS Reading được trích từ nhiều nguồn và rất đáng tin cây. Vì vây, hàng ngày, người học nên cố gắng đọc và làm quen với các bài đọc dài với nhiều chủ đề và văn phong khác nhau. Điều này sẽ giúp người học cải thiện tốc độ đọc, không bị bỡ ngỡ khi luyện tập cũng như khi làm bài thi thực tế.

2. Mở rông vốn từ vưng

Có vốn từ vựng phong phú sẽ giúp việc đọc dễ dàng hơn, vì vậy người học cần cố gắng ghi nhớ từ vựng trong và ngoài sách. Ngoài việc học thuộc từ vựng, dùng ngữ cảnh để đoán nghĩa của từ mới khi đọc cũng là một cách rất tốt để phát triển vốn từ.

3. Luyện tập tăng tốc độ tìm kiếm thông tin cần thiết

Vì thời gian làm bài thi rất ngắn nên bạn cần rèn luyện kỹ năng skimming để nhanh chóng nắm bắt chủ đề khi được yêu cầu tìm nội dung chính của bài đọc, và kỹ năng scanning để tìm thông tin chi tiết trong bài.

4. Luyện tập diễn đạt lại bằng một cách khác (paraphrasing)

Rất nhiều câu hỏi trong bài yêu cầu diễn đạt lại nội dung bài đọc nên cần tập diễn đạt lại bài đọc bắt đầu từ một từ, một câu, một đoạn, và cuối cùng diễn giải lại toàn bài. Việc diễn giải lại không chỉ dừng ở việc thay thế từ vựng đơn giản mà còn phải thay đổi hoàn toàn cấu trúc câu.

SKIMMING & SCANNING

Trong IELTS Reading có khoảng mười dạng bài khác nhau. Có nhiều kỹ thuật đọc giúp rút ngắn thời gian làm bài và đặc biệt trong số đó là kỹ thuật Skimming và Scanning.

SKIMMING

Skimming là kỹ thuật đọc nhanh giúp người đọc nắm bắt ý chính của bài đọc. Vì Skimming giúp người đọc nắm được hướng phát triển của bài nên kỹ thuật này rất hữu ích đối với dạng bài yêu cầu tìm chủ đề, mục đích, và đề mục của một đoạn. Ngoài ra, khi cần đọc bài dài trong một khoảng thời gian giới hạn, Skimming sẽ đặc biệt hữu dụng vì phương pháp này giúp người đọc nắm bắt nội dung chính nhanh hơn.

Khi ứng dung kỹ thuật Skimming vào IELTS Reading hoặc những bài đọc dài cần chú ý các điều sau

- Tiêu đề bài đọc và đề mục từng đoạn là những câu tóm tắt ngắn gọn nội dung nên trước khi Skimming nên đọc các tiêu đề và đề mục này trước để hiểu nội dung dễ hơn.
- 1 ~ 2 khổ đầu trong một bài đọc thường là các đoạn giới thiệu nội dung chính toàn bài nên nếu đọc 1 ~ 2 khổ này sẽ hữu ích cho việc hiểu nội dung chính của các đoạn sau.
- Vì câu đầu tiên trong một đoạn thường là câu chủ đề nên đọc câu đầu tiên của từng đoạn có thể giúp ích cho việc hiểu nội dung chính của cả đoạn.
- Thay vì hiểu và dịch chính xác nghĩa của từng từ, nếu tập trung vào đọc hiểu mạch chính của bài đọc sẽ giúp rút ngắn thời gian hơn.

SCANNING

Scanning là kỹ thuật đọc nhanh giúp người đọc tìm kiếm các chi tiết trong bài đọc. Kỹ thuật Scanning hữu ích hơn đối với dạng bài yêu cầu tìm kiếm thông tin và chi tiết đặc biệt trong bài so với dạng bài tìm chủ để và mục đích bài đọc. Khi áp dụng kỹ thuật Scanning bạn có thể bỏ qua cả phần nội dung chính của bài nếu phần đó không liên quan đến thông tin đang tìm kiếm.

Khi ứng dụng kỹ thuật Scanning vào bài IELTS Reading hoặc những bài đọc dài cần chú ý:

- · Nắm rõ loại thông tin cần tìm kiếm trong bài.
- Dự đoán các thông tin cần tìm kiếm sẽ xuất hiện dưới dạng nào trong bài đọc. Ví dụ, một cá nhân có thể xuất hiện dưới họ và tên của cá nhân đó hoặc dưới dạng một đại từ nhân xưng (He, She).
- Nếu ứng dụng kĩ thuật Skimming để nắm bắt mạch phát triển của bài đọc trước sẽ giúp khoanh vùng thông tin cần tìm kiếm và qua đó rút ngắn thời gian đọc.

BÀI MẪU ỨNG DUNG SKIMMING & SCANNING

The Most Significant Theories of Social Change

Various theories which attempt to explain how societies develop.

Sociologists have argued over how social change occurs for centuries, with many suggesting that change is always economic in nature, whilst others claim that culture is more significant. The contemporary debate focuses on how societies become more or less wealthy, and how this influences change.

Economic theories of social change were particularly prevalent in the early years of the 20th century, and they tended to focus on the way in which different economic classes come into conflict. Theorists focused on how clashes between workers and managers over working conditions or pay could lead to more widespread changes in society.

However, perhaps the most influential idea of social change was put forward by the 19th century German philosopher Georg Wilhelm Friedrich Hegel. He suggested that two opposing forces will eventually come together in a new synthesis, which combines elements of both sides ... (Trích đoan)

Ví du ứng dung Skimming

Choose the correct letter, A, B, C or D.

- The main topic discussed in the text is
 - A how social change has been depicted by writers.
 - B the impact of social change in particular societies.
 - C the way in which theories of social change differ.
 - D why academics reject the idea of social change.

Vì đây là dạng bài yêu cầu tìm chủ đề chính của bài đọc nên bạn có thể áp dụng kỹ thuật Skimming. Tiêu đề chính và đề mục phụ của bài cho thấy bài đọc nói về 'các lý thuyết lý giải cho sự thay đổi của xã hội'. Sau khổ đầu tiên đề cập đến hai nguyên nhân chính khiến xã hội thay đổi, câu đầu tiên của khổ thứ hai và thứ ba lần lượt giới thiệu hai nguyên nhân khác nhau này nên chủ đề của bài đọc chính là 'sự khác biệt giữa các lý thuyết về sự thay đổi xã hội'. Do đó, đáp án C 'the way in which theories of social changes differ' là đáp án đúng.

Ví dụ ứng dụng Scanning

Choose NO MORE THAN TWO WORDS from the passage for the answer.

2 When did the German philosopher Hegel write his theories of social change? 19th century

Câu hỏi hỏi nhà triết học Đức Hegel đã đưa ra lý thuyết về sự thay đổi xã hội khi nào nên ta có thể áp dụng kỹ thuật Scanning để tìm kiếm thông tin chi tiết liên quan đến Hegel. Trong đoạn văn có chứa 'German philosopher Hegel' ở khổ thứ ba có đoạn 'the most influential idea of social change was put forward by the 19th century German philosopher Georg Wilhelm Friedrich Hegel' nghĩa là 'một tư tưởng có sức ảnh hưởng nhất về sư thay đổi xã hội đã được nhà triết học thế kỉ thứ 19 người Đức Hegel nêu ra' nên 19th century là câu trả lời.

Kế hoạch học tập

Tham khảo kế hoạch luyện thi dưới đây và tự lập kế hoạch luyện thi cho bản thân dựa vào điểm số đã đat được trong bài Diagnostic Test (trang 24)

4 tuần Kế hoạch học tập (Nếu đúng trên 27 câu trong bài Diagnostic Test)

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6	
Week 1	DT	Xem lại DT			Ch1 HP	Ch 2 HP 9-10, HT	
Week 2	Ch 3 HP1-8	Ch 3 HP 9-10, HT	Ch 4 HP 1-8	Ch 4 HP 9-10, HT	Ch 5 HP 1-8	Ch 5 HP 9-10, HT	
Week 3	Ch 6 HP1-8	Ch 6 HP 9-10, HT	Ch 7 HP 1-8	Ch 7 HP 9-10, HT	Ch 8 HP 1-8	Ch 8 HP 9-10, HT	
Week 4	Ch 9 HP1-8	Ch 9 HP 9-10, HT	Ch 10 HP 1-8	Ch 10 HP 9-10, HT	АТ	Làm AT	

^{*} Nếu muốn theo *kế hoạch 8 tuần* thì hoàn thành khối lượng bài học một ngày của *kế hoạch 4 tuần* trong hai ngày.

6 tuần Kế hoạch học tập (Nếu đúng dưới 26 câu trong bài Diagnostic Test)

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	DT	Xem lại DT	Ch 1 HP	Ch 1 HT	Xem lại Ch 1	Ch 2 HP
Week 2	Ch 2 HT	Xem lại Ch 2	Ch 3 HP	Ch 3 HT	Xem lại Ch 3	Ch 4 HP
Week 3	Ch 4 HT	Xem lại Ch 4	Ch 5 HP	Ch 5 HT	Xem lại Ch 5	Xem lại Ch 1-5
Week 4	Ch 6 HP	Ch 6 HT	Xem lại Ch 6	Ch 7 HP	Ch 7 HT	Xem lại Ch 7
Week 5	Ch 8 HP	Ch 8 HT	Xem lại Ch 8	Ch 9 HP	Ch 9 HT	Xem lại Ch 9
Week 6	Ch 10 HP	Ch 10 HT	Xem lại Ch 10	Ch 6-10	АТ	Làm AT

^{*} DT: Diagnostic Test

HP: Hackers Practice

HT: Hackers Test

AT: Actual Test

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KẾ HOẠCH LUYỆN THI

- 1. Hoàn thành một khối lượng bài cố định mỗi ngày. Sau khi nghiên cứu tỉ mỉ chiến thuật làm bài, hãy ứng dung các chiến thuật đó vào Hackers Practice và Hackers Test để thành thao các kỹ năng.
- 2. Sau khi hoàn thành bài luyện thi với tâm thế của người đi thi thật, tham khảo bài dịch và đọc lại bài đọc thật kỹ rồi tham khảo đến phần chú thích và các gợi ý chọn đáp án để phân tích tất cả các câu trả lời cũng như các lỗi sai.
- 3. Sau khi hoàn thành Hackers Practice và Hackers Test của từng chương, hãy học toàn bô Vocabulary List.
- 4. Đối với những ngày không hoàn thành khối lượng bài học đề ra, bạn phải tiếp tục duy trì tiến độ luyện thi và đảm bảo hoàn thành bài học của ngày hôm đó trong vòng môt tuần.
- 5. Khi làm Diagnostic Test và Actual Test, bạn nên tạo cho mình không khí làm bài nghiêm túc và yên tĩnh để không bị ngắt quãng trong quá trình làm bài.

HACKERS IELTS READING

HACKERS IELTS READING

DIAGNOSTIC TEST

READING PASSAGE 1

You should spend about 20 minutes on **Questions 1-13**, which are based on Reading

Passage 1 on the following pages.

Questions 1-6

Reading Passage 1 has seven paragraphs, A-G.

Choose the correct heading for paragraphs **B-G** from the list of headings below.

Write the correct number, i-ix, in boxes 1-6 on your answer sheet.

List of Headings

- i. Implications of foreign investors avoiding regulations
- ii. Government investment leads to jobs for locals
- iii. The impact of tourism on real estate prices
- iv. Competition presents challenges for local businesses
- v. The problem of unequal income
- vi. Non-economic consequences for communities
- vii. Tourism as a fast way to grow the economy
- viii. Widespread degradation of the environment
- ix. Impact of neglecting the development of other industries

Example Answer
Paragraph A vii

- 1 Paragraph B
- 2 Paragraph C
- 3 Paragraph D
- 4 Paragraph E
- 5 Paragraph F
- 6 Paragraph G

Tourism Development: A Blessing or a Curse?

- In developing countries, collectively referred to as the Global South, tourism is seen as a fast and effective means of economic development. This is especially true for countries that lack exportable natural resources, but possess plenty of natural attractions, such as beaches, mountains, lush forests, and jungles. As a means of maximising the economic benefits for their citizens, such countries are encouraged to capitalise on these attractions by promoting tourism and developing a suitable tourist infrastructure. Many countries are taking up this opportunity and there has been a noticeable tendency for developing nations to invest heavily in expanding their tourism industries.
- In reality, however, tourism can cause extensive damage to the natural world. It can therefore bring more harm than good to the communities it is supposed to serve. Ecotourism, for example, is designed to take advantage of a locale's natural beauty to attract 'green' travellers, but ironically the environment is often sacrificed to accommodate them. Every year, hordes of tourists flock to St. Lucia to take in its gorgeous scenery, scuba dive among the coral reefs in its clear waters, and explore the rainforests of the island's interior. While well-managed scuba diving trips and excursions into the rainforest may not directly disturb the native wildlife and flora, the resorts built to accommodate ecotourists have caused significant increases in beach erosion, and the demand for boating transport has resulted in the loss of mangrove swamps and increased pollution of the marine environment (Nagle, 1999).
- Another problem is the income disparity that almost always occurs as a result of tourism in underdeveloped nations. It starts with governments investing heavily in infrastructure such as roads, airports, public transportation and the like. The money to fund these projects comes out of taxpayers' wallets, with the idea that the investment will create jobs and opportunities for the local population, but that is rarely the case. Contracts to build hotels, resorts, parks, and restaurants are often given to wealthy businesspeople who exploit local laborers in order to increase profit margins. Then, when the establishments open, the same pattern occurs with hired staff who work for wages barely above the minimum wage. Thus, the rich get richer while the increasing wealth gap forces the lower socioeconomic classes into deeper poverty.
- Moreover, overseas investors make it impossible for small, local businesses to compete. International chains are the first in line to bid for spaces on beachfront property in almost every country of the world. They pay premium prices to secure their stronghold in developing tourist sectors. This has happened in Costa Rica, where foreign individuals or companies own 65 per cent of hotels in the country. Therefore, although tourism constitutes around 12.5 per cent of Costa Rica's GDP, local businesses have not benefited from this thriving industry.

- E These trends affect the private real estate market as well. Once a place becomes popular with foreigners, there's a rush to purchase vacation homes, dramatically increasing property values and displacing the native inhabitants. This is evident to anyone who has travelled along the coast of Spain or to any of the Greek islands. A San Francisco State University study on Belize revealed that as a result of tourism development, local prices have increased overall by around 8 per cent in the past decade alone. Some countries, such as Thailand, have made foreign direct ownership of property illegal, which has alleviated some of these effects. However, even with such rigid regulations, people still find a way to evade the laws by coordinating with Thai citizens or businesses to purchase property. In the end, an inflated real estate market is inevitable, as are increases in other basic costs such as food, water, clothing, and daily necessities.
- F Regardless of who is making the profits, though, local populations become dependent on the influx of tourist cash, despite the hazards. In Gambia, for instance, 30 per cent of the workforce depends directly or indirectly on tourism, and in the Maldives, this figure is a striking 83 per cent. When a substantial quantity of available jobs revolves around tourism, countries often neglect developing other sectors that could decrease that dependency. While this may not seem problematic, it quickly becomes so when unforeseen events threaten the stability of a country and scare off tourists. This has happened to Thailand several times over the past decade, with both civil unrest and natural disasters resulting in recessions caused by dramatic decreases in tourism.
- G Economics aside, there are also social consequences of high growth tourism for local communities; along with foreign influences can come unwelcome behaviour and activities. This can simply be undesirable habits or mannerisms that contradict local customs. But it can also be more serious, such as increases in drug use, alcohol abuse, and petty crime, all of which often accompany tourism. Even if locals don't participate directly in such misconduct, they are bound to be adversely affected by a rise in criminality, and will often report a decline in their sense of personal security and quality of life because of it. Thus, the development of a tourism industry can be a mixed blessing, bringing developing countries an influx of investment, visitors from around the world, and a variety of intractable problems. Governments in these countries must do their best to effectively regulate and manage tourism, so that the benefits can be widespread, and the negative effects can be avoided or minimised.

Questions 7 and 8

Choose the correct letter, A, B, C or D.

Write the correct letter in boxes 7 and 8 on your answer sheet.

- 7 One way that people have avoided strict regulations is by
 - paying additional fees to government agencies.
 - buying property with the help of local citizens.
 - promising to invest in local infrastructure.
 - guaranteeing good jobs to local residents.
- When a large number of jobs are dependent on tourism, countries tend to
 - invest heavily in other areas to create a balanced economy.
 - В grow concerned about the possibility of social instability.
 - ignore the development of other sectors.
 - increase the wages of citizens working in the tourist industry.

Questions 9-13

Complete the summary using the list of words, A-I, below.

Write the correct letter, A-I, in boxes 9-13 on your answer sheet.

Tourism for Economic Development

Tourism can be a fast and effec	tive way for developing cour	ntries to expand their economies.
Many of these countries are	urged to take advantage	of the 9
within their natural environm	ent. However, it is unclea	ar whether the development of
tourism is the panacea that it i	s alleged to be; in certain o	cases the problems it causes for
local 10	outweigh its benefits. Whi	lst developing the conditions for
a local tourism industry is ofte	n funded by 11	, it is not necessarily
the case that they will see ar	ny profits. It is 12	that hurry to buy
coastal property, and they ar	e willing to pay large amo	ounts of money for a dominant
position in the tourist industry	. Moreover, influences fro	m outside the country can also
lead to behaviour that goes ag	gainst the 13	of the local people.

Α	taxpayers	В	infrastructure	С	valuable materials
D	customs	E	international chains	F	communities
G	attractions	н	industries	ı	uneven development

READING PASSAGE 2

You should spend about 20 minutes on **Questions 14-26**, which are based on Reading Passage 2 below.

Parental Involvement in Children's Education

At the most fundamental level, education is a human undertaking. It requires people and real human interaction. When we think of a child's education, the first people who come to mind are schoolteachers, and the importance of their role cannot be overstated. But what of the role of parents in children's education? At home, parental involvement can include everything from general encouragement to actively tutoring children. Furthermore, parents can also lend their support to schools in many ways, such as attending school functions, helping with school activities or serving as school governors or administrators. Does this parental involvement have a measurable effect on student outcomes? If so, what are the results of their involvement?

Extensive research has clearly demonstrated the positive benefit of parental involvement when it comes to academic achievement. Students of parents who engage directly with their children in the early years of childhood education show especially strong results (Cotton and Wikelund, 1989). In other words, the earlier parental involvement occurs, the more likely children are to have tremendous academic success. In the US, the National Head Start Impact Study collected detailed data on 5,000 children from kindergarten to 3rd grade. The Head Start programme provided comprehensive early childhood development services to low-income families, and actively encouraged parental involvement. The study collected student data measuring school readiness, language use and literacy, as well as cognition and general knowledge. Over the course of three years, the data definitively established a strong correlation between parental monitoring of school-related assignments, parental involvement in school activities, and academic performance. Though the long-term effectiveness of such programmes has been called into question, even critics such as psychologist Todd Wisley have noted that continued parental involvement is crucial for children's success.

Similarly, the connection between the extent of parental engagement and a child's attitude and behaviour in school was highlighted as early as 1973 when child development psychologist Walter Emmerlich posited that constructive parent interaction enhances their children's attitudes toward learning and gives them a more positive outlook on life. Since then, researchers have conducted in-depth analyses of such criteria as classroom behaviour, peer interactions, self-concept, motivation, and general socio-emotional functioning. Unlike academic achievement, however, in which parental help with studies and instruction was clearly the primary factor, there is no obvious form of involvement that stands out as contributing to improvements in attitude and behaviour. Thus, it seems that all forms of involvement contribute equally, and it is no surprise that schools which offer the greatest variety of opportunities for parental involvement see the most positive impact in this regard.

Even though parental involvement is widely encouraged both in school systems and in literature produced by education experts, it is not without controversy. Some educational professionals question whether it can go too far, and this sentiment is particularly common when it comes to parental involvement in school governance and administration. David Hart, the general secretary of the National Association of Head Teachers in the UK, has suggested that governing bodies in Britain are overloaded with parents, many of whom are unqualified for the job, Hart declared that parents were often too focused on the needs of their own children to think of the greater good when it came to governance. Nevertheless, polls consistently show that many parents would like to play a more active role in school affairs - whether it is through becoming a school governor or a member of a parental advisory committee or school improvement council.

In contrast, school administrators and teachers tend to support Hart's negative opinion of parents taking an active role; they continually demonstrate great reluctance to allow parents to get involved with goal setting, personnel decisions, assessment, and how to allocate funding. They point out that parents generally lack the training and capability to make decisions related to school administration and governance. Educational literature sometimes supports their view: some mainstream studies claim that parental involvement in school governance has no obvious correlation with increased academic achievement or improvements in student attitude and behaviour. Karen Reed Wikelund has pointed out that in half a dozen studies that addressed the link between parental involvement in school decision making, none could conclusively prove a causal relationship between it and student achievement. And Marvlin Bruckman has argued that many early childhood educators have negative views of parental involvement in general, implying that some educators may have an adverse impact on family involvement.

Still, exceptions exist. In New Haven, Connecticut, the School Development Programme (SDP) started by James Comer of Yale University revealed that parents could provide meaningful contributions at all levels - whether it be at home, in the classroom, or school administration. He sought to 'change the ecology' of education by instituting a programme of electing parents to school planning and management teams, where they made substantial decisions along with teachers, the principal, and support staff. The SDP helped radically transform two of the worstperforming inner-city schools in Connecticut, and as many as 120 other inner-city schools have subsequently followed suit using his model. Comer's example proves that parents can play a constructive role within schools if an appropriate framework exists, which allows parents and teachers to work together constructively in getting the best for children.

Questions 14-17

Look at the following statements and the list of researchers below.

Match each statement with the correct researcher, A-E.

Write the correct letter, A-E, in boxes 14-17 on your answer sheet.

- 14 claimed that parents in administration tend to put the needs of their own children before others
- 15 proposed a connection between parental encouragement and children's views on education
- 16 argued that there was no evidence linking parental involvement in school decisions and student success
- 17 instituted a programme of parental participation in school decision making

List of Researchers

- A Karen Reed Wikelund
- B Walter Emmerlich
- C James Comer
- D Marylin Bruckman
- E David Hart

Questions 18-21

Complete the sentences below.

Choose NO MORE THAN TWO WORDS from the passage for each answer.

Write your answers in boxes 18-21 on your answer sheet.

18	on administrative committees.	and serving
19	Early parental involvement increases the likelihood of greatamong children.	
20	The most beneficial approach is for schools to provide diverse	
21	A decision school administrators do not want parents to get involved in i	s the allocatior

Do the following statements agree with the information given in Reading Passage 2? In boxes 22-26 on your answer sheet, write

TRUE if the statement agrees with the information FALSE if the statement contradicts the information

NOT GIVEN if there is no information on this

- 22 Parental involvement tends to have more of an effect on older students than younger students.
- 23 Different types of parental involvement produce different results in attitude and
- 24 Polls show that mothers are generally more likely to play a part in school affairs than
- 25 Research suggests that educators may have a negative effect on parental participation in schools.
- 26 The School Development Programme helped to revolutionise some urban schools.

READING PASSAGE 3

You should spend about 20 minutes on **Questions 27-40**, which are based on Reading Passage 3 below.

The Snowball Earth Hypothesis

Analysing the theory that Earth was once a giant ice-covered snowball

A debate has been raging among scientists about the plausibility of the 'snowball Earth' hypothesis, which posits that the Earth was once completely covered in ice and snow. If this theory is true, it could explain many geological mysteries, but some claim the planet could not have recovered from such a deep freeze.

Imagine an Earth entirely covered by ice, from the poles to the equator, where little to no life survives and temperatures are perpetually far below zero. That is the proposition of the 'snowball Earth' hypothesis. This is a contentious theory that suggests that the Earth was entirely frozen for at least one period in its history, and scientists are divided on how to interpret the geological record and the debate over the hypothesis is ongoing.

According to proponents of the theory this deep freeze occurred over 650 million years ago in at least one of three periods, the Neoproterozoic, the Palaeoproterozoic or the Karoo Ice Age. Scientists are however divided on both the geological evidence and the likelihood of Earth reviving, and fostering life, after such a period, as well as when exactly this could have taken place. Proponents nevertheless suggest that the theory explains some of the mysteries of the geological record.

The first geologist to put forward the idea of a snowball Earth was Douglas Mawson who discovered glacial sediments in southern Australia in the mid-20th century, which he took as evidence of global glaciation. However, this theory was superseded by the idea of continental drift, which more readily explained the existence of glaciers in Australia and other landmasses. The snowball Earth theory was revived in the 1960s by W. Brian Harland who suggested that glacial sediments in Greenland were actually deposited nearer to the tropics. According to Harland, the only thing that could account for these deposits was an extreme, worldwide ice age.

It was not until the 1990s that Joseph Kirschvink, a Professor of geobiology, coined the term 'snowball Earth' to describe this ice age. Kirschvink also proposed an ultra-greenhouse effect as a way in which the Earth may have escaped from this glacial condition. Kirschvink's ideas were taken up by Franklyn Van Houten, who stated that phosphorus deposits and banded iron formations proved that the Earth had once been ice-covered.

According to proponents of the snowball Earth hypothesis, there are several ways in which both the geological record and climate models support the theory. The most persuasive is perhaps the evidence of palaeomagnetism, a recent development in geology which can show when and where geological deposits were made, whilst taking into account continental drift. Through palaeomagnetism it has been possible to show that sediments of glacial origin were deposited near to the equator during the Neoproterozoic era. However scientists are sceptical of this conclusion due to other plausible

explanations, such as the possibility that the Earth's magnetic field has shifted over time and the existence of an earlier magnetic pole near the equator which could account for these deposits.

The snowball Earth hypothesis has also been challenged on the grounds that glacial deposits could be accounted for by continents breaking up and causing a tectonic uplift, which would create extremely high plateaus where glaciers could potentially form. This theory of continental separation has been proposed by Nicholas Eyles, Professor of Geology at the University of Toronto, as the 'Zipper Rift hypothesis'. In this scenario, the separation of continents creates these high plateaus where glaciations occur, thus limiting the snowball effect to certain areas of the planet.

As Eyles' research suggests, one of the main points of contention of the snowball Earth debate is the extent to which this big freeze took hold across the planet. Many geologists and climate scientists claim that a 'hard snowball' effect, in which the planet is completely enveloped in ice sheets, would have obliterated life on Earth forever. They thus say that the most likely scenario was a partial freeze, in which some parts of the ocean remained free of ice.

The lack of a mass extinction event in the geological record proves that the snowball Earth was more temperate than some claim. They argue that carbon dioxide built up during the cold period, when vegetation was reduced and could not remove as much of it from the atmosphere. In turn, the carbon dioxide warmed the planet, leading to widespread thawing and release of water into the soil. Francis Macdonald, an Earth scientist at Harvard University, who has carried out research into volcanic rocks in Canada that suggested that the global glaciation did indeed occur, has suggested that in fact Earth wasn't 'just a white ball, but more of a mud ball' during this period.

This idea of a 'mud ball' rather than a snowball has gained many adherents among geologists. Richard Peltier of the University of Toronto says, 'The suggestion that the Earth was once entirely

covered by ice - the continents by thick ice sheets and the oceans by thick sea ice - remains somewhat contentious'. Peltier created a climate model which suggests what actually occurred during the Neoproterozoic era was a 'negative feedback reaction, in which the Earth oscillated between 'glaciations and de-glaciations'.

Peltier's model demonstrated that despite deep glaciations across the planet, a large amount of water remained unfrozen in the tropical regions of the planet. This has been termed the 'slushball Earth' hypothesis, and it is supported by many who cite the survival of life during this period as evidence of a less extensive global freeze. If the slushball Earth hypothesis is true then a band of ice-free waters would have persisted around the equator; most experts now agree that this was the most probable situation.

The debate over the snowball Earth hypothesis seems to continue, although it is clear that some form of glaciation did occur. The idea of a completely frozen Earth nonetheless remains a thriving area of research, not only for geology but also for climate science. A recent study by Linda Sohl of Columbia University revealed how climate models using the snowball Earth theory can offer insight into future climate change, and the potential repercussions of catastrophic global climate shifts. As Sohl states, 'Studying snowball Earth glaciations can tell us just how bad it can get, in which case life as we know it would probably not survive'.

Questions 27-31

Do the following statements agree with the views of the writer in Reading Passage 3?

In boxes 27-31 on your answer sheet, write

YES if the statement agrees with the views of the writer

NO if the statement contradicts the views of the writer

NOT GIVEN if it is impossible to say what the writer thinks about this

- 27 Scientists agree the snowball Earth occurred in the Palaeoproterozoic era.
- 28 Climate models developed in the 20th century led to theories about paleomagnetism.
- 29 Some experts believe that if Earth had been totally enclosed in ice, life would have been permanently erased.
- 30 The 'slushball Earth' hypothesis shows how life evolved on Earth.
- 31 Linda Sohl showed that the snowball Earth model can teach us about climate change.

Questions 32-36

Choose the correct letter, A. B. C or D.

Write the correct letter in boxes 32-36 on your answer sheet.

- 32 In the first paragraph, the writer suggests that the 'snowball Earth' hypothesis
 - has changed how geologists understand the formation of glaciers.
 - is an experimental theory that has caused widespread confusion.
 - has changed how scientists understand the origins of the planet. C
 - D is a theory which has prompted extensive debate.
- 33 The writer says that scientists oppose the snowball Earth theory because
 - it shows that climate change is not man-made.
 - В banded iron formations disprove it.
 - there are other reasonable explanations.
 - the theory of continental drift explains the evidence better.
- 34 The Zipper rift hypothesis suggests that
 - continents moving apart created conditions for glaciers to appear.
 - В the snowball effect extended to every area of the planet.
 - С extremely high plateaus allowed life to survive during the snowball period.
 - D earthquakes caused the formation of glaciers.
- 35 What confirmed that the snowball Earth was warmer than some maintain?
 - A new climate model developed at a university
 - An absence of evidence for a mass extinction
 - Carbon dioxide samples taken from sea ice
 - Vegetation patterns in the geological record
- The writer suggests that Richard Peltier's climate model proves 36
 - the Earth was a mud ball rather than a snowball.
 - В the equator remained frozen throughout the snowball Earth period.
 - life on Earth survived in spite of a negative feedback reaction.
 - D the water close to the tropics remained unfrozen.

Questions 37-40

Complete the summary below.

Choose NO MORE THAN TWO WORDS from the passage for each answer.

Write your answers in boxes 37-40 on your answer sheet.

The History of the Snowball Earth Theory

The snowball Earth I	ypothesis was first put forward by Douglas Mawson, who found
37	in southern Australia. This prompted him to theorise that the
entire planet had at o	ne point been covered in ice. However, 38
was proposed to exp	ain existence of glaciers in Australia and other landmasses and
Mawson's ideas were	forgotten. W. Brian Harland brought the snowball Earth hypothesis
back to prominence v	hen he proposed that glaciers found in Greenland were originally
deposited in the 39	due to a global freeze. This was reiterated
by Joseph Kirschvin	κ , who invented the term 'snowball Earth', and Franklyn Van
Houten, whose disco	ery of phosphorus deposits and banded 40
formations provided e	vidence for the hypothesis.

Đáp án-Dịch nghĩa-Chú giải trang 304

HACKERS IELTS

Writing











HACKERS IELTS WRITING

Copyright © 2017 Hackers Language Research Institute Co., Ltd. published in Vietnam, 2019

This edition is published in Vietnam under a license agreement between Hackers Language Research Institute Co., Ltd. and Alpha Books through Eric Yang Agency.

All rights reserved. NO part of this Publication or related audio files may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the copyright owner, Hackers Language Research Institute Co., Ltd.

HACKERS IELTS WRITING

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của

Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

HACKERS IELTS WRITING

Hướng dẫn tự luyện thi IELTS theo xu hướng ra đề mới nhất

Bài thi IELTS là ngưỡng cửa các bạn thí sinh phải vượt qua để thực hiện ước mơ vươn ra thế giới rộng lớn. Hiện nay, các thí sinh đang phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức để chuẩn bị cho kỳ thi IELTS. Nhằm mục đích cung cấp cho các bạn phương pháp học đúng đắn nhất, Viện nghiên cứu ngôn ngữ HACKERS đã biên soạn bộ sách HACKERS IELTS gồm 4 cuốn tương đương với 4 kỹ năng. Cuốn sách HACKERS IELTS WRITING mà các ban đang cầm trong tay sẽ giúp ban:

Đạt điểm cao thông qua phương pháp ôn luyện theo từng dạng bài và từng chủ đề!

Cuốn sách này được biên soạn nhằm giúp người học luyện tập theo hệ thống các dạng câu hỏi thường xuất hiện trong để thi thực tế, qua đó nâng cao khả năng viết tiếng Anh. Ngoài ra, người học cũng được trang bị nhiều cách diễn đạt khác nhau, những chiến lược làm bài theo tình huống và chủ để để làm phong phú thêm cho bài viết của mình và đạt điểm cao trong bài thi.

Cập nhật xu hướng ra đề mới nhất - Trang bị toàn diện cho bài thi thật!

Cuốn sách tập hợp các đề IELTS Writing theo xu hướng ra đề mới nhất, các bài thi Actual Test với cấu trúc giống hệt đề thi thật sẽ giúp bạn chuẩn bị tốt nhất cho phần thi của mình.

Đạt số điểm như mong muốn nhờ tài liệu bổ trợ đặc biệt!

Với phần Tiêu chí tự đánh giá & Tiêu chí tự chỉnh sửa bài viết, người học có thể chủ động kiểm tra lại đáp án của mình, qua đó nâng cao hiệu quả ôn luyện. Ngoài ra, tập phụ san bao gồm dàn bài và các chủ để dự kiến xuất hiện trong TASK 2 cũng là một công cụ hiệu quả để người học có sự chuẩn bị đầy đủ nhất.

Hi vọng rằng HACKERS IELTS WRITING sẽ trở thành cuốn cẩm nang hữu ích giúp bạn đạt được điểm số mong muốn trong bài thi IELTS và là người bạn đồng hành đáng tin cậy của bạn trên con đường chinh phục ước mơ.

CONTENTS

TOPIC LIST

Lý do HACKERS IELTS Writing giúp bạn đạt điểm cao Giới thiệu về kỳ thi IELTS				
Hướng dẫn cách vi	iết dàn bài	20		
Kế hoạch học tập		22		
DIAGNOSTIC	TEST	25		
TASK 1				
INTRODUCTION		32		
CÁC CÁCH	01 Diễn đạt tăng, giảm, biến động	36		
DIỄN ĐẠT	02 Diễn đạt so sánh, tỷ lệ, sự ổn định	44		
	03 Diễn đạt quá trình, sự biến đổi, vị trí	í 52		
PHÂN TÍCH	01 Dạng Bar Graph	62		
CÁC DẠNG	02 Dạng Line Graph	74		
BÀI THỰC TẾ	03 Dạng Pie Chart	86		
	04 Dạng Table	98		
	05 Dạng Map	110		
	06 Dạng Diagram	122		

6

TASK 2

INTRODUCTION	I	136	
CÁC CÁCH	01 Tán thành & phản đối, ưu nhược điểm		
DIỄN ĐẠT	02 Nguyên nhân & kết quả, ví dụ minh họa, trích dẫn, chú thích	148	
	03 Điều kiện, giả định, nhượng bộ, tóm tắt	156	
	04 Chủ đề - Giáo dục, Gia đình, Sức khỏe, Xã hội	164	
	05 Chủ đề - Pháp luật & chính sách, Nghề nghiệp, Du lịch	174	
	06 Chủ đề - Tài nguyên & môi trường, Khoa học kỹ thuật, Thế giới	184	
PHÂN TÍCH	01 Agree/Disagree	196	
CÁC DẠNG	02 Both Views		
BÀI THỰC TẾ	03 Advantage & Disadvantage	248	
	04 Cause/Problem & Solution	274	
	05 Two-part Question	300	
ACTUAL TES	T 1	322	
ACTUAL TES	ACTUAL TEST 2		
PHU LUC 1. Tiêu chí tự chỉnh sửa bài viết			
2. Tié	2. Tiêu chí tự đánh giá bài viết		
Bài viết mẫu • 0	aiải thích • Từ vựng [Phần đáp án đi kèm]	347	



TOPIC LIST dưới đây là danh mục các chủ đề thường xuất hiện trong bài thi IELTS Writing.

Mỗi chủ đề này lại bao gồm những đề thi theo xu hướng ra đề mới nhất và được phân tích theo dạng bài. Bởi vậy, nếu bám sát lộ trình được đề ra trong sách, bạn sẽ nắm chắc các dạng bài và chủ đề thường gặp, đồng thời cũng biết được điểm yếu của mình. Đặc biệt, bạn có thể khắc phục những điểm yếu đó bằng cách luyện tập thêm với các chủ đề mà mình viết chưa tốt.

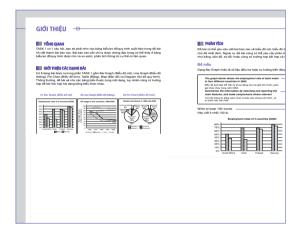
TASK 2

GIÁO DỤC	DT	tr.28	
	01 Agree/Disagree	EX tr.196, HT 1 tr.216	
	02 Both Views	EX tr.222, HT 2 tr.245	
	03 Advantage & Disadvantage	HP 1 tr.254/HP 3 tr.256, HT 1 tr.268	
	04 Cause/Problem & Solution	HP 1 tr.280/HP 3 tr.282	
	05 Two-part Question	HP 2 tr.307/HP 4 tr.311	
	AT2	tr.328	
GIA ĐÌNH	02 Both Views	HP 6 tr.239	
	03 Advantage & Disadvantage	HP 2 tr.255/HP 4 tr.259	
	04 Cause/Problem & Solution	HP 2 tr.281/HP 4 tr.285	
SỨC KHỔE	04 Cause/Problem & Solution	EX tr.274	
XÃ HỘI	01 Agree/Disagree	HP 2 tr.203/HP 4 tr.207	
	03 Advantage & Disadvantage	HP 6 tr.265	
	04 Cause/Problem & Solution	HT 2 tr.297	

PHÁP LUẬT VÀ	01 Agree/Disagree	HP 1 tr.202/HP 3 tr.204	
CHÍNH SÁCH	02 Both Views	HT 1 tr.242	
	04 Cause/Problem & Solution	HP 6 tr.291	
	05 Two-part Question	HT 1 tr.314	
	AT 1	tr.322	
NGHÊ NGHIỆP	01 Agree/Disagree	HT 2 tr.219	
	02 Both Views	HP 2 tr.229/HP 4 tr.233	
	05 Two-part Question	EX tr.300	
DU LİCH	03 Advantage & Disadvantage	HP 5 tr.262	
	04 Cause/Problem & Solution	HT 1 tr.294	
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	01 Agree/Disagree	HP 5 tr.210	
	04 Cause/Problem & Solution	HP 5 tr.288	
	05 Two-part Question	HP 1 tr.306/HP 3 tr.308	
KHOA HỌC VÀ	02 Both Views	HP 1 tr.228/HP 3 tr.230	
KỸ THUẬT	03 Advantage & Disadvantage	EX tr.248, HT 2 tr.271	
	05 Two-part Question	HT 2 tr.317	
THẾ GIỚI	01 Agree/Disagree	HP 6 tr.213	
	02 Both Views	HP 5 tr.236	
* DT: Diagnostic Test (Bài kiểm tra tự đánh giá)	EX: Example HP: Hackers Practice	HT: Hackers Test AT: Actual Test	

LÝ DO HACKERS IELTS WRITING GIÚP BẠN ĐẠT ĐIỂM CAO!

Học theo dạng bài và chủ đề để chinh phục IELTS Writing!



Hoc theo dang bài

Cuốn sách phân tích các xu hướng ra để mới nhất để giúp bạn có thể áp dụng các chiến lược làm bài cho từng dạng, bao gồm 6 dạng bài ở TASK 1 và 5 dạng bài ở TASK 2. Việc ôn luyện theo dạng bài sẽ trang bị cho bạn kỹ năng xử lý nhiều để bài khác nhau trong bài thi Viết.



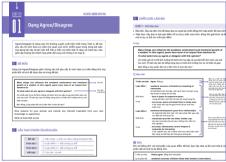
Hoc theo chủ đề

Các chủ để được để cập trong sách bám sát theo xu hướng ra để mới nhất. Phần mục lục các chủ để trong TASK 2 sẽ giúp bạn có thêm lựa chọn trong việc xác định phương pháp học phù hợp, bao gồm việc luyện tập kỹ hơn các chủ đề mà bạn thấy mình còn yếu.

12 Luyện tập từng bước để nâng cao năng lực!

Thông qua việc luyên tập theo từng bước, ban sẽ nắm được tất cả các dang bài xuất hiện trong hài thi Viết





Cách diễn đạt

Cuốn sách tổng hợp những cách diễn đạt hữu ích trong các tình huống thường gặp, giúp bạn nâng cao khả năng diễn đạt khi bắt tay vào bài viết, để bài viết trở nên phong phú và linh hoat hon.

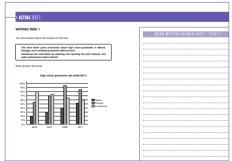


Hackers Practice & Hackers Test

Áp dụng những chiến lược trên vào các đề bài giống với đề thi thật sẽ giúp bạn nắm vững kỹ năng làm bài, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với bài thi.

Chiến lược làm bài theo từng bước

Ban sẽ học được cách viết bài hiệu quả và chuẩn mưc hơn bằng cách vận dung chiến lược làm bài theo từng bước, từ viết ghi chú tới lập dàn bài và sau đó là viết bài hoàn chỉnh với Mở bài - Thân bài - Kết luân.



Actual Test

Hoàn thành quá trình ôn luyện bằng việc giải các đề thi có cấu trúc và độ khó tương đương với bài thi thất.

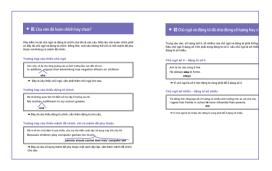
LÝ DO HACKERS IELTS WRITING GIÚP BẠN ĐẠT ĐIỂM CAO!

Khắc phục nhược điểm và trau dồi kỹ năng làm bài!



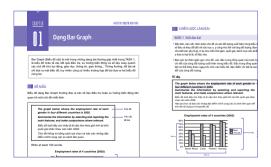
Tiêu chí tư chấm điểm

Sau khi hoàn thành bài viết, bạn có thể tự đánh giá bài viết của mình dựa trên các tiêu chí tự đánh giá được biên soạn theo tiêu chuẩn chấm điểm chính thức dành cho bài thi Viết, từ đó khắc phục những mặt còn yếu kém của bản thân.



Tiêu chí tự chỉnh sửa

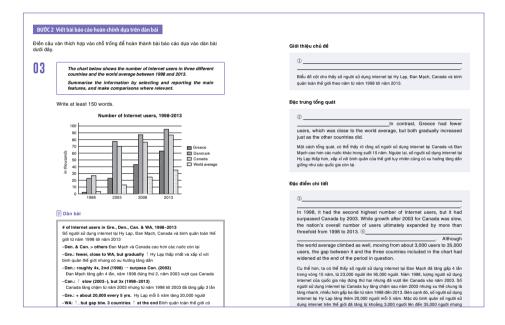
Người học cũng được cung cấp 8 tiêu chí để có thể nhanh chóng tự kiểm tra, biên tập và sửa lỗi bài viết của mình một cách hiệu quả, nhờ đó mà dần hoàn thiện kỹ năng viết của mình, sẵn sàng cho bài thi thật.



Các chủ đề thường gặp và dàn bài cho TASK 2

Cuốn sách cung cấp những chủ đề nhiều khả năng sẽ xuất hiện trong TASK 2 cùng dàn bài tương ứng, giúp bạn có thêm ý tưởng và biết cách lên dàn ý, nâng cao khả năng viết và đạt điểm cao trong phần thi này.

Nâng cao kỹ năng viết bằng dàn bài và bài viết mẫu!



Dàn bài

Cuốn sách đưa ra các dàn bài mẫu cho TASK 1 nhằm giúp bạn nắm được phương pháp triển khai và sắp xếp các ý trong bài thông qua cách diễn đạt ngắn gọn, trực quan. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng cung cấp các dàn bài mẫu cho TASK 2, giúp bạn biết cách triển khai bài viết một cách logic dựa trên dàn ý đã lập.

Bài viết mẫu

Tất cả đề bài trong sách đều đi kèm với bài viết mẫu, giúp người học đối chiếu, điều chỉnh, và nâng cao chất lượng bài viết của mình. Bạn sẽ trở thành chủ nhân của những bài viết sâu sắc và phong phú thông qua việc học tập những cách diễn đạt đa dạng theo từng tình huống và nắm vững những từ vựng thường dùng theo chủ đề.

GIỚI THIỆU VỀ KỲ THI IELTS

■ IELTS là gì?

Hệ thống kiểm tra Anh ngữ quốc tế (IELTS) là bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ đối với những người muốn làm việc hoặc học tập bằng tiếng Anh. Các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết và Nói sẽ diễn ra trong tổng cộng 2 giờ 55 phút. Điểm IELTS được đánh giá theo thang điểm từ 1.0 đến 9.0. Điểm tổng là điểm trung bình của bốn phần thi.

Có hai loại bài thi: Academic Module (IELTS Học thuật) là bài thi dành cho học sinh chuẩn bị du học ở các trường đại học hoặc các cơ sở giáo dục cao hơn. General Training Module (IELTS Tổng quát) dành cho người muốn di cư, tìm việc, hoặc làm việc tại các nước Anh, Canada, Úc, Mỹ. Trong hai loại bài IELTS này, phần Nghe và Nói là giống nhau nhưng Đọc và Viết có khác nhau.

Cấu trúc bài thi IELTS Học thuật

Phần thi	Số lượng bài và câu hỏi	Thời gian kiểm tra	Đặc điểm	
Listening	Bốn bài nghe Tổng cộng có 40 câu hỏi (Mỗi bài nghe 10 câu hỏi)	30 phút (Thời gian trả lời là 10 phút riêng biệt)	 Bài nghe bao gồm cả giọng Anh, Úc, Mỹ Thí sinh có thêm 10 phút riêng để điển đáp án vào phiếu trả lời Bài nghe gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điển vào ô trống, hoàn thành bảng biểu 	
Reading	3 bài đọc Tổng 40 câu hỏi (Mỗi bài đọc 13-14 câu hỏi)	60 phút	 Bài đọc dài và nội dung về nhiều chủ đề khác nhau Bài đọc gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm, câu trả lời ngắn, điền vào chỗ trống, hoàn thành bảng biểu 	
Writing	Task 1: 1 câu hỏi Task 2: 1 câu hỏi	60 phút	- Không có sự phân chia thời gian rõ ràng giữa 2 câu hỏi - Điểm task 2 nhiều hơn task 1	
		Thời gian chờ	đợi	
Speaking	Bao gồm 3 phần Phần 1: 10-15 câu hỏi Phần 2: 1 câu hỏi Phần 3: 4-6 câu hỏi	11-14 phút	- Phỏng vấn trực tiếp 1:1 với giám khảo - Tất cả nội dung bài thi nói được ghi âm lại	
Tổng: 2 giờ 55 phút				

Các nội dung liên quan đến kỳ thi IELTS

Thời gian	Được tiến hành khoảng 48 lần một năm, 2 ~ 4 lần một tháng
Địa điểm	Kỳ thi sẽ được tổ chức tại địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP.
Cách đăng ký	 Thí sinh có thể đăng ký trước tối thiểu 5 đến 7 ngày (lịch tiếp nhận đăng ký có thể kết thúc sớm hơn dự kiến) Đăng ký qua Internet: Hội đồng Anh hoặc IDP Tiếp nhận trực tiếp: Địa điểm được chỉ định chính thức bởi Hội đồng Anh hoặc IDP
Lệ phí	 Lệ phí thi: ~ 5.000.000 vnd Phí cấp bảng điểm: 5 bảng điểm được gửi miễn phí đến các trường thí sinh yêu cầu trong 4 tuần kể từ ngày thi Nếu muốn gửi nhiều hơn 5 bảng điểm hoặc sau 4 tuần kể từ ngày thi, thí sinh phải trả lệ phí
Hình thức thanh toán	Thẻ tín dụng, tiền mặt
Hủy đăng ký thi	Bạn có thể được hoàn lại 75% lệ phí thi 15 ngày trước ngày thi
Những chú ý khi đi thi	Chỉ CMT, CCCD và hộ chiếu được chấp nhận trong ngày thi
Điểm thi và phúc tra	 Bạn có thể kiểm tra điểm số trực tuyến sau 13 ngày kể từ ngày thi Có thể lựa chọn nhận giấy chứng nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện Phúc tra: Thí sinh nộp bản gốc kết quả thi và đơn đăng ký theo đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến Thí sinh có thể đăng ký phúc tra phần thi mình muốn trong 4 phần thi kỹ năng

Tips

- Thí sinh phải mang theo hộ chiếu/CMT/CCCD đã dùng đăng ký thi để giám thị kiểm tra trước
- · Tất cả vật dụng cá nhân đều phải gửi ở nơi giữ đồ trước khi vào phòng thi.
- · Thí sinh được chụp ảnh và kiểm tra dấu vân tay trước khi vào thi.
- · Giữa 3 phần thi Nghe, Đọc, Viết không có thời gian nghỉ riêng. Trong trường hợp cần đi vệ sinh khi đang làm bài, thí sinh ra khỏi phòng thi phải có sự giám sát của giám thị.
- · Lịch thi nói sẽ được thông báo riêng tới từng thí sinh.

GIỚI THIỆU VỀ KỲ THI IELTS

■ Thang điểm IELTS Band Score

Bài thi IELTS đánh giá năng lực Anh ngữ của thí sinh qua các band điểm. Dưới đây là miêu tả từng band điểm.

Band Score	Mức độ thuần thục	Miêu tả
9	Expert user	Có năng lực tiếng toàn diện và thể hiện được khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chính xác, thành thạo, nắm bắt được mọi khía cạnh của ngôn ngữ.
8	Very good user	Có năng lực tiếng toàn diện dù còn mắc một số ít lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác và chưa phù hợp. Có thể hiểu nhâm trong một vài tình huống không quen thuộc. Có khả năng xử lý tốt các tranh luận phức tạp, chi tiết.
7	Good user	Có năng lực tiếng tốt dù còn một số lỗi sử dụng ngôn ngữ thiếu chính xác, chưa phù hợp, và hiểu nhắm trong một số tình huống. Nhìn chung có khả năng xử lý tốt ngôn ngữ phức tạp và hiểu được các lập luận chi tiết.
6	Competent user	Nhìn chung có khả năng sử dụng ngôn ngữ hiệu quả dù còn một số lỗi thiếu chính xác, không phù hợp, hoặc hiểu nhắm ý. Có thể sử dụng và hiểu các cấu trúc tương đối phức tạp, đặc biệt là trong những tình huống quen thuộc.
5	Modest user	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tương đối và nắm được ý nghĩa cơ bản của ngôn ngữ trong hầu hết các tình huống dù còn mắc nhiều lỗi. Có khả năng giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực quen thuộc.
4	Limited user	Khả năng giao tiếp giới hạn trong các hình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp vấn đề trong việc hiểu và diễn đạt. Không có khả năng sử dụng các cấu trúc phức tạp.
3	Extremely limited user	Chỉ truyền tải và hiểu được nội dung cơ bản nhất trong các tình huống quen thuộc. Thường xuyên gặp khó khăn trong giao tiếp.
2	Intermittent user	Gặp rất nhiều khó khăn trong việc nói và viết tiếng Anh.
1	Non-user	Không có khả năng sử dụng tiếng Anh, ngoại trừ một vài từ vựng riêng lẻ.
0	Did not attempt the test	Thí sinh không dự thi.

Cách tính điểm IELTS

Mỗi kỹ năng đều được tính điểm riêng và điểm tổng, IELTS Overall, là điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần. Các cơ quan, tổ chức sử dụng điểm IELTS để đánh giá năng lực tiếng Anh của ứng viên đều có những yêu cầu khác nhau về số điểm thành phần và điểm Overall cần đạt. Thí sinh cần dựa vào những quy định riêng này để lên kế hoạch chuẩn bị thật phù hợp cho kỳ thi. Đạt điểm cao trong một phần thi thế mạnh có thể hỗ trợ cho phần yếu thế hơn, nhưng nếu sự khác biệt giữa các điểm thành phần quá lớn sẽ ảnh hưởng đến điểm Overall. Vì vậy, rất khó để đạt điểm cao nếu thí sinh chỉ tập trung vào một kỹ năng nhất định nào đó.

Dưới đây là ví du tính band điểm. Band điểm Overall là điểm trung bình công của bốn điểm thành phần và sẽ được làm tròn theo quy tắc làm tròn số thập phân.

	Listening	Reading	Writing	Speaking	Điểm trung bình cộng của bốn điểm thành phần	Overall Band Score
Thí sinh A	5.5	5.5	4.0	6.0	5.25	5.5
Thí sinh B	5.0	4.5	5.0	5.0	4.875	5.0
Thí sinh C	7.5	7.5	6.5	7.0	7.125	7.0

GIỚI THIỆU BÀI THI IELTS WRITING VÀ CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP

IELTS Writing là bài thi đánh giá năng lực viết tiếng Anh dành cho những người có ý định học tập hoặc làm việc tại các nước nói tiếng Anh. Qua quá trình ôn tập và chuẩn bị, thí sinh không chỉ nâng cao điểm số của mình mà còn có thể áp dụng các kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế sau khi nhập học, xin việc hoặc cư trú tại các môi trường sử dụng tiếng Anh.

Cấu trúc bài thi IELTS WRITING

Thời gian cho bài thi Viết là 60 phút với hai phần là TASK 1 và TASK 2. Tuy nhiên, thời gian làm từng Task không được tách riêng nên thí sinh cần chú ý kiểm soát thời gian cho từng phần.

■ Giới thiệu về bài thi IELTS WRITING

Kỹ năng		Miêu tả	Thời gian đề xuất
TASK1	Phân tích các tài liệu trực quan (bảng, biểu đổ, sơ đổ) -> Viết báo cáo Liên kết các dữ liệu đã phân tích được để viết bài báo cáo	Phân tích dữ liệu Phân tích các dữ liệu thu được thông qua bảng, biểu đồ và sơ đồ được cho Viết bài phân tích Viết bài báo cáo tóm tắt nội dung của bảng, biểu đồ, sơ đồ đó dựa trên các dữ liệu đã được phân tích (trên 150 từ)	Thời gian viết: 20 phút
TASK 2	Viết bài luận Viết bài luận dựa trên quan điểm của bản thân	Viết bài luận Viết một bài luận (trên 250 từ) trình bày suy nghĩ cá nhân về một quan điểm, ý kiến hay vấn đề nào đó và đưa ra căn cứ cho các ý kiến đó * Điểm của TASK 2 nhiều gấp đôi TASK 1	Thời gian viết: 40 phút

Tổng: 60 phút

■ Tiêu chí đánh giá bài thi IELTS WRITING

Trước khi bắt tay vào ôn luyện phần thi Viết, bạn nên tìm hiểu trước các tiêu chí đánh giá bài thi này để việc ôn luyện đạt hiệu quả tốt nhất. Các yếu tố được chấm điểm trong bài thi Viết không chỉ gồm cấu trúc và cách triển khai bài báo cáo, bài luận mà còn phụ thuộc vào độ chính xác của từ vựng và ngữ pháp, tính đúng đắn của nội dung,... Các tiêu chí đánh giá và đặc trưng của từng tiêu chí được liệt kê trong bảng dưới đây.

Tiêu chí đánh giá	Đặc trưng
Khả năng đáp ứng yêu cầu để bài (Task Response)	 Thực hiện đẩy đủ các yêu cầu được đưa ra trong để bài Bài viết chính xác và đẩy đủ Task 1: Các chi tiết và những thay đổi quan trọng được làm rõ và trình bày tốt Task 2: Thể hiện quan điểm rõ ràng, xuyên suốt bài, các ý được phát triển, mở rộng kèm theo ví dụ đẩy đủ
Độ mạch lạc và tính chặt chế (Coherence & Cohesion)	 Có khả năng sử dụng các liên từ, từ nối một cách tự nhiên Cấu trúc đoạn văn rõ ràng, mạch lạc Ý chính của mỗi đoạn rõ ràng và nổi bật Sắp xếp các ý và thông tin có logic nhằm triển khai thông tin thật dễ hiểu
Vốn từ vựng (Lexical Resource)	 Sử dụng vốn từ đa dạng Không mắc lỗi ngữ pháp và chính tả khi dùng từ Cân nhắc các sắc thái ý nghĩa khác nhau của từ để sử dụng thật tự nhiên Sử dụng các từ vựng truyền tải chính xác nội dung
Độ đa dạng và chính xác của ngữ pháp (Grammatical range & accuracy)	 Sử dụng nhiều cấu trúc ngữ pháp đa dạng một cách tự nhiên Không mắc lỗi ngữ pháp trong câu Dùng dấu câu chính xác.

GIỚI THIỆU BÀI THI IELTS WRITING VÀ CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP

Chiến lược học IELTS WRITING

1. Tăng cường khả năng diễn đạt câu

Khả năng diễn đạt tốt là nền tảng để thể hiện suy nghĩ cá nhân một cách hiệu quả. Bởi vậy, thay vì cố học thuộc các từ vựng và cách diễn đạt khó, bạn nên luyện thuần thục những cách diễn đạt quen thuộc thường được sử dụng trong các bài luận thực tế. Cuốn sách này sẽ giúp bạn làm quen với các cách diễn đạt hữu ích theo những dạng bài và chủ để khác nhau, từ đó nâng cao năng lực diễn đạt của bản thân.

2. Tăng cường khả năng phân tích số liệu

Đối với Task 1, bạn cần trang bị cho mình khả năng phân tích số liệu và viết bài báo cáo bằng cách lựa chọn những thông tin quan trọng để đưa vào bài. Hơn nữa, bạn cần biết cách lên dàn bài để không hoang mang khi gặp trong đề thi những bảng biểu với nội dung phức tạp. Bạn có thể rèn luyện khả năng này bằng cách thử phân tích các để bài và viết thành bài báo cáo hoàn chính.

3. Luyện tập trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề khác nhau

Trong Task 2, tuy để bài không khó nhưng bạn cũng sẽ ít nhiều thấy khó khăn khi gặp các đề bài lạ. Bạn có thể tận dụng các topic dự kiến và dàn ý của Task 2 được đưa ra trong sách để tăng cường khả năng thể hiện quan điểm về nhiều chủ để khác nhau.

4. Tăng cường khả năng triển khai ý tưởng

Một bài luận hay không chỉ dừng lại ở việc nêu ra ý tưởng. Để thể hiện ý kiến cá nhân hoặc các phân tích một cách hiệu quả, bạn cần biết cách triển khai các ý tưởng vào bài viết hoàn chỉnh.

5. Làm quen với các cách diễn đạt và cấu trúc hữu ích thông qua bài viết mẫu

Thường xuyên đọc những bài viết mẫu hoàn chỉnh và chuẩn mực, bạn sẽ nắm được cấu trúc của một bài viết, từ đó tăng cường khả năng triển khai ý tưởng một cách logic. Ngoài ra, việc làm quen với các cách diễn đạt và từ vựng hữu ích cũng là một chiến lược thông minh để đạt điểm cao trong bài thi. Thay vì cố học thuộc đáp án mẫu, bạn hãy học theo mạch logic và cách dùng từ của các bài viết mẫu, từ đó rút ra những điểm có thể học tập để áp dụng vào bài viết của mình.

Meo làm bài thi WRITING

Khi viết bài luận, hãy ghi nhớ những điều sau để đạt kết quả tốt nhất.

1. Viết bài luân của TASK 2 trước khi viết TASK 1

Trong vòng 60 phút, ban cần hoàn thành cả hai phần Task 1 và Task 2 nên việc phân bổ thời gian cho từng phần là rất quan trong. Task 2 dài hơn Task 1 khoảng 100 từ và nhiều điểm gấp đôi Task 1, vì vậy hoàn thành Task 2 trước khi làm Task 1 là một chiến lược hiệu quả. Chúng tôi khuyên ban nên dành 20 phút cho Task 1 và 40 phút cho Task 2.

2. Sử dụng bút chì và tẩy dư phòng để viết câu trả lời thật rõ ràng

Khi làm bài thi IELTS, ban phải trưc tiếp viết câu trả lời bằng tay. Đặc biệt, với bài thi Viết thì hình thức bài viết gọn gàng, dễ nhìn là một yếu tố rất quan trong. Trong quá trình làm bài, nếu bút chì bi mòn hay không có tẩy, ban có thể sử dung bút chì và tẩy dư phòng được phát tại trường thi để trình bày bài viết cho thật rõ ràng.

3. Lập dàn bài thật nhanh

Lập dàn bài là bước chuẩn bị trước khi bắt tay vào viết bài luận và bạn không nên dành quá nhiều thời gian cho bước này. Hãy cố gắng viết dàn bài thật đơn giản sao cho mình có thể hiểu được nhưng vẫn sử dụng được hiệu quả trong quá trình viết bài.

4. Kiểm tra lai bài viết thật cẩn thân

Dù nội dung bài luận có hay nhưng nếu mắc lỗi chính tả, ngữ pháp thì bạn cũng không thể nhận được số điểm như ý. Bởi vậy, sau khi hoàn thành bài viết, hãy dành khoảng 2 phút để kiểm tra lại các lỗi trong bài.

5. Duy trì sự tập trung đến cuối bài thi

Sau khi hoàn thành phần thi Nghe và Đọc, ban không có thời gian nghỉ mà sẽ bước ngay vào phần thi Viết, vì vậy mà thí sinh rất dễ mất tập trung trong phần này. Tuy nhiên, kỹ năng viết chỉ có 2 câu hỏi nhưng có tổng điểm tương đương với các kỹ năng còn lại, nên bạn hãy duy trì sự tập trung để làm hết sức đến cuối bài thi.

HƯỚNG DẪN CÁCH VIẾT DÀN BÀI

Trong Task 1 của bài thi Viết, bạn cần viết một báo cáo tóm tắt bảng, biểu đồ hoặc sơ đồ mà đề bài đưa ra. Viết dàn bài, sắp xếp lại thông tin và lên khung bài viết là một phương pháp rất tốt để viết được một bài báo cáo có tính logic. Dàn bài ngắn gọn mà hiệu quả là chìa khóa giúp bạn viết tốt bài báo cáo của mình.

Cách viết dàn bài hiệu quả

1. Ghi thật đơn giản những nội dung quan trọng

Không nên viết lại tất cả nội dung xuất hiện trong đề bài vào phần này mà hãy sử dụng những từ ngữ và ký hiệu thật đơn giản để ghi lại những nội dung quan trọng.

2. Ghi chép một cách tự do

Bạn có thể ghi chú bằng tiếng Anh hay tiếng Việt, thậm chí là cả hai. Hãy sử dụng những gì khiến ban thấy thoải mái nhất để ghi lai những nôi dụng quan trong nhanh nhất có thể.

3. Sử dụng ký hiệu và viết tắt

Ghi chú là bước sắp xếp nội dung để chuẩn bị cho bài phân tích hoàn chỉnh, vì vậy bạn có thể sử dụng các ký hiệu, viết tắt để ghi lại những nội dung quan trọng nhất, miễn là chính bạn có thể hiểu được. Đặt ra các ký hiệu của riêng mình cho những khái niệm thường dùng hay viết tắt một số từ sẽ giúp ban tiết kiệm thời gian trong phòng thi.

1. Ký hiệu

Χ	- không/ not, no	:	- là/ is, are
1	- tăng lên/ increase	>	- lớn hơn/ greater than, more, larger
↓	- giảm xuống/ decrease	<	- nhỏ hơn/ less than, fewer, smaller
\rightarrow	- trở thành, trở nên/ become, result, change to	=	- giống với, bằng/ equal, to be
ક	- và/ and	#	- số/ number

2. Viết tắt

b/c	- bởi vì/ because	w/	- cùng với/ with
btw.	- trong khoảng, giữa/ between	w/o	- ngoại trừ/ without
thrw.	- thông qua/ through	adv.	- lợi ích/ advantage
etc.	- vân vân/ and so on	disadv.	- bất lợi/ disadvantage
ex)	- ví dụ/ for example	POS	- ưu điểm/ positive
ppl.	- những người/ people	NEG	- nhược điểm/ negative

Dàn bài mẫu

Đề bài

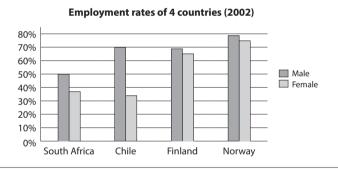
The graph below shows the employment rate of each gender in four different countries in 2002.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Biểu đồ dưới đây cho thấy tỷ lệ xin việc thành công theo giới tính tại bốn quốc gia khác nhau trong năm 2002.

Hãy tóm tắt thông tin bằng cách lựa chọn và báo cáo những đặc điểm chính và đưa ra những so sánh liên quan.

Write at least 150 words.



Dàn bài

Chủ đề	employment rates of m & w in 4 countries, 2002 Tỷ lệ xin việc thành công ở 4 quốc gia trong năm 2002 phân chia theo giới tính
Đặc trưng	- m > w in 4 countries Tỷ lệ xin việc thành công ở nam lớn hơn nữ ở cả 4 quốc gia
tổng quát	– Fin. & Nor.: m ≒ w Tỷ lệ gần bằng nhau ở Phần Lan và Na Uy
0 1	- SA: more diff. Phi thì chênh lệch lớn hơn
	- Chi.: largest gap Chênh lệch lớn nhất ở Chile
Đặc điểm	- m: Nor. > Chi. & Fin. > SA
chi tiết	Nam ở Na Uy cao nhất, theo sau là Chile và Phần Lan, thấp nhất là Nam Phi
	- w: Nor. > Fin. > Chi. & SA
	Nữ ở Na Uy cao nhất, sau đó là Phần Lan, thấp nhất là Nam Phi và Chile
	: Chi. – 1/2 of m Ở Chile, nữ chỉ bằng một nửa nam

^{*} Trong cuốn sách này, dàn bài được viết bằng tiếng Anh, phần tiếng Việt là giải thích cho phần tiếng Anh. Khi viết dàn bài trong thực tế, bạn không cần phải viết bằng cả hai ngôn ngữ.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP

Trước khi chính thức bước vào quá trình chuẩn bị cho bài thi IELTS Writing, bạn có thể làm bài thi thử Diagnostic Test để xác định trình độ hiện tại của bản thân, từ đó lên kế hoạch học tập cho phù hợp và tập trung bổ sung những phần kiến thức còn hạn chế.

4 TUẦN KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO QUY TRÌNH TASK 2 -> TASK 1 TRONG VÒNG 4 TUẦN

Đây là kế hoạch giúp bạn làm quen với từng phần của bài thi, từ Task 2 đến Task 1 trong vòng 4 tuần, kế hoạch này phù hợp với những người muốn hoàn toàn làm chủ được các cách diễn đạt và chiến lược làm bài của Task 2 rồi mới đi vào Task 1. Task 2 chiếm số điểm cao gấp 2 lần so với Task 1, đồng thời cũng đòi hỏi người học phải nắm được phương pháp triển khai và viết bài luận một cách có logic, nên nếu xếp theo thứ tự ưu tiên thì bạn nên luyện tập thật nhuẩn nhuyễn Task 2, rồi dựa trên cơ sở đó để học tiếp Task 1.

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	DT	Task 2 Diễn đạt 01	Task 2 Diễn đạt 02	Task 2 Diễn đạt 03	Task 2 Diễn đạt 04	Task 2 Diễn đạt 05
Week 2	Task 2 Diễn đạt 06	Task 2 Dạng bài 01	Task 2 Dạng bài 02	Task 2 Dạng bài 03	Task 2 Dạng bài 04	Task 2 Dạng bài 05
Week 3	Task 1 Diễn đạt 01	Task 1 Diễn đạt 02	Task 1 Diễn đạt 03	Task 1 Dạng bài 01	Task 1 Dạng bài 02	Task 1 Dạng bài 03
Week 4	Task 1 Dạng bài 04	Task 1 Dạng bài 05	Task 1 Dạng bài 06	AT I	AT II	Tổng ôn tập

*DT: Diagnostic Test

HT: Hackers Test

EX: Example

Diễn đạt: Các cách diễn đạt

HP: Hackers Practice

CU: Check-Up

Dạng bài: Làm chủ các dạng bài

AT: Actual Test

4 TUẦN KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐỒNG THỜI CẢ TASK 1 VÀ TASK 2 TRONG VÒNG 4 TUẦN

Đây là kế hoạch giúp người học làm chủ cả Task 1 và Task 2 trong vòng 4 tuần, phù hợp với những người mong muốn luyện tập đồng thời chiến lược làm bài của cả 2 Task cùng một lúc.

	Day 1	Day 2	Day 3	Day 4	Day 5	Day 6
Week 1	DT	Task 1 Diễn đạt 01	Task 1 Diễn đạt 02	Task 1 Diễn đạt 03	Task 2 Diễn đạt 01	Task 2 Diễn đạt 02
Week 2	Task 2	Task 2	Task 2	Task 2	Task 1 Dạng bài 01 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 01 HP 03~04 HT 01
week 2	Diễn đạt 03	Diễn đạt 04	Diễn đạt 05	Diễn đạt 06	Task 2 Dạng bài 01 EX, HP 01~04	Task 2 Dạng bài 01 HP 05~06 HT 01~02
Week 3	Task 1 Dạng bài 02 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 02 HP 03~04 HT 01	Task 1 Dạng bài 03 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 03 HP 03~04 HT 01	Task 1 Dạng bài 04 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 04 HP 03~04 HT 01
week 3	Task 2 Dạng bài 02 EX, HP 01~04	Task 2 Dạng bài 02 HP 05~06 HT 01~02	Task 2 Dạng bài 03 EX, HP 01~04	Task 2 Dạng bài 03 HP 05~06 HT 01~02	Task 2 Dạng bài 04 EX, HP 01~04	Task 2 Dạng bài 04 HP 05~06 HT 01~02
Week 4	Task 1 Dạng bài 05 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 05 HP 03~04 HT 01	Task 1 Dạng bài 06 EX, HP 01~02	Task 1 Dạng bài 06 HP 03~04 HT 01	AT I	AT II
vveek 4	Task 2 Dạng bài 05 EX, HP 01~02	Task 2 Dạng bài 05 HP 03~04 HT 01~02	Task 2 Dạng bài 01~03 ôn tập	Task 2 Dạng bài 04~05 ôn tập	ALL	ATII

^{*} Trong trường hợp người học muốn ôn tập theo tiến trình 8 tuần thì có thể chia đôi nội dung bài học trong 1 ngày của tiến trình 4 tuần.



HACKERS IELTS WRITING

DIAGNOSTIC TEST

WRITING TASK 1

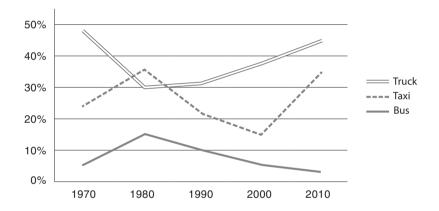
You should spend about 20 minutes on this task.

The graph below shows changes in the share of vehicle registrations of the three most common types of commercial vehicles in the US between 1970 and 2010.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.

Write at least 150 words.

Proportion of vehicle registration, 1970-2010



IELTS WRITING ANSWER SHEET - TASK 1
ILLIO WRITING ANDWER SHEET TACK I

*Dành hai phút cuối để soát lại bài viết dựa vào Tiêu chí tự chỉnh sửa bài viết (tr.331) *Sau khi làm xong bài thi, thử đánh giá và cải thiện bài viết dựa vào Tiêu chí tự chấm điểm (tr.344)

Đáp án mẫu và giải thích: Tập đáp án tr.350

WRITING TASK 2

You should spend about 40 minutes on this task.

Write about the following topic:

Some students decide early in life to pursue vocational careers that involve cooking or baking. For them, it is better to study their chosen occupations in high school rather than regular subjects.

To what extent do you agree or disagree?

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge or experience.

Write at least 250 words.

Dành hai phút cuối để soát lại bài viết dựa vào Tiêu chí tự chỉnh sửa bài viết (tr.331) *Sau khi hoàn thành bài viết, thử đánh giá và cải thiện bài viết dựa vào Tiêu chí tự chấm điểm (tr.345)

Bài viết mẫu: Xem đáp án đi kèm tr.351



TASK 1

CÁC CÁCH DIỄN ĐẠT

01 Cách diễn đạt theo tình huống - tăng, giảm, biến động

02 Cách diễn đạt theo tình huống - so sánh, tỷ lệ, sự ổn định

03 Cách diễn đạt theo tình huống - quá trình, biến đổi, vị trí

LÀM CHỦ CÁC DẠNG ĐỀ

01 Dạng Bar Graph

02 Dạng Line Graph

03 Dạng Pie Chart

04 Dạng Table

05 Dạng Map

06 Dạng Diagram

GIỚI THIỆU

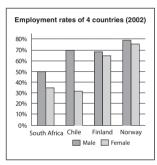


TASK 1 có 1 câu hỏi, bạn sẽ phải nhìn vào bảng biểu/sơ đồ/quy trình xuất hiện trong đề bài rồi viết thành bài báo cáo. Bài báo cáo cần chỉ ra được những đặc trưng có thể thấy ở bảng biểu/sơ đồ/quy trình được cho và so sánh, phân tích thông tin cụ thể có liên quan.

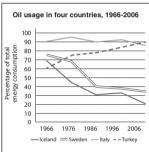
GIỚI THIỆU CÁC DẠNG BÀI

Có 6 dạng bài được ra trong phần TASK 1 gồm Bar Graph (Biểu đồ cột), Line Graph (Biểu đồ dường), Pie Chart (Biểu đồ tròn), Table (Bảng), Map (Bản đồ) và Diagram (Sơ đổ quy trình). Thông thường, đề bài sẽ cho các bảng biểu thuộc cùng một dạng, tuy nhiên cũng có trường hợp để bài tích hợp hai dạng bảng biểu khác nhau.

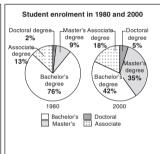
01 Bar Graph (Biểu đồ côt)



02 Line Graph (Biểu đồ đường)



03 Pie Chart (Biểu đồ tròn)

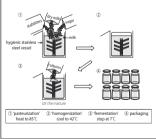


04 Table (Bảng)

05 Map (Bản đồ, sơ đồ)



06 Diagram (Sơ đồ quy trình)



Quantities of beef exported in 5 countries (2012, 2014, 2016)

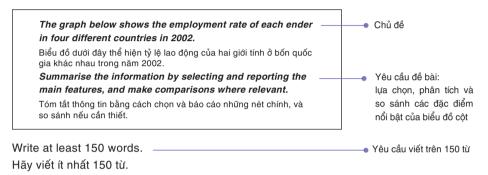
	2012	2014	2016
Japan	224	633	1,005
Switzerland	23	17	22
Brazil	125,465	130,307	137,650
Norway	34	81	17
Uruguay	44,372	39,932	42,310

PHÂN TÍCH

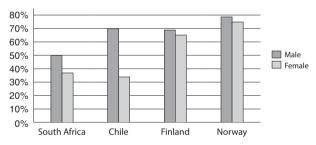
Đề bài có thể yêu cầu viết bài báo cáo về biểu đồ cột, biểu đồ đường hoặc biểu đồ tròn với chủ đề nhất định. Ngoài ra, đề bài cũng có thể yêu cầu phân tích các loại bảng biểu khác như bảng, bản đồ, sơ đồ; hoặc cũng có trường hợp kết hợp cả hai loại.

Đề mẫu

Dạng Bar Graph miêu tả số liệu điều tra hoặc xu hướng biến động của chúng



Employment rates of 4 countries (2002)



CHIẾN LƯỢC LÀM BÀI

BƯỚC 1 Viết dàn bài

Sau khi phân tích biểu đồ, bạn hãy sắp xếp lại các ý tổng quát và chi tiết liên quan đến biểu đồ. Ý tổng quát là các đặc điểm có thể thấy ngay khi nhìn vào biểu đồ, còn thông tin chi tiết bao gồm các mốc thời gian và các số liệu cụ thể.

BƯỚC 2 Viết bài báo cáo hoàn chỉnh dựa trên dàn bài

Dựa vào dàn bài đã lập ở bước 1, chia bài viết thành các đoạn gồm một đoạn mô tả đặc trưng tổng quát và các đoạn mô tả đặc điểm chi tiết rồi bắt đầu viết báo cáo.

BƯỚC 3 Soát lai bài viết và sửa lỗi nếu có

Sau khi hoàn thành bài viết, bạn hãy dành thời gian để soát và sửa lại các lỗi nếu có. Thời gian lý tưởng cho bước này là khoảng 2 phút. Bạn không nên quá tập trung vào nội dung mà hãy chú ý các lỗi về hình thức như ngữ pháp, chính tả, cấu tạo câu,... Hãy thử tham khảo các Tiêu chí tự chỉnh sửa bài viết (tr.331) để hoàn thiện bài báo cáo của mình.



HACKERS **IELTS** WRITING

TASK 1

LÀM CHỦ CÁC CÁCH DIỄN ĐẠT

01 Cách diễn đạt theo tình huống - Tăng, giảm, biến động

02 Cách diễn đạt theo tình huống - So sánh, tỷ lệ, sự ổn định

03 Cách diễn đạt theo tình huống - Quá trình, biến đổi, vị trí



Cách diễn đạt theo tình huống

Tăng, giảm, biến động

Để viết một bài báo cáo phân tích bảng biểu hoàn chỉnh trong Task 1, bạn cần luyện tập thật thuần thục nhiều cách diễn đạt trong các tình huống khác nhau và biết cách vận dụng vào bài viết của mình. Dưới đây là các cách diễn đạt liên quan đến xu hướng tăng, giảm, biến động thường dùng khi phân tích và so sánh các số liệu trong các loại biểu đồ hoặc bảng.

1. Các cách diễn đạt số liệu tăng

1 Tăng dần/tăng nhanh

Chủ ngữ + increase gradually/quickly

Lượng hành khách sử dụng phương tiện giao thông công cộng tăng dần trong giai đoan 20 năm.

The number of public transit passengers increased gradually over the 20-year period.

*phương tiện giao thông công cộng = public transport

*hành khách = passenger

Tăng xấp xỉ/gần như gấp đôi (hai lần)

Chủ ngữ + approximately/almost double

Số người sử dụng Internet tại Đan Mạch tăng xấp xỉ hai lần, từ 22.000 lên 45.000 người. The number of Internet users in Denmark **approximately doubled** from 22.000 to 45,000.

Tăng chậm/nhanh

Growth is slow/fast

Số lượng khách du lịch Anh tăng chậm nhưng từ năm 2013 thì đột ngột tăng nhanh.

For UK tourists, growth was slow until 2013, when it started to increase dramatically.

*khách du lịch = tourist *đột ngột = dramatically

4 Tăng nhanh/nhiều

Chủ ngữ + rise rapidly/heavily

Lượng thịt bò xuất khẩu của Brazil tăng nhanh từ 125.465 tấn lên 137.650 tấn trong vòng 10 năm.

The amount of beef Brazil exported **rose rapidly** from 125,465 to 137,650 tons over the ten-year period.

*xuất khẩu = export

Tăng tới đỉnh điểm ở mức ~

Chủ ngữ + peak at ~

Số học sinh đến từ Trung Quốc tăng đến đỉnh điểm ở mức 320.000 em vào năm 2015 rồi giảm đáng kể vào năm sau đó.

The number of students from China **peaked at** 320,000 in 2015, before falling considerably in the next year.

*đáng kể = considerably

Đạt tới mức cao nhất là ~ vào năm –

Chủ ngữ + reach the highest point of ~ in -

Lượng khách du lịch Mỹ tới Anh đạt tới mức cao nhất là 3,2 triệu người vào năm 2015 The number of US tourists traveling to the UK **reached the highest point of** 3.2 million in 2015.

7 Tăng lên nhất thời/liên tục

Chủ ngữ + ascend temporarily/continually

Năm 2000, hài kịch nhất thời tăng lên vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng sau đó rớt hạng trong năm tiếp theo.

In 2000, comedy **ascended temporarily** to the top spot, before falling in the following year.

*vị trí đầu tiên, vị trí số 1 = top spot

*năm tiếp theo = in the following year

Tăng nhanh/ đột ngột

Chủ ngữ + surge quickly/dramatically

Lượng người sử dụng tàu điện tăng nhanh từ năm 2003 đến năm 2005, gần như gấp đôi trong vòng ba năm.

Tram usage **surged quickly** from 2003 to 2005, almost doubling over the three-year period.

*gấp đôi = double

*tàu điện = tram

Tăng đáng kể/đều đặn

Chủ ngữ + grow significantly/steadily

Sư đóng góp về mặt kinh tế của các du học sinh cho nước Mỹ đã tặng đáng kể.

The economic contribution of students from overseas in the US grew significantly.

*về mặt kinh tế, mang tính kinh tế = economic

*đóng góp = contribution

10 Tăng theo cấp số nhân/tăng nhẹ

Chủ ngữ + go up exponentially/moderately

Lượng người sử dụng xe buýt tăng theo cấp số nhân trong suốt tám năm liên tiếp kể từ năm 2000, cuối cùng tăng gấp năm lần lượng người sử dụng ban đầu.

Bus passenger numbers **went up exponentially** over the eight years from 2000, eventually reaching five times what they were at the start of the period.

III Tăng vọt một cách nhanh chóng/đáng kể

Chủ ngữ + soar sharply/remarkably

Lưu lượng giao thông tăng vọt lên mức 150 triệu (phương tiện) trong vòng 5 năm qua. Traffic **soared sharply** by over 150 million in the last five years.

12 Cho thấy xu hướng tăng

An upward/increasing trend was seen

Mexico cho thấy xu hướng tăng nhanh trong suốt 40 năm, tốc độ tăng nhanh giữ ổn định đến cuối thời kỳ.

An upward trend was seen in Mexico over the 40-year period, rapidly increasing in pace towards the end.

13 Tăng vọt đáng kể/đột ngột

Chủ ngữ + shoot up considerably/suddenly

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tại Bồ Đào Nha tăng vọt một cách đáng kể từ mức thấp nhất 54% vào năm 2005 tới đỉnh điểm đạt 95% vào năm 2009.

The share of graduates in Portugal **shot up considerably** from its lowest point of 54 percent in 2005 to a peak of 95 percent in 2009.

2. Các cách diễn đạt số liệu giảm

14 Giảm trông thấy/giảm nhẹ

Chủ ngữ + dip notably/minimally

Số lượng xe tải giảm đi trông thấy, giảm gần 27% trong năm thứ hai và tiếp tục giảm trong các năm tiếp theo.

Truck numbers **dipped notably**, falling by almost 27 percent in the second year and continued to drop in subsequent years.

^{*}cuối cùng = eventually

^{*}lưu lượng giao thông = traffic

^{*}tốc đô ổn đinh, nhất quán = in pace

^{*}sinh viên tốt nghiệp = graduate

15 Giảm nhẹ/giảm đều

Chủ ngữ + fall slightly/steadily

Số công dân Mỹ đi du lịch tại Anh duy trì ở khoảng 2,8 triệu người trong hai năm 2011 và 2012 nhưng giảm nhẹ vào năm 2013.

The number of US residents traveling to the UK remained at around 2.8 million in 2011 and 2012, but **fell slightly** in 2013.

16 Giảm chậm/tương đối nhiều

Chủ ngữ + decline slowly/sizably

Tỷ lệ của Luxembourg giảm chậm từ 24% xuống 13%, mức giảm nhiều nhất trong tất cả các quốc gia được nhắc đến.

Luxembourg's rate **declined slowly** from 24% to 13%, which was the largest decrease of all the countries in question.

17 Giảm nhanh/không đáng kể

Chủ ngữ + drop rapidly/insignificantly

Chỉ số này giảm nhanh xuống còn 25% vào năm 2011, tức giảm gần 50% so với lượng ban đầu.

This figure **dropped rapidly** to 25 percent by 2011, a decrease of almost 50 percent compared to the original amount.

18 Giảm khoảng/gần như một nửa

Chủ ngữ + roughly/nearly halve

Tỷ lệ của Thụy Điển giảm khoảng một nửa xuống còn 35%, tương đương với tỷ lệ của Na Uy.

Sweden's proportion had **roughly halved** to 35 percent, which was almost equal to Norway.

*tương đương với = equal to *tỷ lệ = proportion

19 Giảm mạnh/nhẹ

Chủ ngữ + go down sharply/slightly

Tỷ lệ của Iceland giảm mạnh xuống còn dưới 20%.

Iceland's percentage went down sharply to just under 20 percent.

20 Sụt đáng kể /nhanh

Chủ ngữ + plummet remarkably/quickly

Tỷ lệ người dưới 15 tuổi sụt đáng kể trong nửa sau của thời kỳ.

The proportion of people under the age of 15 **plummeted remarkably** during the second half of the period.

*nửa sau = second half

21 Chạm mức thấp nhất ~

Chủ ngữ + hit a low of ~

Số lượng khách du lịch Anh chạm mức thấp nhất với ba triệu người vào năm 2012 rồi tăng lên đáng kể trong vài năm sau đó.

The number of Uk travelers **hit a low of** three million in 2012 before increasing substantially over the next few years.

*đáng kể = substantially

22 Giảm liên tục/đột ngột

Chủ ngữ + shrink consistently/abruptly

Chỉ có nhóm tuổi trẻ nhất là là liên tục giảm.

The youngest age group was the only one to shrink consistently.

*nhóm tuổi = age group

23 Giảm đáng kể/nhanh chóng/dần dần

Chủ ngữ + decrease substantially/quickly/gradually

Tỷ lệ người lao động được tuyển dụng trong lĩnh vực nông nghiệp giảm đáng kể, từ 33% vào năm 1981 xuống còn 6% trong năm 2011.

The proportion of workers hired in the agriculture sector **decreased substantially** from 33 percent in 1981 to 6 percent in 2011.

*nông nghiệp = agriculture

*lînh vức = sector

3. Các cách diễn đạt sư biến động

24 Biến động trong khoảng thời gian ~ năm

Chủ ngữ + fluctuate over the #-year period

Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp đã biến động trong thời kỳ 20 năm.

The percentage of industrial workers fluctuated over the 20-year period.

25 Có những sự thay đổi lớn trong ~

There are significant changes in ~

Có những sự thay đổi lớn trong lượng dân di cư từ năm 1990 đến năm 2010.

There were significant changes in the volume of migration between 1990 and 2010.

*lượng, dung lượng = volume *di cư = migration

26 Có một số biến động nhỏ

There are some slight shifts

Doanh số bán hàng trong vòng 3 năm gần như ở mức ổn định mặc dù có một số biến đông nhỏ.

Sales figures were more or less stable in the three years, though **there were some slight shifts**.

*gần như = more or less

27 Biến động liên tục

Chủ ngữ + vary consistently/continuously

Lượng đăng ký xe máy biến động liên tục trong suốt thời kỳ này, đạt mức cao nhất vào năm 1995 và 1997 và thấp nhất vào năm 2000.

Motorcycle registrations **varied consistently** during the whole period, with peaks in 1995 and 1997, and a low in 2000.

*xe máy = motorcycle *lượng đăng ký = registration

Tăng và giảm vài lần

Chủ ngữ + go up and down several times

Tỷ lệ nguyên vật liệu và các trang thiết bị tăng giảm nhiều lần.

The percentages for resources and equipment went up and down several times.

*nguyên vật liệu, tài nguyên = resource

CHECK-UP

Lưu ý các phần đánh dấu màu tím và viết lại các câu sau sang tiếng Anh.

01. Giá nhà đã tăng dần lên trong những năm sau khi suy thoái kinh tế. *suy thoái kinh tế = economic downturn *sau khi = following **12.** Tăng trưởng diễn ra chậm ở Đan Mạch vào năm 2005, sau đó tăng nhanh vào năm 2009. *nhanh = rapidly 03. Lượng dân nhập cư châu Âu vào Anh đạt đỉnh điểm ở mức 650.000 người vào năm 2016. *dân di cư = immigrant **04.** Giá dầu tăng đều đặn trong hai năm sau đó. *giá dầu = oil price **05.** Hàng nhập khẩu từ Úc tăng nhẹ ở quý cuối cùng. *nhập khẩu = import *quý cuối cùng = in the last quarter **06.** Có thể thấy một xu hướng tăng trong việc lựa chọn Internet tốc độ cao trong vòng sau tháng qua. *internet tốc đô cao = high-speed internet *lưa chon = adoption

07. Giá nhiên liệu đã giảm đáng kể trong năm tài chính này.

*nhiên liêu = fuel

* năm tài chính = fiscal year

08. Giá trị thị trường giảm liên tục trong suốt mùa hè.

*giá trị thị trường = market value

09. Số lượng khán giả đã giảm đột nhanh sau tuần đầu ra mắt bộ phim.

*ra mắt, phát hành = release

*khán giả = audience

- 10. Tỷ lệ gia tăng dân số của quốc gia này đạt mức thấp nhất chỉ 2% trong năm vừa qua. *tỷ lệ gia tăng dân số = population growth rate
- 11. Chi phí sản xuất đã dao động trong 5 năm đầu kinh doanh.

*chi phí sản xuất = production cost

12. Có một số thay đổi không đáng kể trong giá cổ phiếu trong vòng 2 năm được đề cập. *giá cổ phiếu = stock price

*trong vòng ~ thời gian = over the course of ~



Cách diễn đạt theo tình huống

So sánh, tỷ lệ, sự ổn định

Bạn có thể sử dụng các cách diễn đạt so sánh - tỷ lệ - sự ổn định trong tất cả các dạng bài liên quan đến số liệu và sự biến động.

1. Các cách diễn đạt dùng khi so sánh

Gần như bằng/xấp xỉ bằng ~

Chủ ngữ + is nearly/roughly equal to ~

Lợi nhuận của thể loại phiêu lưu mạo hiểm tương ứng gần 15%, gần bằng với tổng tỷ lệ lợi nhuận của ba thể loại kém phổ biến nhất cộng lại.

Adventure represented close to 15 percent, which was nearly equal to the profit rates of the three least popular genres combined.

*tương ứng = represent

*tỷ lệ lợi nhuận = profit rate

* cộng lại = combine

2 ~ được phân chia tương đối đồng đều

Chủ ngữ + is relatively evenly distributed

Tỷ lệ cho cả hai giới tính nam và nữ ở Na Uy và Phần Lan được phân chia tương đối đồng đều.

The proportions for both sexes in Norway and Finland were relatively evenly distributed.

A cao/thấp/nhiều ~ hơn B

A is + dang so sánh hơn của tính từ (higher/lower/more ~) than B

Chi phí quảng cáo trên ti-vi cao hơn các loại phương tiện thông tin đại chúng khác. Advertising costs for televisions **were higher than** the costs for those of any other category.

*chi phí quảng cáo = advertising cost

*loại, lĩnh vực = category

A ~ nhất

A is + dạng so sánh bậc nhất của tính từ (the most common/the most popular/ the highest)

Tuy tổng số lượng cử nhân đã giảm nhưng cử nhân vẫn là học vị phổ biến nhất ở cuối thời kỳ này.

Although the amount of bachelor's degree students decreased, it **was** still the **most common** degree at the end of the period.

*hoc vi cử nhân = bachelor's degree

Theo sau là ~

followed by ~

Nước Anh chi nhiều nhất cho lĩnh vực sức khỏe, khoảng 8%, theo sau là lĩnh vực giáo dục vào khoảng 6,4%.

The UK spent the most on health, at roughly 8 percent, **followed by** education at 6.4 percent.

*chi trå = spend

*sức khỏe = health

Gần bằng

Mênh đề + close behind

Tỷ lệ nam giới ở Chile và Phần Lan gần bằng 70%, trong khi tỉ lệ này ở Nam Phi là thấp nhất ở khoảng 60%.

Chilean and Finnish men were **close behind** at roughly 70 percent, whilst South Africa was the lowest with around 60 percent.

*trong khi = whilst

7 Nới rộng/thu hẹp khoảng cách

The gap widens/narrows

Khoảng cách dân số giữa ba quốc gia bị nới rộng dần ở cuối giai đoạn này.

The gap in population among the three countries had **widened** by the end of the period.

👭 So với ~

Compared to ~

So với số liệu của năm 2010, giá trị của năm 2015 cao gấp khoảng 2,5 lần.

Compared to the 2010 figure, the 2015 value was around 2.5 times higher.

*số liệu = figure

*giá trị = value

g Trái lại,

In/By contrast,

Trái lại, tỷ lệ người đi du lịch theo tour đã giảm hơn một nửa, từ 27% xuống còn 12%.

In contrast, the proportion of people visiting on tour was cut by more than half from 27 percent to 12 percent.

*theo tour = on tour

*hơn một nửa = more than half

10 Thấy được xu hướng/xu thế tương tự

A similar pattern/trend was seen

Có thể thấy được xu hướng tương tự ở các vị trí xếp hạng phía dưới gồm tủ lạnh và máy giặt, chỉ chiếm lần lượt 6,78% và 6,04% so với tổng số.

A similar pattern was seen on the lower end with refrigerators and washing machines, capturing just 6.78 percent and 6.04 percent of the total.

*các vị trí (xếp hạng) phía dưới = on the lower end *tủ lạnh = refrigerator *chiếm, nắm bắt = capture

111 Trong khi

Whereas mênh đề

Trong khi hầu hết các loại hình du lịch khác chỉ có một vài biến động nhỏ thì hình thức du lịch theo tour đã kém phổ biến rất nhiều trong vòng vài năm.

Whereas there were only slight shifts in most categories, to visit on tour shrank considerably between the years.

*nhỏ, nhẹ = slight *biến động = shift

12 ... hơn ~ cộng lại

Mệnh đề + more + danh từ + than ~ combined

Brazil xuất khẩu nhiều thịt bò hơn lượng của Nhật Bản, Thụy Sĩ, Na Uy và Uruguay công lai.

Brazil exported more beef than Japan, Switzerland, Norway, and Uruguay combined.

*xuất khẩu = export

18 Nổi bật

Chủ ngữ + stand out

Năm 1995, chính kịch là thể loại nổi bật nhất.

In the year 1995, it is drama that **stands out** as the most popular genre.

2. Các cách diễn đạt dùng khi miêu tả tỷ lệ

14 Chiếm khoảng/gần

Chủ ngữ + account for almost/roughly

Tỷ lệ sinh viên chưa tốt nghiệp chiếm khoảng 3/4 tổng số sinh viên.

The proportion of undergraduate students **accounted for almost** three-quarters of all students.

*sinh viên đại học = undergraduate student

*ba phần tư = three-quaters

15 Tương ứng với khoảng/gần như

Chủ ngữ + represent approximately/nearly ~

Tổng số học viên cao học tương ứng với khoảng 9% vào năm 1980 và tăng gấp gần 4 lần cho đến năm 2000.

The total of master's degree students, **representing approximately** nine percent in 1980, nearly quadrupled by 2000.

*học viên cao học = master's degree student

*gấp bốn lần = quadruple

16 Rơi vào ~

Chủ ngữ + fall into ~

Dự đoán cho đến năm 2050, có 25% dân số sẽ rơi vào nhóm này.

Projections show that 25 percent of the population will fall into this category by 2050.

*dự đoán, dự kiến = projection

17 Đa số ~

The majority of ~

Đại đa số mọi người tới bảo tàng mỹ thuật là nhằm học hỏi và trau dồi kiến thức.

The overwhelming majority of visitors went to art museums to learn and gain knowledge.

*áp đảo = overwhelming

18 Bao gồm ∼

Chủ ngữ + consist of ~

Những điểm khác biệt lớn nhất bao gồm việc giảm bớt các khu dân cư và tăng thêm không gian xanh.

The biggest differences **consist** of a reduction in residences and an increase in green spaces.

*giåm = reduction

*khu dân cư = residences

*không gian xanh = green space

19 Được cấu tạo bởi ~

Chủ ngữ + is/are composed of ~

Sơ đồ được cấu tạo bởi một máy đo điện áp, một động cơ và một cục pin, tất cả được kết nối bởi một chuỗi các dây điện.

The diagram **is composed of** a voltage measuring device, an engine, and a battery, all of which are connected by a series of electrical cables.

*máy đo điện áp = voltage measuring device *một chuỗi, một loạt = a series of *dây điện = electrical cable

20 Chiếm xấp xỉ/gần như

Chủ ngữ + make up approximately/almost

Số người tới mua sắm chỉ chiếm 1%, trong khi số người tới vì mục đích khác chiếm khoảng từ 3 đến 4%.

Those who went for other purposes **made up approximately** three to four percent, whilst those who went to shop accounted for just one percent.

21 Bộ phận/phần của ~

The portion of ~

Bộ phận các học viên muốn có được bằng thạc sĩ tăng lên rõ rệt, tăng thêm hơn 2/3 trong vòng hai năm.

The portion of students seeking a master's degree markedly increased, growing by over two-thirds between the two years.

22 Chiếm ưu thế/áp đảo

Chủ ngữ + is the dominant ~

Rock là thể loại chiếm vị trí ưu thế với xấp xỉ 40% tổng lượng bán ra mỗi kỳ.

Rock was the dominant genre, accounting for approximately 40 percent of all sales in each period.

*chiếm = account for *lương bán ra = sale

3. Các cách diễn đạt dùng khi miêu tả sự ổn định

23 Gần như/tương đối ổn định

Chủ ngữ + is nearly/relatively flat

Những chỉ số của Italia từ năm 1996 tới năm 2006 gần như ổn định nhưng duy trì ở mức cao.

Italy's numbers were nearly flat from 1996 to 2006, but were constantly high.

*duy trì, liên tục = constantly

24 Duy trì trạng thái tương đối/gần như ổn định

Chủ ngữ + remain relatively/almost stable

Lợi nhuận của thể loại phim hài lãng mạn duy trì trạng thái tương đối ổn định, với chút tăng nhẹ trong hai năm đầu tiên.

The profitability of romantic comedy **remained relatively stable**, with slight increases in the first two years.

*lợi nhuận = profitability

25 Tương đối/hầu như không biến động

Chủ ngữ + remain almost/relatively constant

Lượng dầu được sử dụng ở Italia gần như không biến động nhưng các chỉ số của Thụy Điển và Iceland giảm manh.

Oil usage in Italy **remained almost constant**, but the figures for Sweden and Iceland plunged.

*lượng sử dụng = usage

*giảm mạnh = plunge

26 Tương đối/hầu như không thay đổi

There was nearly/relatively no change

Tỷ lệ cử nhân tại Luxembourg hầu như không thay đổi, mặc dù số lượng thạc sĩ tăng dần.

There was nearly no change in the proportion of graduates in Luxembourg, although the number of postgraduates gradually rose.

*thac si = postgraduate

27 Giữ nguyên ở mức ~

Chủ ngữ + stay at ~

Các chỉ số của Bồ Đào Nha vẫn giữ nguyên ở mức 70% trong suốt 40 năm.

Portugal consistently stayed at around 70 percent over the span of 40 years.

*trong suốt ~ thời gian = over the span of

CHECK-UP

Lưu ý các phần đánh dấu màu tím và viết lại các câu sau sang tiếng Anh.

- 01. Chi phí vận hành cao hơn tất cả các loại chi phí khác của công ty.
 - * chi phí vận hành = operation expense
- **02.** Khoảng cách giữa doanh thu dự kiến và kết quả thực tế đã tăng lên trong quý ba.

*du kiến = projected

*doanh thu = revenue

03. Ngược lại, lợi nhuận có được từ ngành công nghiệp chế tạo của Đức là cao nhất ở châu Âu.

*chế tạo = manufacturing

*có lợi nhuận = profitable

04. Có thể thấy xu hướng tương tự ở khu vực công cộng, tức là khu vực này đã bị cắt giảm đầu tư.

*qiảm = fall

*khu vực công cộng = public sector

05. Lượng thịt bò xuất khẩu đã giảm đột ngột, **trong khi** lượng thịt lợn xuất khẩu vẫn đang tăng.

* thit lon = pork

*thit bò = beef

06. Tỷ lệ lao động nông nghiệp là **nổi bật nhất** trong khu vực này.

*nông dân = agricultural worker

- Các công viên quốc gia chiếm gần một nửa toàn bộ diện tích đất ở Scotland.
 *công viên quốc gia = national park
- **08.** Số liệu thống kê cho thấy đa số mọi người đều **rơi vào** nhóm những người ăn uống không lành mạnh.
 - * Số liệu thống kê = statistics *người ăn uống không lành mạnh = unhealthy eater
- Phần trăm vốn tư bản dùng cho hoạt động marketing nhiều hơn tất cả các năm trước đó.*(Quỹ, vốn, thời gian) dùng cho việc gì = allocate
- 10. Vận tải biển là hình thức vận chuyển chiếm ưu thế trong kinh doanh những năm 1940.*vận tải biển = ship transport
- 11. Sản lượng kinh tế duy trì tương đối ổn định bất chấp những biến động đột ngột của thị trường.

*sån lượng kinh tế = economic output

*bất chấp, mặc dù = despite

12. Chỉ số thất nghiệp gần như không có sự thay đổi trong vòng 5 năm.

*thất nghiệp = unemployment

Xem đáp án đi kèm tr.353